

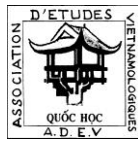
NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC

THIÊN - HỌC VIỆT - NAM

NÚI AN - TỬ

VỚI

THIÊN - HỌC VIỆT - NAM



NGUYỄN - ĐĂNG - THỤC

MỤC - LỤC

1/_ Núi An-Tử Với Thiền-Học Việt-Nam.....	1
2/_ Từ An-Tử Đến Cảnh Thiền Tỉnh Hải-Dương	17
3/_ Truyền-Thống Trúc-Lâm An-Tử	25
4/_ Truyền-Thống Thiền-Tông Trước Thời Trần	29
5/_ Đạo Thiền Theo Tổ Chân-Nguyên Chính-Giác (1646 - 1726)	33
6/_ Thiền-Tông Trúc-Lâm Yên-Tử Với Trần-Thái-Tông (1225 - 1277).....	53
_ Thiền-Tông Chỉ-Nam Của Trần-Thái-Tông	
_ Vấn-Đáp Giữa Thiền-Sư Tống-Đức-Thành Với Nhà Vua Trần-Thái-Tông	
7/_ Trần-Thánh-Tông (1273 - 1279)	83
8/_ Trần-Nhân-Tông Tổ Thứ Nhất -- Thiền-Tông Trúc-Lâm An-Tử.....	89
_ Trần-Nhân-Tông Với Tuệ-Trung Thượng-Sĩ	
_ Đệ Nhất Trúc-Lâm An-Tử (Cư-Trần Lạc-Đạo Phú -- Đắc Thú Lâm	
Tuyền Thành Đạo Ca -- Chữ Nôm)	
_ Thơ Chữ Hán Của Trần-Nhân-Tông	
9/_ Pháp-Loa Tổ Thứ Hai	129
9/_ Huyền-Quang Tổ Thứ Ba	137
10/_ Kết-Luận Của Tổ Chân-Nguyên -- Thiền Tịch Phú (Nôm)	147
11/_ Tổng-Luận Triết-Lý Trúc-Lâm Tam Tổ	153

[Toàn bộ chữ Nho in trong sách là thủ bút của tác-giả,
chép lại và xếp đặt như trong di cảo]

*

Phụ-trách Ấn-loát : Nguyễn-Kim-Ánh
Copyright © Nguyễn-Kim-Ánh

NÚI AN - TỬ
VỚI
THIÊN - HỌC VIỆT-NAM

" Núi này là ngàn núi rừng phía Đông Bắc Bắc-Việt, Bắc giáp tỉnh Bắc-Giang, Tây giáp huyện Chí-Linh Đông-Triều thuộc tỉnh Hải-Dương, Đông thuộc địa-phận tỉnh Quảng-Yên, giáp bể Đông-Hải .

" Sở dĩ núi này mang tên là Yên hay An-Tử là tục-truyền ngày xưa thời Tần bên Tàu có vị đạo-sĩ tên là An-Kỳ-Sinh đến tu-luyện đạo Tiên ở đây. Trên núi hiện nay còn có tượng đá An-Kỳ-Sinh .

" Tượng bằng đá xanh hình đứng, to bằng người nhưng lâu đời đã mòn đi, trông xù-xì như cái cột quán đá đổ, một mặt như có vết hạ thông xuống để thích chữ. Truyền rằng có An-Kỳ-Sinh người Tàu thờ nhà Tần theo đạo Thần-Tiên rồi sang ở núi này, luyện đạo mà thành Tiên, nên đời sau mới gọi núi này là An-Tử. Ở dưới chân tượng người ta cũng để một bình hương bằng đồng để khách lễ-bái ."

_(Theo Đồ Nam " Danh Nhân Hải-Dương " - tạp-chí Nam-Phong, số 165)

" Tra trong “ Trung-quốc Nhân Danh Đại Tự-Điện ” thấy nói :

" An-Kỳ-Sinh người làng Phụ đất Lang-Da bên Tàu., có theo học ông Hà-Thượng Đại-Nhân, thường đi bán thuốc ở miền bể. Khi Tần-Thủy-Hoàng-Đế đi chơi miền Đông có cùng ông nói chuyện suốt ba ngày đêm, tặng ông ngọc Kim-Bích đáng giá hàng mấy vạn tiền, Ông đem ra đình-làng Phụ để trả lại đấy rồi đi. Ông có để lại thư và đôi giày Xích-Ngọc để báo ơn Vua. Trong thư nói :

“ Sau vài mươi năm nữa thì tìm ta ở núi Bồng-Lai ! ”. Sau Vua Tần-Thủy-Hoàng cho người ra bể tìm không thấy đâu cả " .

" Sách Hán-Thư chép rằng :

" An-Kỳ-Sinh người nước Tề, có quen với Khoái-Thông, thường bày kể sách cho Hạng-Vũ. Hoàng-Phủ-Bật chép truyện Cao-Sĩ bảo rằng : “ Ông An-Kỳ-Sinh đời Tần với ông An-Kỳ-Sinh này là một người ” .

" Sách “ Hải-Dương Phong Vật Chí ” mục Sơn Xuyên núi An-Tử chép rằng :

“ Theo Nhạc-Hải Danh Sơn Đồ, đây là nơi phúc địa số 4 của đất Giao-Châu ” .

" Sách Minh-Sử Lễ-Chí viết :

“ Nước Nam có 21 danh-sơn liệt-kê vào Tự-diễn mà núi An-Tử và núi Kiệt-Đặc là hai núi trong số ấy ”.

" Năm Hồng-Vũ thứ hai Vua nhà Minh sai sứ sang tô vẽ lại hình và địa-đồ đem về .

" Năm Tự-Đức thứ ba triều Vua ta (1850) liệt vào hạng Danh-sơn biên vào Tự-diễn ”.

" Theo Dư Địa Chí của Úc-Trai Nguyễn-Trãi thì Yên-Tử là tên núi các Vua nhà Trần đến khi xuất-gia, thường hay đến tu Thiền ở đấy .

"An-Tử sơn danh, hữu Trần chư Đế thường xuất gia tu Thiền vu thử "

" Ngàn núi chạy dài, đột lên ba ngọn. Đầu làng Tây thuộc địa-phận Đông-Triều là ngọn Ngọa-Vân. Giữa là ngọn Hồ-Thiên cũng thuộc địa-phận Đông-Triều. Đầu làng Đông, một ngọn cao hơn cả là ngọn Tử-Tiêu. Ba nơi này đều có chùa và cổ-tích của hai triều Trần, Lê .

" Về làng Đông, phần này thường gọi là An-Tử, đường vào có ba ngã : một ngã từ Hải-Dương đi theo cầu máng nước vào chùa Lân ; một ngã từ Tràng-Bạc đi qua chùa Cầm-Thực vào chùa Lân ; một ngã từ huyện-ky Đông-Triều đi qua Bến Châu, rồi đi tắt qua đường nhỏ trong núi vào chùa Lân. Chùa Lân là tên Nôm của Chù Long-Động, vì bên cạnh có hòn núi hình như con Lân. Chùa bằng gỗ, tượng pháp nguy-nga, thờ ba vị “ Trúc Lâm Tam Tổ ”. Tổ thứ ba là Thiền-Sư Huyền-Quang có bài thơ :

" Am đạt thanh vân mạc,
Môn khai vân thượng sàng,
Dĩ can Long-Động nhật,
Do xích Hồ khô bằng
Bão chuyết vô dư sách
Chi suy hữu sáu dàng
Nhàn lâm đa túc điệu,
Bán tháp bạn nhàn tăng ."

Dịch :

Mây xanh trướng phủ màn che,
Cửa chùa mở rộng bên khe trên đèo ;
Bằng trời Long-Động bằng sào,
Hồ-Khê sương giá còn cao hơn đầu ;
Quê mùa đã hết kể sầu,
Gậy song áo lá thiếu đầu mây gây ;
Rừng thâm chim nấu ẩn đây,
Bạn cùng sư sãi liêu ngay giường Thiền .
_ (Huyền-Quang)

" Bài thơ trên đây là tả cảnh từ bên Trung-Phong thẳng đến chùa Giải-Oan. Chùa này trước mặt là khe, sau lưng là núi, có đến ngàn cây thông cao, trong có chùa Thanh-Thạch (chùa đá xanh), có núi đá gọi là núi Hạ-Kiệu, vì khi Vua Anh-Tông nhà Trần đi đến đây phải xuống kiệu nên gọi tên như thế. Gần đây có ba cái Am. Am Trung-Thạch rất cao lớn, ấy là cái Am thờ xá-lợi Vua Nhân-Tông, còn hai Am ở phía tả và phía hữu là chỗ ở của Pháp-Loa và Huyền-Quang. Lại có chùa Hoa-Yên, ở hai bên tả hữu chùa này có viện Phù-Đồ, lầu Chung-Cổ, nhà Dưỡng-Tăng và nhà Yên-Khách. Nơi lưng-chùng núi có nhà Bán-Đông (nửa giường) liền với chôn Thanh-Lương, ở trong rất u-tịch. Triều nhà Trần, mỗi năm cứ đến mùa xuân thì quan Ngự-Y đến tán thuốc ở đây. Lại có Long-Khê rộng hơn một trượng, từ trên đỉnh núi đổ xuống, nước như bay. Giữa chỗ ngọn nước gieo xuống có thót đá bàn, giữa trũng xuống thành hố sâu năm thước, nước chảy gấp mạnh, có tiếng ồ-ạt nhập vào suối Giải-Oan. Lại có chùa Am-Trường, trước chùa trồng nhiều cây mộc lê (hoa mộc), hoa nở hương thơm nức. Ông Thái-Thuận có câu thơ :

" *Nhất thanh thu tại mộc lê hoa* ".

(Một tiếng thu đông thì hoa mộc nở)

" Tức là hoa này. Bên tả chùa này có Thung-Am (Am già thuốc) và Dược-Am (Am luyện thuốc) .

" Tổ Huyền-Quang còn để lại bài phú vịnh chùa Hoa-Yên, nhan-đề " An-Tử Trúc-Lâm Đệ Tam Tổ Huyền-Quang Tôn-Giả Vịnh Hoa-Yên Tự Phú -- Bát thể vận " :

" Bểng niêm trần-tục,
Náu đến Hoa-Yên ;
Chim thụy dọi tiếng ca chim thụy,
Gió Tiên đưa đội bước Thần-Tiên ;
Bầu đủng-đỉnh giang hòa thế-giới,
Hải thông-thả đạo khắp sơ-xuyên ;
Đất phúc địa nhận xem luống kẻ,
Kể bao nhiêu dư trăm phúc địa ;
Trời Thiên thiên thập thu thừa lạ,
Lạ hơn ba mươi sáu Thiên thiên ;
Thầy đây đất tựa hoành liên,
Cảnh bằng ngọc đức ;
Mây năm thức che phủ điện Nghiêu,
Núi ngàn tầng quanh co đường Thục ;
Là đá tảng thô,
Dốc một hòn quán bên một hòn,
Nước suối chảy lan ;
Sâu đôi khúc nhưng dò đôi khúc,
Cổ miếu gió lọt đàm vui vui ;
Non tạnh mưa đượm màu thức thức,
Ngàn cây phơi cảnh Phượng ;
Vườn Thượng-Uyển đoá tốt dòn dòn,
Hang nước miệng Hàm-Rồng,
Dạ ly châu hạt mau mạt mạt ;
Mùa đông hổ-phách sáng khắp rừng thông,
Da điểm đồi-môi đồng hòa vườn Trúc ;
Các vẻ tiếng bồ trao thóc,
Gió vật đình đình ;

Điện ngọc phiến bồi diệp che,
 Mưa tuôn dòng dòng ;
 Cảnh tốt hòa lành,
 Đồ tựa vẽ tranh ;
 Chấn ấy trời thiêng mở khéo ;
 Nhân chi Vua Bụt tu hành,
 Hồ Sen trưng tán lục ;
 Suối Trúc phiếm đàn tranh,
 Ngự-sử Mai hai hàng châu lập ;
 Trượng-phu Tùng mấy chạnh phù khuynh ,
 Phỉ thúy quấy hai hàng loan phụng ;
 Tử-vi bày liệt vị công khanh ;
 Chim chóc bạn cầm hoa dâng cúng,
 Vượn bông con kê cửa nghe kinh ;
 Nương am vâng Bụt hiện từ-bi,
 Gió hiu hiu,
 Mây nhẹ nhẹ ;
 Ghé song thừa Thày ngồi Thiên-định,
 Trăng vắng vắng,
 Núi xanh xanh .
 Huống chi :
 Vân thủy bằng lòng,
 Yên hà phải thú ;
 Vui thay cảnh khác cảnh hoàng-kim,
 Trọng thay đường hơn đường cẩm-tú ;
 Phân ân-ái, am nào, am long,
 Dứt nhân-duyên, làng Nương, làng Mụ ;
 Mặc cà-sa,
 Nằm trướng giấy ;
 Màng chi châu đầy lẫm, ngọc đầy sương,
 Quên ngọc thực,
 Bỏ hương dao ;
 Cắp nạnh cà một thâu, tương một hũ,
 Chuân tiết dương tiếng nhạc tiếng chuyền ;
 Voi là đá tính từ chẳng đố,
 Xem phong cảnh hơn cảnh Bà-Lôi
 Quấy tay kèo chúng kèo thượng ngu,
 Bao nhiêu phong nguyệt, về cõi vô tâm ;

Chơi dầu nước non,
Ta nay ngồi đỉnh Vân-Tiêu,
Cưỡi chơi cánh diều,
Coi Đông-Sơn tựa hòn kim lộc,
Xem Nam-Hải tựa miệng con ngao ;
Nức đài lan ngĩ hương đàn quế,
Nghe Hằng-Nga thét khúc tiêu chiều ;
Quan thất bảo vẻ bao Bụt hiện,
Áo Văn-Thù tiếng gió Tiên phiêu ;
Thầy tu trước đã nên Phật quả,
Tiểu tu sau còn vị Tì-khuru ;
Thấy giây hồ thiên lẽ tỏ,
Xem lậu có nhẽ ;
Tuy rằng học đạo hư vô,
Ngâm ngọt hỏi Thiên ngôn ngĩ ;
Mở một tấm lòng xét chẳng cùng,
Động tác bông ngàn vàng còn dễ ;
Hẹn đến lâm-tuyền làm bạn,
Bảo rằng ở ai ?
Đua khoái-lạc chân bước lằm kim,
Nhiễm phồn-hoa dần-dà bạc tỷ ;
Chẳng những vược hạc thốt thề,
Lại phải cỏ hoa cười thủy ;
Tự đến đây,
Non nước đã quen,
Người từng mấy phen ;
Đầu khách dễ lên biếu bạc,
Mặt non hé một xanh đen ;
Hồ nước giá lựa là lọc nước,
Cửa dậu cây, phen Trúc cài then ;
Đan khúc nhạc tiếng không tiêu đánh,
Vỗ tay ca các lễ lạ liền ;
Lạ nhưng ôi ;
Tây Trúc đường nào,
Nam Châu có mây,
Non Linh-Thiếu ai đem về đây ?
Cảnh Phi-Lai mặt đà thấy đấy ;
Vào chung cỏi Thánh thênh thênh,

Thoát lầy lòng phàm thâm thấy ;
Bao nhiêu phong nguyệt,
Thề thốt chẳng cùng ;
Hồ cảnh giang-sơn,
Ai nhận thấy đây ?
Tự trước nhãn sau,
Thấy sao chép vậy ."
_ (Huyền-Quang)

" Chùa Hoa-Yên là trung-bộ ngọn núi này. Duy ở đây có một miếng đất lán lán làm đủ một cái chùa và một cái sân con, còn thì dốc cả. Trần-Nhân-Tôn và các Tổ Trúc-Lâm trước đều trụ-trì ở chùa này, còn các chùa ở trên cao nữa thì chỉ là chỗ thỉnh-thoảng lên lễ và quan vọng mà thôi. Ở chùa Hoa-Yên đi lên độ hơn hai giờ thì đến chùa Bảo-Sát. Quãng này lại dốc hơn quãng dưới, thường có những hòn đá bạch-anh bằng cái nhà gác to ở bên lối đi. Gần và ngang với chùa Bảo-Sát lại có chùa Vân-Tiêu. Hai bên gọi nhau nghe thấy, đều là những di-tích ngày xưa. Từ hai chùa này lên tuyết-đỉnh, tục gọi là lên chùa Đồng, đi mất chừng hai giờ. Người trèo lên, mỗi bước tay phải bám vào rễ cây rồi mới cất được mình lên, khi xuống thì ngồi vào đá, tay bám rễ cây rồi mới đưa mình xuống. Đã có câu ca hành-trình chỗ đó “ Lên thì như ếch, xuống thì như cua ”, qua quãng này đến một chỗ đất lán lán là chỗ có tượng An-Kỳ- Sinh .

" Từ tượng An-Kỳ-Sinh lại dốc lên đến gần đỉnh có một khúc đường như cái vai trâu bằng đá cuội, như hình bánh dày to bằng gian nhà, chồng lên nhau nghiêng nghiêng lối đi lên trên, ở đó trông xuống hai bên đều dốc xuống, cây cối um tùm ở dưới cả, như người đi trên nóc nhà trông xuống hai bên mái vậy. Thế mà các bà cứ lon ton miệng niệm Phật, chân bước rảo, đi nhanh hơn con trai. Thế mới biết cái sức tín-ngưỡng nó thúc-giục người ta mạnh lắm thay .

" Hết khúc này thì đến đỉnh núi. Theo “ Hoàng Việt Địa Dư ” gọi là ngọn Tử-Tiêu. Phạm-Sư-Mạnh có cảm-hứng ở đây :

*" Hành dịch đặng gia sơn,
Kiều thủ vạn lý thiên ;
Đổ bằng Nam minh ngoại,
Tân nhật Đông nhạc tiền ;*

*An-Phú thiên nhất ác,
Tượng đầu nhận cửu thiên ;
Tầng tầng Tử-Tiêu vân,
Hội phòng An-Kỳ-Tiên ;
Hung hung Bạch-Đằng đào,
Tượng tượng Ngô Vương thuyền ;
Ức tích Trùng -Hưng Đế
Diệu chuyển khôn hoàn kiên ;
Hải phô thiên môn đồng,
Hiệp môn vạn tinh chiến ;
Chí kim tư hải dân,
Trường ký cầm hồ niên ."*

Dịch :
Việc công lên núi nhà,
Ngẩng trông muôn dặm xa ;
Chim bằng liệng Nam-Hải,
Mặt-trời mọc núi Đông ;
Một dải núi An-Phụ,
Núi tượng ngất cửa trùng ;
Lớp lớp mây Tử-Tiêu,
Hỏi thăm An-Kỳ đâu ?
Cuồn cuộn sóng Bạch-Đằng,
Tượng tượng thuyền Ngô-Quyền ;
Nhớ lại Trần-Trùng-Hung,
Khéo xoay trời đất lại ;
Mặt biển thuyền chiến giải,
Ngọn núi cờ chiến bay ;
Giang-sơn trở bàn tay,
Nước sông rửa tanh hôi ;
Đến nay đâu bốn bề,
Thắng Nguyên nhớ mãi ngày .

" “ Tầng tầng mây núi Tử-Tiêu ” là nói núi này ở xa trông thì đỉnh núi cao nhất, ngàn An-Tử ở trên phân ra hai cái mỏ thường gọi là Mỏ-Điều. Song, lên đến đây thì chỉ nhận ra thấy có một mà thôi. Mé Nam còn làn làn, mé Bắc đá vách thành đứng thẳng xuống. Giữa đỉnh có một hòn đá cuội to bằng ba, bốn cái sập, cao bằng ngực người, mặt trên phẳng. Người

ta bày ba pho tượng Trúc-Lâm Tam Tổ bằng đá nhỏ độ (1) một thước năm và cái bình hương bằng đồng để khách lễ-bái. Tượng trông về hướng Nam.

" Ở đây đã khỏi lớp không-khí nồng hậu mà vào lớp không-khí thoáng nhẹ, nên cây to không mọc được, điều thú cũng không có, chỉ có những cây Trúc nhỏ mà lá to và loài kiến ong. Ở đây thường bị mây phủ. Khi mây bục thì chỗ đứng vẫn không rõ, nhưng loáng-thoáng những hạt mưa bay rơi xiên vào, còn trông ra chung-quanh thì mờ mịt cả .

" Ở dưới chùa Bảo-Sát cũng đã trông được xa, bề Đông lấp-lánh trước mặt. Nhưng ở trên đỉnh này gặp trời quang thì trông thấy bề còn rộng hơn nhiều. Đầu canh năm đã thấy mặt-trời mọc, Nguyễn-Trãi có thơ đề ở đây rằng :

*" An-Sơn sơn thượng tối cao phong
Tài ngũ canh sơ nhật chính hồng ;
Vũ trụ nhần cùng thương hải ngoại
Tiểu đàm nhân tại bích vân trung
Ứng môn ngọc sáo xâm thiên mẫu
Quải thạch châu kỳ lạc bán không
Nhân miếu đương niên di tích tại
Bạch hào quang lý đồ trùng đồng ."*

Dịch vận :

Núi cao An-Tử tím mù khơi
Vùng nhật canh năm đã mọc rồi
Biển rộng xa buông tầm mắt ngó
Mây xanh trong có tiếng ai cười
Cửa quây giáo ngọc xum ngàn mẫu
Đá trải cò châu lũng giữa trời
Miếu cũ Nhân-Tông còn tượng đó
Hào-quang thấy rõ mắt hai người .
_ (Tô-Nam Nguyễn-Đình-Diệm dịch)

Dịch :

Ngon núi An-Sơn cao tuyệt-vời
Canh năm vừa điểm ló mặt-trời
Tầm mắt bao la xa biển rộng

Trong mây mờ ảo tiếng người cười
Cửa vầy giáo ngọc che ngàn mầu
Đá xếp cờ châu lừng chơi vui
Tổ miếu Nhân-Tông còn dấu cũ
Hào-quang sáng tỏ rõ đôi người .

Vua Trần-Anh-Tông có thơ vịnh chùa Vân-Tiêu như sau :

*" Đỉnh đỉnh bảo cái cao ma vân,
Kim Tiên cung khuyết vô phàm trần ;
Tuyệt phong cánh hữu Phật đường tại,
Thanh phong lãng nguyệt tương vi lân ;
Thanh phong tấp địa vô hư yết,
Minh nguyệt đương không diệu băng tuyết ;
Thử phong thử nguyệt thử nhân,
Hiệp thành thiên hạ tam kỳ tuyết ."*

Dịch vận :

Thăng từng mây che tàn lớn,
Nơi Tiên cung chẳng gợn bụi trần ;
Đỉnh non chùa Phật trần trần,
Trắng trong gió mát bạn thân nơi này ;
Vùng quanh nẻo suốt ngày gió mát,
Gương Hằng-Nga như hết tuyết băng ;
Này người, này gió, này trăng,
Hợp nên tam tuyệt đâu bằng Vân-Tiêu.
_ (Đồ-Nam dịch)

" Chùa này có nhiều sự linh-dị, sơn Tăng đến ngày mùng 1, ngày rằm lên thắp nhang rồi xuống núi trụ tại chùa Hoa-Yên. Có sơn tăng một đêm ngủ ở trong chùa kia mộng thấy sơn Thần bảo :

" Đây là nơi Thiên phủ, phải đề thanh vắng chứ không phải chỗ kẻ phàm trần nằm nghỉ ."

" Sau chúng tăng đều bái Phật rồi về, thì cứ lấy chuông chiều ở Trần-Kê làm chuông .

" Ở bên tả có mở đường tắt đi nửa canh đến chỗ thiên-thị (chợ trời).
Chỗ này rộng ước 5 mẫu, tre và hoa chen nhau bao-bọc, hai bên tả hữu có
ao Sen, về mùa tháng bảy, tháng tám hoa nở thơm nức dễ ưa. Vợ Chúa
Trịnh có dựng tòa Đồng-Tự ở đây, lầy đồng làm ngói, lại có đúc hai pho
tượng đời Cảnh-Hung (1740 - 1786) nhà Lê, năm Canh-Thân, kẻ trộm
gỡ lầy ngói đồng, chỉ còn tượng Phật và rường cột nhà chùa. Ở nền chùa
có bàn cờ đá, tục gọi Cờ Tiêu, con cờ bằng đá xanh, khắc chữ đẹp cứng,
không biết có từ đời nào. Đứng chỗ cao trông ra thấy rõ ngay ở trước mặt .
_(Tạp-chí Nam-Phong, số 105 - 106) . _

" Nay hãy theo gót nhà văn-sĩ đi văn cảnh đầu xuân, lên Yên-Tử sáu
ngày. Tác-giả đại khái kể lại cuộc du-hành, hành-hương như sau :

" Tác-giả đi từ lối Hải-Phòng đi vào Yên-Tử, qua bên đò Bính, đi
khỏi sáu cái cầu đến bãi Bí, rồi đến bãi Xú này. “ Sách Hành-Trình ” của
cụ Từ. Ông Trần-Văn-Thăng có câu :

" Có đi sớm hay đi trưa
Đừng đi chiều tối nước đưa lên đây ."

" Đây là một bãi bể có nước thủy-triều vậ. Trước hết tới chùa Bí-
Thượng, phong-cảnh tiêu-diêu, xơ-xác. Đi vòng quanh hết trái đồi Bí đến
suối Tắm hay Cửa Ngăn, trên có miếu thờ, có cây to, dưới gốc cây có bát
nhang sành đã vỡ, ngẩng lên trên miếu chỉ thấy một hàng chữ khắc vào cái
xà trước miếu :

" An-Tử-Sơn Linh Nham Tự Tăng Kính "

" Đây là nơi thờ Bà Nguyệt-Nga Công-chúa, em gái ông quận Hảo
Nguyễn-Hữu-Cầu, mà miếu này của ông Sư chùa Linh-Nham làm .

" Ngọn núi này là nơi Ngài Điều-Ngự Giác-Hoàng Trần-Nhân-Tông,
khi vào An-Tử tu, qua đây tắm, nên gọi là suối Tắm. Còn miếu thờ Bà
Nguyệt-Nga là để giữ cửa rừng nên gọi là Cửa Ngăn .

" Kế đi đến chùa Linh-Nham, cũng gọi là chùa Cầm-Thực. Phong-
cảnh đây chung-quanh núi bọc, dưới thì suối reo, chim kêu, vượn hót.
Trước cửa chùa có một ngọn tháp mới xây .

" Kéo đến qua hai dốc Mụ-Chị, Mụ-Em, thì đến suối Lân, ngọn suối to chảy xiết, bước lên lối vào thông mọc, có bậc đá đi giữa, ngoài cổng có cái miếu thờ Bà Cửa, có pho tượng con con, hai hàng tháp cổ, cái lớn xây trên, cái nhỏ xây dưới, lần lần một lượt trông rất là trang-nghiêm .

" Ngọn tháp cổ, gốc thông già, mới đến cổng chùa trông thấy cái cảnh-tượng Thiên-Già như vậy cũng đủ biết là nơi phúc-địa. Chùa này là Long-Động Tự, bên cạnh chùa có hòn núi hình như con Lân, cho nên cũng gọi nôm na là chùa Lân. Chùa Lân bằng gỗ, tượng tháp nguy-nga. Đây có thờ ba tượng " *Trúc-Lâm Tam Tổ* " .

" Đằng sau chùa còn một ngọn tháp to lắm bằng đá ngồi, trong có 5 chữ " *Sắc kiến tịch quang tháp* " sau tháp có cái bia, hỏi ra là tháp Đức-Tổ chùa này. Tôi dịch bài bia đại-ý rằng :

" Đây là tháp Tổ " *Tuệ-Năng Hòa-Thượng Chính-Giác Chân-Nguyên Thiên-Sư* ", Người họ Nguyễn, tên là Nghiêm, chữ là Đình Lân, quê ở Thanh-Hà Tiên-Liệt, mẹ Người họ Phạm, một hôm nằm mộng thấy ông cụ già cho một bông Sen, sức tỉnh dậy từ đấy có mang. Năm Đinh-Hợi (1647) tháng 9 ngày 16 giờ Mão thì sinh Người. Lúc Người lớn lên theo học ông Cậu là Giám-sinh. Người rất thông-minh, hạ bút thành văn .

" Năm 19 tuổi, Người được nghe đọc quyển Thực-Lục về sự-tích Đức Trúc-Lâm Đệ Tam Tổ Huyền-Quang, Người tỉnh-ngộ mà nói : “ Đến như cổ-nhân ngày xưa, dọc ngang lưng-lẫy mà còn chán sự công-danh, nữa mình là một anh học-trò.” Bèn phát-nguyện đi tu .

" Người lên chùa Hoa-Yên (là nơi Tổ An-Tử), vào yết-kiến Sư Tuệ-Nguyệt Hoà-Thượng .

" Sư Tuệ-Nguyệt hỏi :

_ " Người ở đâu mà đến đây ?

" Người thưa lại :

_ " Bản vô khứ lai .

" Sư Tuệ-Nguyệt biết rằng sau này Người sẽ thành đạo, bèn thế-phát và đặt tên cho là Tuệ-Thông. Sau Sư Thầy tịch đi, Người muốn lập đàn

thụ-giới, đi cầu tìm Thiền-Tông. Sau đến núi Công-Cương, vào chùa Vĩnh-Phúc, cúi đầu làm lễ Sư Minh-Lương Hòa-Thượng .

" Sư Minh-Lương nhìn và hỏi :

_ " Nhà ngươi muốn học đạo gì ?

" Người ngồi nghiêm-nhiên không nói không rằng .

" Sư Minh-Lương đọc : Như như bất động ấy là Phật. Bèn đổi tên cho Người là Chân-Nguyên .

" Lúc bấy giờ Người thụ " *Tì khuru cụ giới* " .

" Đến năm sau Người lập cái đài " *Diệu Pháp Liên Hoa* " thỉnh Tam Tông về chứng đàn, làm chay phóng-sinh thế lực. Người đốt hai ngón tay dâng cúng Tam Tông. Người thành Bồ-Tát giới, phát 10 điều nguyện, lúc ấy Người đắc đạo. Sau Người thường xem sách " *Hoàng Quyển* " giữ lễ thanh-quy .

" Đến năm Giáp-Tý, Người làm cái đài " *Cửu-Phẩm Liên-Hoa* " ở chùa Quỳnh-Lâm .

" Năm Nhâm-Thân, Người 46 tuổi, Vua triệu vào nội-cung, ướm hỏi mẫu-nhiệm tu-hành của Người. Vua ngự bút viết ba chữ : " *Vô thượng công* " để khen, rồi ban cho áo và pháp khí .

" Năm Nhâm-Dần 76 tuổi, Vua lại triệu vào lập đàn chay Nghiêm-Phúc, rồi phong chức là Tăng-Thống Chính-Giác Hòa-Thượng .

" Năm Lê-Bảo-Thái (1720 - 1728) thứ 7, Người đã 80 là năm Bính-Ngọ (1726), ngày 28 tháng 10 giờ Dậu thì Người tọa-hóa. Đến hôm 30 dựng tháp hai nơi : Một ngọn ở chùa Long-Động này và một ngọn ở chùa Quỳnh-Lâm .

" Năm Bảo-Thái thứ 8 (1728) Pháp-Tử Sa-Di Như-Như kính thuật bài bia này .

" Các khóa cúng ở chùa mà các Sư vẫn theo là của Người soạn ra .

" Chùa Lân (Long-Động) này đi nữa đến suối thứ 6 vừa rộng vừa sạch, do nước trên ngọn An-Tử chảy xuống. Qua đây thì có núi Voi-Xô, chân núi có cái bãi. Tục truyền ở đây ngày xưa Vua Trần-Anh-Tông vào An-Tử vấn an Đức Giác-Hoàng Trần-Nhân-Tông, đi kiệu đến đây thì dừng lại. Trèo lên cái dốc chỗ này lại đến cái suối nữa, qua bãi Đót tới quãng rừng rộng mênh-mông mà hơi chênh-chếch, có 30 dốc thông mọc rườm-rà. Đây là Xếp-Ngoài. Rồi lại đến cái suối nước xanh, tục gọi là suối Rêu. Chút nữa thì đến Xếp-Trong, rồi mới đến suối Giải-Oan, trước cửa chùa Cầm-Thực. Ngày xưa Đức Giác-Hoàng, sau khi nhường ngôi cho Vua Anh-Tông để vào An-Tử, Vua Anh-Tông cố giữ không được. Sau Vua bắt các cung-tần mỹ-nữ đi theo khuyên Ngài trở lại. Đến nơi cũng không thể nào mà nói đổi được chí Ngài. Các cung-tần khó nghĩ, về thì sợ trái lệnh Vua, đành đâm đầu xuống cả suối này mà thác. Vì thế Đức Giác-Hoàng mới lập ngôi chùa ở đây để làm chay siêu-độ cho cung-nhân, bởi thế nên gọi là suối Giải-Oan .

" Ngọn suối này đẹp lắm, cây dùm mặt nước, đá lát lòng khe, tường Võ-Lăng Đào-Nguyên cũng vậy .

" Rồi đi đến quán Mát là dốc Voi-Xô. Chỗ này cây cối rườm-rà, cũng là nơi nghỉ kiệu xưa kia. Hòn núi Ngọc ở ngay cạnh, có ba ngọn tháp Tổ và bốn ngôi mộ xây, tục truyền chỗ kiệu đỗ là đầu Rồng mà chỗ ba cái tháp là hòn ngọc .

" Chốc đã đến tháp Tổ " *Tuệ-Quang Kim Tháp* " là tháp Đức Giác-Hoàng, trong tháp có pho tượng đá, còn tháp lớn nhỏ có đến 45 ngọn vừa của các Sư và các Tôn-Thân, Hoàng-Hậu, Cung-Phi nhà Trần tu ở đây ngày trước. Chui qua cửa sau tháp Tổ đến cái sân lát gạch Bát-Tràng đỏ, viên gạch trông rất lạ-lùng, tựa hồ như ta đem chạm trở vào, mà từ đời nhà Trần đến nay hơn 700 năm không viên nào nứt .

" Vào tới đây, bước thẳng lên đến chùa Hoa-Yên, tục gọi là chùa Cả hay là chùa Yên-Tử. Theo sách " *Tam-Tổ Thực-Lục* " trước là chùa Vân-Yên, năm Lê-Hồng-Đức (1470 - 1497) Vua Thánh-Tông có đi đến đây, nhân thấy nước non vui vẻ, hoa cỏ tốt tươi mới đổi là Hoa-Yên .

" Xưa cảnh Hoa-Yên này là chốn Tổ của mấy cảnh chùa trong núi Yên-Tử, sau khi ông An-Kỳ-Sinh bên Tàu sang tu thành Tiên ở đây, và

còn nhiều vị Thiên-Sư nước ta đắc đạo từ trước, nhưng không ai hiểu. Đến Đức Giác-Hoàng, Sư Pháp-Loa và Huyền-Quang, thì người ta mới hiểu đạo là vì có Vua đi tu, nên ta thường nói " *Trúc-Lâm Tam Tổ* " chính là nói ba vị trên đây .

" Chùa Hoa-Yên phong thủy đẹp lắm, trước cửa chùa là tháp Tổ, sau lưng chùa là Bảo-Đà, dựa vào quả núi An-Tử, bên hữu là chùa Thiên-Định, có suối Ngự-Dội, đây là đuôi con Rồng, bên tả là chùa Một-Mái, là hai đầu Rồng ngoảnh lại. Đứng ở sân chùa Hoa-Yên mà trông ra thì thiên sơn vạn thủy châu vào chính huyết là tháp Tổ, thực là một kỳ-quan. Trông lên hai bên cột chùa có dán câu đối :

*" Cao sơn lưu thủy thi thiên trực
Minh nguyệt thanh phong tọa nhất Thiên " .*

" Còn chung-quanh thơ dán đặc như vách, tôi có sao được bài thơ Nôm sau đây :

" Cung quế hương đưa thoảng thoảng mùi
Lâng lâng chẳng bận chút trần ai ;
Thanh lang một khóm thên thên rộng,
Ưu bát nghìn xuân rõ rõ tươi ;
Gió đúc hiu hiu nhuần mọi đỉnh,
Nguồn nhân cuộn cuộn khắp đòi nơi ;
Thấy Thiên Tăng những vân vân hỏi,
Cảnh vắng thu chầy hầy hầy vui " .

" Khởi cửa rẽ lên là chùa Bảo-Đà, sau lưng Hoa-Yên, trong chỉ thờ pho tượng Đức Quan-Âm tạc ngồi trên hòn núi, hai bên là Kim-Đồng, Ngọc-Nữ (*Thiện-Tài, Long-nữ*) với hai pho tượng hầu. Lối đi từ đây lên khó hơn trước, cho nên lên Yên-Tử đã có câu ví : “ Lên như nhái, xuống như cua ”.

" Đi một quãng đến tháp Mẫu và một ngôi mộ xây bên cạnh là người đệ-tử của Ngài. Còn một lối ra Am Thuốc, là chỗ ông An-Kỳ-Sinh luyện đạo xưa kia. Đến đây cứ lối tay trái thẳng lên cho tới Vân-Tiêu. Tới chùa Vân-Tiêu trông trở lại thì một trời, một núi, một mình ta, mù-mịt chẳng nhận được lối đi, rào rào như gió cuốn mây chạy, ngẩng trông lên ngọn

cây chỉ thấy im phăng phắc, sau nhận kỹ ra thì mới biết là mình đứng trên mây, đương mưa ở dưới chừng núi. Chưa lên tới chùa Đồng mà đây đã cao thế. Đầu canh năm (hơn ba giờ sáng) thì trên này đã trông thấy mặt-trời. Nguyễn-Trãi, Phạm-Sur-Mạnh cũng có thơ đề khắc vào đá núi Thạch-Môn. Nguyễn-Trung-Ngạn cũng có thơ vịnh An-Tử-Sơn, có câu :

*" Nhất thốc lâu đài tàng thế-giới
Tứ thời hoa diểu biệt nhân-gian " .*

(Một lớp lâu-đài tàng thế-giới,
Bốn mùa hoa chim hót cách trần) .

" Chùa Vân-Tiêu, ở đây tượng tháp trang-nghiêm hơn cả, trong thờ Tam-Bảo, bên Đức Chúa, bên Đức Thánh Trần, ông Khải-Giáo bày hương án bên ngoài ở giữa, bên trong thì Tam-Tổ Trúc-Lâm, liệt vị châu Bà, hai bên Bát bộ Kim-cương và Thập diệu Minh Vương .

" Cứ mái sau chùa Vân-Tiêu, theo phía tả mà đi rẽ ngang là lối sang chùa Bảo-Sát, trèo thẳng lên là lối lên chùa Đồng ở đỉnh núi, lại vào nữa đến một hòn đá tự nhiên hình đứng như người, cao ba thước tây, đứng lộ thiên, dưới cái bệ đá để hai bát hương, một bằng đồng, một bằng đá, đây là tượng An-Kỳ- Sinh .

" Lên đến chùa Đồng là đỉnh núi An-Tử, chỗ giữa vuông có hai bệ xây, chung-quanh đá mọc lổm-chổm, trên thờ pho tượng Quan-Âm và ba pho Trúc-Lâm. Tương truyền rằng lên đến đây không được nói to, nhất là không được đánh chuông, hễ ai đánh chuông thì u-ám cả trời lại, đổ cơn mưa xuống .

" Nào ai quyết chí tu-hành
Có về Yên-Tử mới đành lòng tu "

_ (Hành-trình chơi núi An-Tử -- Lược theo bài ký-sự của Nguyễn-Thế-Hữu trong tạp-chí Nam-Phong, số 105 - 106)

*

TỪ AN - TỬ Đến Cảnh THIỀN

Tĩnh Hải - Dương Theo Nhà Khảo-Cổ-Học

Theo Đồ-Nam Nguyễn-Trọng-Thuật nghiên-cứu về núi An-Tử thì núi này có chùa Hoa-Yên, từ trước đời nhà Trần, mà nổi tiếng danh-thắng từ thời Trần .

Sử chép Vua Trần-Thái-Tông bị Hoàng-Thúc Trần-Thủ-Độ ép làm trái điều luân-lý nên Vua xấu-hổ, đang đêm cùng mấy người hầu lẻn ra ngoài thành, rồi đi vào Yên-Tử yết-kiến vị Sư Trúc-Lâm Đại-Sa-Môn và xin đi tu. Hôm sau Thủ-Độ đưa quân vào An-tử đón Vua về. Trong sách " Khoá-Hư ", Vua Trần-Thái-Tông cũng tự nói : Vua thương cha mẹ mất sớm mà muốn đi tu để báo ân, đêm Vua cùng Thị-Thần cưỡi ngựa ra đi, qua lối Phả-Lại để vào An-Tử. Trèo non lặn suối, ngựa mệt Vua phải bỏ ngựa vịn cây vạch cỏ mà đi. Tối ấy trọ ở chân núi, sớm mai mới vào chùa tham-yết Quốc-Sư Trúc-Lâm Đại-Sa-Môn mà xin ở tu. Bữa sau Thúc-Phụ Trần-Công đưa quần-thần vào mời về. Quốc-Sư Trúc-Lâm cũng khuyên Vua về nhưng không nên quên đạo Phật. Hơn mười năm sau, Vua mời Quốc-Sư Trúc-Lâm từ An-Tử ra kinh-đô ở chùa Thắng-Nghiêm coi việc ấn-bản các Kinh Phật. " Khoá-Hư-Lục " do Vua sáng-tác .

An-Tử có vết chân của một vị Đế-Vương đến tham thiền tu đạo mà nổi tiếng danh tích từ đó. Đến đời Trần-Nhân-Tông có Trần-Đạo-Tái, người Bắc-Ninh, đỗ Trạng-Nguyên rồi xuất-gia tu Phật ở chùa Hoa-Yên, đạo-hiệu là Huyền-Quang .

Sau Vua Trần-Nhân-Tông xuất-gia lại về trụ-trì ở chùa Hoa-Yên với Sư Huyền-Quang mà tự xưng là Trúc-Lâm Đại-Sĩ. Vua Nhân-Tông lại độ cho ông Pháp-Loa cùng về ở đó, đều đắc đạo cả. Nhà chùa gọi là Trúc-Lâm Tam Tổ. Nay khắp vùng Chí-Linh Đông-Triều chùa nào cũng có tượng ba vị ngồi ngang nhau .

Tổ Trúc-Lâm Đệ Nhất là Vua Trần-Nhân-Tông về tu ở Hoa-Yên, rồi lại dựng một tòa ở chùa Hồ-Thiên và một tòa ở Ngọa-Vân, còn dưới chân

núi Yên-Tử trở ra như Lân-Động, Cầm-Thực, Quỳnh-Lâm, Côn-Son ... đều là những chùa các Tổ từng đi lại thuyết-pháp và đều khởi lên hồi ấy cả .

Ngoạ-Vân là ngọn núi phía Tây dãy An-Tử, trông xa chót vót như ngọn bút lông. Đường đi từ huyện Đông-Triều vào, qua An-Sinh, Trại Lốc rồi đến núi. Núi không cao bằng ngọn Tử-Tiêu. Chùa này là nơi Đệ-Nhất Tổ nhập-tịch, chỉ có Pháp-Loa ngồi hầu, Tổ dặn việc hậu-sự rồi ngồi mà hóa. Pháp-Loa rước Tổ lên hỏa-đàn, thiêu xong còn được 2000 hạt " Xá-Lị " dựng tháp ở đây để thờ, gọi là tháp Pháp-Hoàng, nay hãy còn, tháp bằng đá xanh, lòng khắc Duệ-Hiệu :

" Đệ-Nhất Tổ Trúc-Lâm Đầu Đà, Tỉnh Huệ Giác-Hoàng, Trần Triều Nhân-Tông Thánh-Đế, Điều-Ngự Vương Phật "

Hồ-Thiên là ngọn núi trung-gian ngàn An-Tử, đời Trần đã có chùa. Truyền rằng Tổ Đệ-Nhất thường từ Ngoạ-Vân đi lặn rừng qua Hồ-Thiên .

Lại theo Tùng-Vân Nguyễn-Đôn-Phục (Nam-Phong số 102), miền Đông Bắc tỉnh Hải-Dương nhiều cảnh đều hiển tích về Thiền-học thuộc khuynh-hướng Trúc-Lâm An-Tử. Tác-giả viết :

" Kể ra thì trong miền Hải-Dương về phía Đông-Bắc cổ-tích cũng nhiều lắm. Động Kính-Chủ, chùa Quỳnh-Lâm, huyện Chí-Linh có tám cảnh :

- 1._ Cảnh Trạng-Nguyên Cổ-Đường, là nhà học của Mạc-Đĩnh-Chi, thời Trần ngày xưa, hiện nay dân lập làm chùa tức là chùa Quất-Lâm .
- 2._ Cảnh Tiêu-Ẩn Cổ-Bích, tức là chỗ Chu-Văn-An nhà Trần ở ẩn khi xưa, trên núi Phượng-Hoàng .
- 3._ Cảnh Dược-Lĩnh Cổ-Viên, nơi Trần-Hung-Đạo trồng cây thuốc để chữa bệnh cho quân-sĩ .
- 4._ Cảnh Bình-Than Cổ-Độ, chỗ Trần-Khánh-Dư chở thuyền bán than gặp Vua Thánh-Tông, Nhân-Tông bàn kế-hoạch đánh quân Nguyên .

5._ Cảnh Thượng-Tế Cổ-Trạch, phong ấp của Trần-Quốc-Trân .

6._ Cảnh Phao-Sơn Cổ-Thành, là Thành của nhà Mạc .

7._ Cảnh Vân-Tiêu Cổ-Động, tức là núi Côn-Sơn, vị cao-tăng nhà Trần là Huyền-Quang tu-hành, và là nơi Bạng-Hồ Trần-Nguyên-Đán về trí-sĩ, Nguyễn-Trãi cũng lui về đây nghỉ .

8._ Cảnh Tinh-Phi Cổ-Pháp, là của Nữ Trạng-nguyên đời Mạc .

Giữa mái động Kính-Chủ có một bài thơ thất-ngôn Tràng-Thiên Ngự-Đề, khắc vào đá của Vua Lê-Thánh-Tông, có câu :

*" Thạch môn sơn thượng đăng lâm xứ
Hư thất cao song khai bạch trú
Cự thạch hàm nha thổ Phạn cung
Tu nga quái thạch cao đề thụ ".*

(Cửa đá đầu non nẻo lên Tiên
Lầu Thiên cao rộng sáng hơn đèn
Đá tảng nhe răng trước cung Phạn
So le chót vót rừng cây chen .)

Đó là tả thực cái động này, chỉ trong bốn câu mà khắc vào một bức chiều ảnh lớn. Và một đoạn văn dài, lại có câu :

*" Giang thủy đạm ư tăng nhõn bích
Hải sơn nùng tự Phật đầu thanh " .*

(Nước sông lạt như mắt biếc nhà sư
Núi bể đậm tựa đầu xanh của Phật) .

Xem qua câu thơ thì tưởng ngòi bút khắc hoạch, nhưng xem kỹ mọi chiều sơn thủy ở chốn này thì cũng gọi là ngòi bút tự-nhiên .

Lại có câu :

*" Quyện điều hữu tình y mật điệp
Nhàn vân vô ý lạc không đình " .*

(Chim mới mong về nương rừng rậm
Mây bay vô ý lững chùng không .)

Xem câu thơ ấy đủ biết là một vị Đế-Vương có đạo-học siêu-thoát, há những là một vị Tao-đàn Nguyên-súy mà thôi !

Phía bên phải cái động có lối đi vào, qua cửa đá lại có một lỗ hồng, hình cái cửa sổ lớn thông thấu nhật quang. Vào quá một chút nữa lại có một cái suối như hình cái giếng. Nước thường trong vắt. Ngắm đi ngắm lại, thật cũng thích-hợp làm chốn thư-phòng cho kẻ tĩnh tâm xem sách, chẳng trách ở đây có dấu-tích danh-nhân. Danh-nhân ấy là Phạm-Sư-Mạnh, thời Trần. Hiện nay trên vách đá còn có mấy chữ :

" An-Nam cổ-tích danh lam đệ nhất Quỳnh-Lâm Phật-tự Thiên-trụ Quốc-triều bi ký ".

Thì chùa này về hồi Lê-Mạt cũng còn thịnh-vượng .

Chùa An-Sinh cũng gần đấy, bên chùa Quỳnh-Lâm. Trên Tam-Bảo có một pho tượng tạc bằng gỗ dáng nhà sư, tạc kiểu nằm mà tượng thì ở trong khảm, là tượng Đức Trần-Nhân-Tông, chùa này thờ làm vị Đệ-Nhất Tổ. Ngoài có câu-đối khắc rằng :

*" Tắc chi quân, tắc chi sư, vạn cổ phong thanh tiêu tượng lĩnh,
" Pháp ư thiên, pháp ư địa, thiên thu linh tính kỷ đồng A ."*

Giáp huyện Đông-Triều là huyện Chí-Linh có núi Phụng-Hoàng và thắng tích Côn-Sơn, trên Côn-Sơn có chùa Tư-Phúc, sau chùa có nhà thờ Tam-Tổ Thiên-Sư là Trần-Nhân-Tông, Pháp-Loa và Huyền-Quang. Hiện nay trên núi còn một tháp của Huyền-Quang, trước cửa chùa có một câu-đối :

*" Đông thổ tâm tông truyền pháp hải
Tây kiều diệu chỉ hiệu Côn-Sơn ."*

Núi này có sự-tích ba nhân-vật kỳ-dị trong sử-xanh. Một là Cụ Nguyên-Lão hồi Trần, là Bạng-Hồ Tướng-công Trần-Nguyên-Đán, hai là

Cụ Khai-quốc Nguyên-niên hồi Lê-Sơ, Quân-sư Nguyễn-Trãi. Ba là người Kỳ-nữ-Tử Lễ-Nghi Học-Sĩ Nguyễn-Thị-Lộ .

Trên núi Phượng-Hoàng có tiếng với lịch-sử ở chỗ phong-cảnh u nhã, có tứ thanh-cao, chỗ ần-cư của vị đại nho Việt-Nam Chu-Văn-An, đời Trần, hiện nay còn miếu thờ trên lưng-chùng núi, trông ngay xuống ao Miệt-Trì. Trong miếu có một cái bệ, có một phiến đá trên bệ, xây liền vào tường, khắc mấy chữ:

" Trần Triều Tư-Nghiep Chu-Văn-Trinh Công-Thần Vị "

Gần đây có xã Kiệt-Đặc dưới núi Trì-Ngôi. Trên núi có mả nữ danh-nhân thời Trịnh-Mạc là Bà Tinh-Phi Nguyễn-Thị-Du, tự là Ngọc-Toàn, hiệu là Diệu-Huyền. Bà có 5 cái lịch-sử :

- 1._ Nữ Trạng-Nguyên
- 2._ Nữ Thiên-Sư
- 3._ Nữ Giáo-sư
- 4._ Nữ Cố-vấn
- 5._ Nữ Khảo-quan .

Chùa làng Kiệt-Đặc có tượng Bà Tinh-Phi, gọi là tượng Vua Bà. Chỗ thờ có hoành-biên đề chữ Hoa-Am, lại có câu-đối :

*" Giáp hoa tiên chiến Cao-Bằng bằng
Đại bút do truyền Bát cổ bi ."*

Bà có Tập Quốc-Âm Tự-Thuật, trong có những câu :

_ Đối với tình-duyên :

" Xá chi vàng đá hỗn hào
Thẳng đem cánh phượng bay cao Thạch Thành."

Đủ biết không phải là hạng tầm-thường nhi-nữ .

" Đành hay là kẻ có mình
Cho trên đã cậy trời xanh phù trì "

Đủ biết là bà có sức tín-ngưỡng và sức tự-tin nữa .

" Hiềm gì một chút đảo điên
Song le Bạc-thị vốn duyên Hán Thần."

Thì cái lòng bà đối với nhà Lê, nhà Mạc thế nào tưởng cũng khá rõ .

Lại xem trong tập thơ "*Chí Linh Bát Cổ Bi*" có nhiều bài thú-vị như bài thơ đề "*Tinh Phi Cổ Tháp*" :

" *Ngọc thủ chiết cao chi
Chí kim kỷ minh giáp
Kính nhan lưu cổ tháp
Hoa thảo tự khai tạ
Tòng cổ thử giang-sơn
Ngư tiêu tương vấn đáp
Sơn sắc chính thanh thương
Thu thanh hà tiêu tấp .*"

Nghĩa là :

Tay ngọc bẻ cành cao
Đến nay mấy ngọn cỏ
Gương soi còn tháp cũ
Hoa cỏ tự nở tàn
Xưa nay non sông này
Ăn dật cùng nhau bàn
Núi kia vẫn xanh xanh
Hơi thu sao ngập buồn .

Trên đây là phác qua bối-cảnh Thiên-vị chung-quanh núi An-Tử của một dòng Thiên Việt-Nam nổi-tiếng trải qua không-gian (Đông-Triều, Bắc-Ninh, Hải-Dương) và thời-gian (thế-kỷ II, VI, VIII, XII, XIII, XVII) nghĩa là kể từ An-Kỳ-Sinh cho tới Chân-Nguyên, Lâm-Giác Hoà-Thượng ở Bắc-Việt. Cái dòng Thiên này đi từ tín-ngưỡng luyện-đan tu Tiên, một biến-thái của truyền-thống Lão-Trang, xuất-thể thiên-nhiên để rồi biến sang đạo nghệ-thuật-hóa nhân-sinh, là bí-quyết của Trúc-Lâm An-Tử thời Trần .

Nay hãy trình-bày truyền-thống Thiền-Học này mật-thiết quan-hệ đến tinh-thần dân-tộc Việt-Nam trên đường đi vào khu-vực Đông-Nam-Á, với khả-năng đồng-hóa bán-đảo Đông-Dương mang tên là Ân-Độ Chi-Na .

Truyền-thống bí-quyết Thiền-Tông Trúc-Lâm An-Tử, xưa nay vẫn bắt đầu với ba Tổ là Nhân-Tông, Pháp-Loa, Huyền-Quang, đây là phổ-thông truyền-tụng. Kỳ thực, theo sử ghi-chép thì An-Tử nổi tiếng về Thiền-Học Trúc-Lâm phải kể từ cái sự-kiện lịch-sử trọng đại là Vua Trần-Thái-Tông bỏ ngôi báu như " trút giấy rách " _ (Ngô-Thời-Sĩ - Việt-Sử Tiêu-Án) để vào núi An-Tử tìm cầu tu Phật với Đại-Sa-Môn Quốc-Sư Phù-Vân, năm Thiên-Ứng Chính-Bình thứ 5 (1245). Nay xin trình-bày lịch-sử dòng Thiền này theo như bản chữ Nôm .

" Trần Triều Thiền-Tông Chỉ-Nam Truyền Tâm Quốc-Ngữ Hành " của Hòa-Thượng Chân-Nguyên (1647) mà tháp bia ở chùa Long-Động đã được ông Thế-Hữu dịch ở phần trên. Ở đây xin thuật thêm sự-tích của Hòa-Thượng theo " *Thiền Uyển Kế Đăng Lục* " -- " *Việt-Nam Phật-Điện Tùng-San* ", tập 8, xuất-bản của Viễn-Đông-Bác-Cổ Viện với Bắc-Kỳ Phật-Giáo Hội :

" Đời 74, ở núi An-Tử, chùa Long-Động, Hòa-Thượng Chân-Nguyên Chính-Giác, là người Thanh-Hà Tiên-Liệt. Bắt đầu sư xin với Chân-Trụ thế-độ cho, thụ-giới chưa bao lâu thì Chân-Trụ qui-tịch. Sau sư cùng với bạn tu là Như-Niệm cùng theo nguyện hạnh đầu đà đi khắp nơi tham vấn đạo. Như-Niệm có chí riêng trụ-trì ở chùa Cô-Tiêu, còn sư đến Phù-Lăng hỏi đạo Hòa-Thượng Minh-Hương, Hòa-Thượng Minh-Hương nói :

_ " *Kỷ niên cựu tích nang trung bảo
Kim nhật đương hà đích diệu khan ?* "
(Bấy lâu chứa giữ của báu trong túi
Ngày nay sao không xem tận mặt ?)

" Sư hỏi : _ Như thế nào ?

" Tổ nhìn chòng chọc vào mắt, bốn mắt nhìn nhau (*tứ mục tương cố*),
" Sư lĩnh-ngộ, lễ tạ. Tổ nói :

— " Thiên-Tông Lâm-Tế phó cho con thừa-kế để mở mang ra cho đời
— (*Tổ Tông phó nhữ thừa chi, thịnh hành vu thế*) .

" Sư đắc pháp rồi, học trò đều theo học rất đông, tinh hoa Phật pháp lại nảy nở. Trao phó tôn-chỉ cho đệ-tử, có đọc bài kệ rằng :

*" Hiển hách phan minh thập nhị thì
Thử chi tự tính nhậm thi vì
Lục căn vận dụng châu thường kiến
Văn pháp tung hoành chính biến tri " .*

(Rõ rệt phân-minh suốt đêm ngày
Ấy là tự tính theo làm ngay
Sáu căn vận dụng chân thường kiến
Muôn vật tung hoành, một toàn trí) .

" Đọc kệ xong gọi đệ-tử bảo :

" _ Ta đã 80 tuổi, quyết chí về đất Phật ! Giữa mùa đông đau, 47 ngày thì viên tịch, các đệ-tử hỏa-thiêu, xây hai ngôi tháp, một ở chùa Long-Động và một ở chùa Quỳnh-Lâm để phụng thờ .

" Xét ngược lên thì Tổ Chân-Nguyên Hòa-Thượng tiếp-thụ truyền pháp ở Tổ Minh-Hương, mà Tổ Minh-Hương lại thừa-kế truyền pháp của Tổ 72 dòng Lâm-Tế bên Tàu là Chuyết-Công Hòa-Thượng .

" Hòa-Thượng là người Tàu, sang tu ở chùa Minh-Phúc, tức là Bút-Tháp thuộc phủ Thuận-Thành tỉnh Bắc-Ninh. Chùa này làm vào khoảng năm Phúc-Thái (1634 - 1649) đời Vua Chân-Tông nhà Hậu-Lê. Chuyết-Công Hòa-Thượng là Tổ đầu tiên đem phái Thiền Lâm-Tế sang truyền ở Bắc-Việt, rồi truyền cho Tổ 74 là Minh-Hương Hòa-Thượng. Minh-Hương Hòa-Thượng truyền cho Tổ 74 là Chân-Nguyên Hòa-Thượng ở chùa Long-Động trên núi An-Tử. Nay ở Hà-Nội chùa Bà-Đá thuộc về phái này .
— (Theo Trần-Trọng-Kim trong " Phật-Giáo Xưa Và Nay ")

" Xem như thế thì Tổ Chân-Nguyên đã làm giây nối liền dòng Thiền-Học Lâm-Tế với Thiền-Học Trúc-Lâm An-Tử vậy .

THIÊN-TÔNG TRÚC-LÂM AN-TỬ

Theo Tác-Phẩm Của Tổ Chân-Nguyên Chùa Long-Động,
Núi An-Tử, Tỉnh Hải-Dương

Tác-phẩm này nhan-đề là " *An-Tử Sơn Trần Triều Thiên-Tông Chỉ-Nam Truyền-Tâm Quốc-Ngữ Hành* ". Bản khắc in lại lần thứ ba, có bài tự-dẫn của Tì-khưu Thanh-Hạnh chùa Vĩnh-Nghiêm vào năm Bảo-Đại thứ 7 bằng chữ Hán .

Dịch nghĩa :

" Lời Tựa Dẫn Cho Bản Văn Quốc-ngữ Của Truyền Tâm Chỉ-Nam Thiên-Tông Triều Trần Núi An-Tử " :

" Từng nghe nói lại rằng thời Tiên-Hán bên Tàu có chân-nhân An-Kỳ-Sinh đến tu ở núi này để luyện đạo Tiên. Đến khi thành Tiên bay đi rồi, hiển tích linh-thiên. Kịp đến triều nhà Trần bên Việt-Nam, Vua, Chúa, Trạng-nguyên, Tể-tướng cùng Cao-tăng, Danh-sĩ, một khi giác-ngộ đạo xuất-thế-tục đều lũ lượt kéo đến núi này, một là để tham-cứu tôn-chỉ trực-tiếp của Thiên-học, một là để biện biệt đường lối sống. Bởi thế mà trên từ Vua, Chúa dưới đến Danh-sĩ hứng cảm với cảnh-vật mà làm thơ phú, ca khúc ngắn, thiên dài, thấy đều ca-tụng núi này là thắng-cảnh thần-tiên đệ nhất của trời Nam vậy .

" Buồn thay ! Các điện thờ Phật, các nhà chùa triền do nhà Trần sáng-lập ra đến nay, vật đổi sao dời biến thành đồng tro lạnh .

" Lại xem khí số trong trời đất, đồ rồi ắt lại dựng, có suy ắt có thịnh. Nay ở chùa Hoa-Yên, nhà Sư Thanh-Minh, người đất Phù-Lãng, cơ duyên dun dủi tới đây, tùy sức xây-cất, cảnh trước lại thấy xuất-hiện .

" Gia-Long thứ tư, Sư Tuệ-Thân trụ-trì ở chùa Hoa-Yên, cùng với các tu-sĩ tăng-đồ ấn-hành lại sử truyện này, đến nay bản ấy lạc mất không

còn. Trộm nhớ nhà Trần xưa Vua, Tôi mộ-đạo thật là hiếm có, được tỏ ra ở bản truyện này. Nay để ý sưu-tầm bản cũ, xin ấn khắc để lưu-truyền phổ-thông cho rộng khắp, đây là lần khắc bản thứ ba, xin được dẫn qua .

" Chùa Vĩnh-Nghiêm, kẻ hậu học là Tì-khưu Thanh-Hạnh chép ra chữ chân-phương để chỉ-dẫn .

" Hoàng triều Bảo-Đại năm thứ bảy, tháng ba giữa tháng ngày lành .

" Theo Tự-dẫn trên đây thì sách này đến triều Gia-Long thứ tư (1805) đã ấn-hành lại bản từng san của một nguyên bản xưa từ thời nhà Lê. Và đến năm Bảo-Đại thứ 7 (1932) là bản in lần thứ ba. Lại theo nội-dung thì biết tác-giả là Sư Tổ chùa Long-Động, Hòa-Thượng Chân-Nguyên (1646 - 1727) .

6. Thiên tăng Hòa-Thượng Chân-Nguyên
Trụ-trì Long-Động, tự thiên được am
 7. Vốn xưa cổ-tích danh lam
Trần triều khai sáng đỉnh nham tu Thiên
 8. An-Son cảnh tựa Tây Thiên
Phản hương chúc thánh vững bền đế đô
 9. Việt-Nam bốn bể cứu chu
Hưng sùng đạo Bụt chợ quê khắp miền
 10. Gió thông thổi lọt am hiên
Tinh thần sáng nhớ lòng Thiên chép ra .
- _ (Trần Triều Thiên-Tông Chỉ-Nam Quốc-Ngữ Hành)

" Vậy tác-phẩm này là sản-phẩm thời nhà Lê cực thịnh, đầu thế-kỷ XVIII, cuối thế-kỷ XVII, như mở đầu tác-giả đã cho biết .

1. Thời vừa đầu tiết xuân thiên
Khí dương đầm ấm dân an thuận hòa
2. Bụt sinh Hoàng-đế Lê-Gia
Thánh chúa vũ trụ gần xa lai hàng
3. Bốn phương khói tắt lửa tàn
Phong điều vũ thuận dân Khang thái bình
4. Được mùa hải yến hà thanh
Gia gia ngưỡng chúc Thánh Minh cứu trường

5. Dân nông thịnh vượng tâm tang
Thóc Hán gạo Đường đại nắm phong vân .

" Và xem thể văn Nôm còn dùng nhiều chữ Hán như thế, đủ biết đây là lối văn Nôm thời Lê-Mạt, như văn thơ Bạch-Vân của Nguyễn-Bình-Khiêm vậy .

" Thời Lê-Hồng-Đức là thời phong-kiến Việt-Nam cực thịnh, văn-trị cũng như vũ-trị thành-công mỹ-mãn. Vua Lê-Thánh-Tông, là vị Vua anh tài, hiếu-học, kinh sử tứ tập, lịch số toán chương đều tinh-thông và là vị Vua văn-tài võ-lược gồm đủ, hiếm có trong lịch-sử nước ta. Trong thời-gian 38 năm tại ngôi, Ngài chăm lo sửa-sang việc văn-học chính-trị, san định nền luật-lệ, chấn-chỉnh lại phong-tục (24 điều giáo-hóa triều Lê) phát-triển công-nghiệp, lập nhiều vũ-công oanh-liệt, mở-mang bờ-cõi, khai-thác về phương Nam, lấy Đồ-Bàn (Vijaya), Đạt-Đạo (Quảng-Nam) đánh Lão-Qua, dẹp Bồn-Nam (Trấn-Ninh), đặc-biệt nhất là về pháp-luật, bộ luật Hồng-Đức đã nêu cao tinh-thần độc-lập, tinh-thần dân-tộc của người Việt, đây là bộ luật rất hoàn-bị và danh-tiếng. Về học-thuật, Ngài lập Bí-thư-Các tàng chứa sách vở, cho sưu-tầm cổ-thư đời trước, năm 1479 sai Ngô-Sĩ-Liên biên-soạn " Đại Việt Sử Ký Toàn Thư " gồm 15 quyển. Ngài rất hâm-mộ thi văn, thích ngâm vịnh thơ Quốc-âm, lập ra Hội Tao-Đàn vào năm Hồng-Đức thứ 25 (1494) tự thân đứng đầu 28 vị sao danh-sĩ, gọi là " Tao-Đàn Nguyên-Sứy " .

_ (Theo Văn-Học Việt-Nam của Phạm-Văn-Diêu, Tân-Việt xuất-bản)

" Thánh-Tông là một ông Vua thông-minh, thờ mẹ rất có hiếu, ở với bề-tôi đãi lấy lòng thành. Ngài trị-vì được 38 năm, sửa-sang được nhiều việc chính-trị, mở mang sự học-hành, chỉnh-đốn việc vũ-bị, đánh dẹp nước Chiêm, nước Lào, mở thêm bờ-cõi, khiến cho nước Nam ta bấy giờ được văn-minh thêm ra và lại lừng-lẫy một phương, kể từ xưa đến nay chưa bao giờ được cường-thịnh như vậy .

" Từ khi Vua Thánh-Tông đánh được Chiêm-Thành rồi, thanh-thế nước Nam lừng-lẫy, nước Lào và các mường ở phía Tây đều về triều-cống cả ."

_ (Theo Trần-Trọng-Kim trong Việt-Nam Sử-Lược)

Vua Thánh-Tông tuy là Tao-Đàn Nguyên-Sứ trong hàng danh-nho bấy giờ, nhưng cũng rất hâm-mộ cảnh Phật, như bài " Hương Sơn Phong Cảnh " trong đó đượm ý-vị Thiền như :

*" Động chủ hữu linh thần bút tại
Hóa nhi vô ý tự nhiên công ".*

_ (Trong Quốc-Văn Tùng-Ký ở Đông-Phương Bác-Cổ Học-Viện lưu-trữ E.F.E.O.)

Đủ tỏ rằng, mặc dầu thời nhà Lê, truyền-thống thi Tam-giáo bị thay-thế bằng sự độc-tôn Nho-giáo, vì ảnh-hưởng chính-sách chinh-phục của Tàu triều nhà Minh, nhà Tống với chủ-trương " *Tịch Thích Đạo* " (trừ bỏ đạo Phật và đạo Lão). Nhưng cho tới Lê-Thánh-Tông, tinh-thần Tam-giáo Việt-Nam của Thiên-Tông vẫn còn ảnh-hưởng sâu rộng .

*

TRUYỀN-THỐNG THIỀN-TÔNG TRƯỚC THỜI TRẦN

Đạo Thiền tuy là sản-phẩm kết-tinh của sự gặp-gỡ giữa hai truyền-thống văn-hóa Ấn-Độ và Trung-Hoa trên đất Lĩnh-Nam, nơi giao-lưu của các chủng-tộc và văn-hóa ở Đông-Nam-Á, nhưng truyền-thuyết trong giới Thiền-học Á-Đông vẫn bắt đầu lịch-sử Thiền-Tông từ Đức Phật Thích-Ca bên Ấn-Độ, cho nên :

11. Trước kẻ Tông phái Thiền gia
Ai ai học đạo xem hòa biết hay
12. Tây Thiên Thích-Ca là Thầy
Truyền cho Ca-Diếp liền rầy A-Nan
13. Tính được nhị thập bát viên
Hai mươi tám Tổ Tây Thiên khóa này
14. Đạt-Ma Tổ mới phương Tây
Việt sang Đông thổ truyền nay kể rằng
15. Ngô bản lai ti thổ
Truyền pháp cứu mê tình
16. Nhật hoa khai ngũ diệp
Kết quả tự nhiên thành
17. Nguồn cơn Tao đến chùng đây
Mở truyền giáo pháp làm thầy cứu mê
18. Một cây nở được năm chi
Khai hoa kết quả đều thì chứng nên
19. Huệ-Khả, Tăng-Xán tục liền
Đạo-Tín, Hoàng-Nhân lục Thiền Huệ-Năng
20. Chú Tổ truyền đôi tâm đặng
Tây Thiên Đông thổ thiệu long khắp trời
21. Ngũ gia Tông phái mỗi nơi
Khuê đèn chong ngọn đợi người hữu duyên .

Trên đây Chân-Nguyên Hòa-Thượng lược-thuật lịch-sử Thiền-Tông theo truyền-thuyết phổ-thông ở Trung-Hoa. Sự thực, xét trong lịch-sử Phật-giáo Việt-Nam, một trong các tài-liệu đáng tin cậy nhất là " Đại Nam Thiền Uyển Truyền Đăng Tập Lục " hay " Thiền Uyển Tập Anh " thời Trần, trong đó có cuộc vấn-đáp về Đạo giữa Hoàng-thái-Hậu (Phù Thánh

Cảm Linh Nhân) mẹ Lý-Nhân-Tông với Thiên-Sư Thông-Biện trong buổi Đại-Hội Toàn-quốc tại chùa Phổ-Minh, ngày 15 tháng 02 niên-hiệu Hội-Phong thứ 5 (1096) .

Thiện Hội nói :

" _ Phật là giác, tỉnh mê vậy. Giác ấy là bản-lai tồn-tại bất biến, thâm-trầm vĩnh-cửu. Hết thấy chúng-sinh đều có cái nguyên-lý ấy như nhau. Nhưng vì tình-dục trần-tục che lấp mới tùy theo nghiệp báo trôi nổi. Chuyển thành các xu-hướng khác nhau. Đức Phật động lòng từ-bi nên giáng xuống đất Thiên-Trúc, vì điểm ấy là điểm chính giữa trời đất vậy .

" Ngài xuất-gia năm 19 tuổi, sau 30 năm thì thành đạo, ở lại thế-gian thuyết giảng đạo-lý suốt 49 năm, mở ra các đường lối vào đạo, tùy theo trình-độ để cho người ta giác-ngộ. Đây là một thời-đại đạo pháp thịnh-vượng vậy .

" Khi Ngài sắp nhập-tịch vào Niết-bàn, sợ có sự mê muội vấp ngã của người đời, mới gọi Văn-Thù bảo :

" _ Suốt bốn mươi chín năm, chưa từng lập thuyết một chữ nào, lại sắp bảo ta có lý-thuyết hay sao ?

" Nhân thế Đức Phật cảm cảnh hoa giờ lên, quần chúng đều hoang-mang không hiểu thế nào, chỉ một mình Ca-Điếp vẻ mặt tươi tỉnh mỉm cười. Phật biết ông ta hội ý thông-cảm, bèn trao cho " Chính pháp nhãn tạng " (Bát chính pháp) làm Tổ thứ nhất của Tâm-Tông giáo-lý, riêng truyền ngoài giáo-lý vậy .

" Sau đây Ma-Đằng đem giáo-pháp ấy vào đất Hán, Đạt-Ma đem tôn-chỉ ấy sang đất Lương, đất Ngụy. Giáo-lý ấy truyền đến Thiên-Thai Tông là thịnh-vượng gọi là Giáo-Tông. Đạt tôn-chỉ ấy đến Tào-Khê thì sáng-tỏ, gọi là Thiên-Tông .

" Hai Tông phái giáo-lý ấy truyền vào Việt-Nam ta đã từ lâu. Giáo-Tông lấy Mâu-Bác, Khang-Tăng-Hội làm khởi-thủy. Thiên-

Tông thì Tì-Ni-Đa-Lưu-Chi là Tông-phái có trước, Vô-Ngôn-Thông là Tông-phái sau. Đây là Tổ của hai phái Thiền Việt-Nam vậy ."

_ (Đại Nam Thiền Uyển Truyền Đăng Tập)

Căn-cứ vào những sự-kiện do Thông-Biện trình-bày, chúng ta có cái nhìn tổng-quát thể-hệ Thiền-Tông trước thời Trần vào đồ-biểu sau đây, để nhận ra sự sai khác, giữa truyền-thuyết Tàu và Ta về hệ-thống Thiền-Tông Trung-Hoa và Việt-Nam. Sự sai khác ấy đại-khái như sau :

TRUNG-HOA	:	VIỆT-NAM
	:	Mâu-Bác - Khang-Tăng-hội Giáo-Tông
	:	(Thế-kỷ II)
Bồ-Đề Đạt-Ma (528)	:	Thiền - Tông
1._ Huệ Khả (?)	:	Tì-Ni-Đa-Lưu-Chi (594)
2._ Tăng-Xán (600)	:	Pháp-Hiền (620)
3._ Đạo-Tín (651)	:	
4._ Hoằng-Nhãn (675)	:	
5._ Huệ-Năng (713)	:	
(Tào-Khê)	:	
Nam-Nhạc (744)	:	
Mã-Tổ (780)	:	
Bách-Trượng (814)	:	Vô-Ngôn-Thông (820)
Lâm-Tế	:	Cảm-Thành (860)
(1218 - 1277) Dòng Lâm-Tế truyền :	:	Trần-Thái-Tông
	:	Trần-Thánh-Tông
	:	
	:	Ứng-Vương
	:	Tiêu-Dao
	:	Tuệ-Trung Thượng-Sĩ
	:	
	:	<u>Trúc-Lâm An-Tử</u>
	:	
Chuyết-Công (1634 - 1649)	:	
Minh-Lương	:	
Chính-Giác Chân-Nguyên (1646 - 1726)	:	
Lân-Giác Thượng-Sĩ (1696 - 1733)	:	

Theo đồ-biểu hệ-thống Thiền-Tông của Thông-Biện trên đây, chúng ta thấy khác với truyền-thuyết Trung-Hoa, là Bồ-Đề Đạt-Ma một bông hoa nở ra 5 cánh là tới Huệ-Năng. Như vậy thì Tổ Ấn (Vinitaruci) Tì-Ni-Đa-Lưu-Chi sang Giao-Châu lập ra phái Thiền đầu tiên, đồng thời với Bồ-Đề Đạt-Ma sang Quảng-Châu, thì dòng Thiền Việt-Nam không thuộc vào 5 cánh hoa Thiền Trung-Hoa. Sự gặp-gỡ truyền đạo giữa Tăng-Xán với Tì-Ni có vẻ mờ mờ khiên cưỡng vì thời-gian sai lệch và tinh-thần cũng khác. Tăng-Xán thì vô-ngôn mà Tì-Ni thì biện-chứng Trung-quán, như lịch-sử truyền đăng chứng-minh, khi Tì-Ni gặp Tăng-Xán thì vị này chỉ gật đầu không nói, mà khi Tì-Ni truyền pháp cho Pháp-Hiền, một Thiền-Sur Việt nổi tiếng ở Giao-Châu thế-kỷ thứ III, thì Tì-Ni dùng biện-chứng-pháp phủ-định điển-hình của Long-Thọ .

Như vậy thì tinh-thần truyền-thống Thiền Việt-Nam nổi thẳng với Triết-học Trung-quán, qua biện-chứng Sunyata để đi đến thực-nghiệm vô-ngôn-thông .

*

ĐẠO THIỀN THEO TÔ CHÂN-NGUYÊN CHÍNH-GIÁC

22. Chư Phật trở bảo căn nguyên
Khẩu thụ tâm truyền Bát-Nhã chính Tông
23. Tứ mục tương cố nhõn đồng
Thầy tớ trao lòng, đẳng chúc giao huy
24. Bông đầu, cử nhõn, ấn tri
Cơ quan thấu được thực thì tri âm .

Phật là giác, sau bao nhiêu kiếp tu-luyện cho tới khi dưới gốc Bồ-Đề Thích-Ca đã đạt tới chính-giác, vào được đến cái ý-thức thật biết, tức là cái ý-thức nguồn-gốc của tất cả ý-thức, cái ý-thức vũ-trụ, bấy giờ mới thành Phật. Danh-từ Phật do chữ Hán, dịch âm chữ Phạn Buddha, nghĩa là Bodhi : Bồ-Đề là biết căn-nguyên của tất cả cái Biết vậy. Cái Biết ấy đối với Thiền - Na : (Dhyana), đọc tắt là Thiền, vốn là một trạng-thái ý-thức làm môi-giới giữa ý-thức cảm nghĩ (Sensori - intellectuel) tức là " *lục thức* " với cái Siêu-thức Tam-Muội (Samadhi) Bát-Nhã (Prajna) như Huệ-Năng nói :

" Bát Nhã Tam Muội tức thị vô niệm ? Nhược kiến nhất thiết pháp, tâm bất nhiễm trước, thị vị vô niệm "

— (Phẩm Bát Nhã Lục Tổ Đàn Kinh)

Nghĩa là :

(Bát-Nhã Tam-Muội tức là vô-niệm. Sao gọi tên là vô-niệm ? Nếu thấy hết thấy sự vật, mà tâm mình không vương víu vương vấn, ấy là vô-niệm).

Kinh-nghiệm ngủ-say của người thường là trạng-thái Vô-Niệm, trong ấy ý-thức hình như không hoạt-động để tạo nên các hình-ảnh vì giác-quan đã đóng cửa lại mà tinh-thần cũng không đối-tượng-hóa ra các cảnh mộng. Do đấy mà tinh-thần người ta không còn thấy có thế-giới bên ngoài hay bên trong, cái ta với không ta biến mất, chỉ còn có sự sống đều đều như nhịp điệu của hơi thở nhẹ, trái tim đập, mạch máu chạy .

Nhưng trạng-thái ấy không phải cái Vô-Niệm của Huệ-Năng nói, vì ở Huệ-Năng thì cái Vô-Niệm là " thấy hết thấy hiện-tượng mà tâm không vương víu ", cái Tâm ấy nổi liền ba cảnh : thức, mộng, ngủ-say, vượt giới-

hạn cá-nhân mà nhập vào nguồn sống vũ-trụ thiên-nhiên cũng như xã-hội. Cái Tâm ấy mới thấy hết thấy mà không vương váu, gọi là Bát-Nhã Tam-Muội như Thích-Ca đã thực-hiện dưới gốc Bồ-Đề. Đây là Bát-Nhã chính tông, nguồn-gốc căn nguyên của tất cả. Vì là một thực-nghiệm thuần-túy không còn năng sở nữa, nên không thể tự đối-tượng-hóa để suy-nghĩ và nói cho người khác hiểu, chỉ phải truyền thẳng giữa thầy trò, bốn mắt nhìn nhau qua con người với con người để khêu ngọn đèn lòng cho nhau, bằng cách khích động để ấn-chứng vì " đèn nhà ai nấy rạng " nhà ai cũng đều sẵn có đèn, ai nấy nhờ khích động mà tự khêu tỏ được ngọn đèn trong tâm mình lên thì đều thấy là tri-âm với nhau cả .

25. Đến khi phó pháp truyền tâm
Vận dụng trí tuệ hiểu thâm nhiều bề
26. Hoặc là nghiêm tọa vô vi
Hoặc là thấu mục dương tay giao thần
27. Hoặc hiện sư-tử tần thân
Quát thét một tiếng xa gần vang uy
28. Ai khôn nghe đây sá nghi
Hội ngộ tự tính tức thì chứng nên
29. Thuở xưa hội cả Kỳ-Viên
Bụt cầm một đóa hoa Sen giơ bày
30. Ca-Diếp trí tuệ khôn thay
Liễn ngộ tự tính bằng nay mỉm cười .

Thiền chỉ cốt yếu ở chỗ " *Liễu ngộ tự tính* " . Tự-Tính là ý-thức Nguồn sống sinh sinh tuần-hoàn vãng-lai đại-đồng vĩnh-cửu. Vì là vận-động vãng-lai nên tự động và bất-tuyệt như một nhịp-điệu vậy. Tự-Tính với Nguồn-Sống mật-thiết quan-hệ với nhau vì Nguồn-Sống tràn-ngập vũ-trụ : " *Thiên địa chi đại đức viết sinh* " (天地之大德曰生) (cái đức lớn vô hạn của trời đất là sống sinh thành). Hay là " *Pràno Virât* " (Sống thì vô hạn). Và ở đâu có sống là có Biết, bởi vì khi nào ở đâu cái sinh-lực ấy bèn tự biểu-hiện thì bấy giờ và ở đây cơ-quan sinh-hoạt, giác-quan tác-dụng, tinh-thần suy-tư và trí-thức tác-động. Cho nên Tính như hội ý ở Hán-tự có hai năng-lực tự biểu-hiện ra như là Trí-Tuệ và hoạt-động của Sinh-lực Trí-Tuệ là Nguồn-gốc của ý-thức mà danh-từ tiếng Phạn (Sanscrit) gọi là Prajna , phiên dịch ra Hán-tự là Bát-Nhã và Tuệ hay Minh .

Thơ truy tán Tổ Thiền đầu tiên việt-Nam là Tì-Ni-Đa-Lưu-Chi, Vua Lý-Thái-Tông có câu :

*" Kiêu kiêu Lãng-già nguyệt
Phân phân Bát-Nhã liêu ".
(Vầng vặc trăng Lãng-Già
Phức phức Sen Bát-Nhã) .*

Bát-Nhã và Lãng-Già là hai bộ Kinh Căn-Bản trọng-yếu của Thiền-Tông.

Đại-Thừa Phật-giáo trong Kinh " Bát-Nhã Ba-La-Mật " (Prajna Paramita) như Nagarjuna (Long-Thọ) trình-bày có cái gì không biến-đổi trong thế-giới luôn luôn biến-đổi như thác chảy, như điện chớp, gọi là Phật-Tính Như-Lai, hay là Như-Như, hoặc Chân-Như. Nhưng hai phương-diện Bất-Biến và Biến không dời nhau như nước với sóng mà nhà Thiền ví với Thủy Nguyệt, một vầng trăng phải chiếu xuống các làn nước khác nhau thành thiên-hình vạn-trạng. Hình-ảnh (月照萬川) " Nguyệt-chiếu vạn xuyên " rất điển-hình của Thiền-Tông ấy ngụ-ý nhìn thế-giới qua Tâm " Bát-Nhã Ba-La-Mật ", tức là cái " ý-thức sang bên kia ", là cái trạng-thái thứ-tự bao-hàm cả ba trạng-thái Thức, Mộng, Ngủ-say, tương-đương với ý-thức cảm-giác, suy-tư và tiềm-thức. Cái trạng-thái Như-Như ấy đó là Bát-Nhã Ba-La-Mật, nghĩa là " giác-ngộ sang bên kia " không ở đâu ngoài cái Tâm này mà chỉ là siêu cái Tâm cảm-ngĩ (sensori intellectuel). Cho nên Huệ-Năng bảo :

*" Cái Trí Bô-Đề Bát-Nhã người đời ai cũng có, chỉ vì tâm mê chẳng thể tự ngộ ra được, cần phải nhờ bậc đại trí-thức chỉ bảo cho thấy Tính. Nên biết người Ngụ với người Trí đều sẵn có Phật-Tính chẳng khác nhau. chỉ vì mê với ngộ không giống nhau nên mới có Ngụ với Trí ".
_(Bát-Nhã Đàn Kinh)*

Và Khởi-Tín luận viết :

" Tâm Chân-Như là cái Tâm bất sinh bất diệt Thể và Tướng bao-hàm tất cả các pháp. Sở dĩ các pháp sai khác là do vọng niệm, nếu dời vọng niệm thì không còn cảnh tượng sai khác. bởi thế nên tất cả pháp từ hồi nào đến nay, không thể dùng danh-từ để gọi tên,

không thể dùng lời nói để bàn-luận, không thể dùng tâm suy-nghĩ được, không có biến-đổi và cũng không phá-hoại, vì nó cùng-tột bình-đẳng, chỉ có một Tâm Chân-Như mà thôi.

" Nhưng Chân-Như vốn bất-biến siêu-nhiên, không thể dùng lời nói bàn-luận hay lấy tâm suy-nghĩ thì chúng-sinh làm sao tùy-thuận và ngộ nhập được. Nó là Tự-Tính Như-Như, không có các tướng sai biệt, thật không có các pháp tạp nhiễm, tại sao lại mô-tả nó như có tướng sai biệt ?

" Mã-Minh (Asvaghosa) trả lời :

— " Nếu người nào biết tất cả pháp, tuy có nói bàn mà không có " năng nói " và " sở nói ", tuy có suy-nghĩ mà không có " năng nghĩ " và " sở nghĩ " thì sẽ được tùy thuận Chân-Như " .

Vậy vượt lên trên ý-thức lương-nguyên Năng, Sở là cả một sự Tỉnh thức- dậy, như trong giấc ngủ mà tỉnh dậy, đây là giác-ngộ là Tâm Chân-Như, chính từ trong tâm mê vọng nhìn thấy con rắn ở chỗ cái thùng mà tỉnh-ngộ ra chỉ có thùng không phải rắn. Trước sau chỉ có một Thực-Tại, khi mê giới-hạn vào Ngã thì sai thù ảo-hóa, khi tỉnh không chấp Ngã thì là Nhất-Như Bát-Nhã. Vậy ảo-hóa là vũ-trụ nhìn với cái ý-thức vô-minh, Chân-Như là thấy với cái ý-thức giác-ngộ, minh .

" Tự thể Chân-Như thật có đủ công đức vô lậu (tức nhất thể pháp).

" Bởi Chân-Như không có vọng, tức là Chân-Tâm. Cái Chân-Tâm này thường còn không biến-đổi và đầy đủ các pháp thanh-tịnh, nên nói thật có (bất không) .

" Nhưng cái cảnh-giới " thật có " này cũng không có hình-tướng gì để nắm lấy được, vì nó là các vọng-niệm, nên chỉ có người tu chứng mới biết được thôi " .

— (Khởi Tín Luận, bản dịch của T.T. Thích-Thiện-Hoa)

Tu-chứng tức là theo Chân-Nguyên :

" Khẩu thụ tâm truyền Bát-Nhã chính Tông. Vì Tâm Bát-Nhã ấy theo Long-Thọ là " Không " (Sunyata) :

_ Không sinh	--	Không diệt
_ Không đến	--	Không đi
_ Không một	--	Không hai
_ Không có	--	Không không

Trên đây là biện-chứng " Bát Không " của Long-Thọ để thực-hiện triết-lý Trung-quán (Madhyamika). Trọng-tâm của Trung-quán nghĩa là Không hay Chân-Không. Thế nào là Không ? Tinh-thần nhân-loại thường bị cái tin-tưởng vào hiện-hữu nó chi-phối. Tốt hay xấu, phải hay trái, tổng-hợp hay phân-tích đều do sự chấp pháp đẻ ra, làm cho cái ý-niệm " Không " khó mà thấy được. Bởi vậy mà không một danh-từ nào có thể giới-thuyết được (Sunyata): Chân-Không : Không-Hư, chỉ có cách phủ-định như 8 mệnh-đề trên. Và đây là dùng Công-án của nhà Thiền-Sư để đánh thức tỉnh người đang ngủ mê, gọi là " *thấu thoát* " (nhập vào và thoát ra). Thấu thoát với Công-án là phương-pháp đặc-biệt của nhà Thiền để biểu-diễn triết-lý Chân-Không. Và là để " *phó pháp truyền tâm* " nghĩa là truyền cái thực-nghiệm " Không-Hư " ở tâm mình sang thẳng tâm người khác .

" Không-Hư " (Sunyata) là ý-niệm bắt đầu từ Phật-giáo nguyên-thủy với quan-niệm Vô-Ngã (Anatman) và Vô-Dur Niết-Bàn (Nirupadhisesa-Nirvanan). Kịp đến học-giả Du-Da (Yogaçara) duy-thức, Tam-luận-tông (Madhyamika) thì Sunyata : Hư-Không được xét cứu, và triết-học Duy-thức với Thuyết Lưỡng-Không cùng là hệ-thống tâm-lý-học Phật-giáo được thiết-lập. Đến phái Kim-Cương thừa (Vajrayana) và Mật-Tông (Tantrisme) xuất-hiện. Khi thuyết Sunyata không còn coi như là trò suy-biện mà là phương-tiện để giải-quyết tất cả vấn-đề trọng-yếu của Phật-giáo thì người ta không thể không tìm một phương-pháp thực-tiến hơn là thuyết Không, phủ-định (Sunyata) để có thể có ích cho đường giác-ngộ .

Do đây mà đẻ ra con đường Thiền, vì Thiền-Tông cũng cùng một giáo-lý căn-bản với Trung-Đạo (Madhyamika) chỉ khác nhau ở điểm Thiền-Tông diễn-giải, trình-bày giáo-lý một cách thực-tế và hấp-dẫn, nghệ-thuật hơn là cách phủ-định " Bát Bất " để đi thẳng đến chân-klý Bát-Nhã. Thí-dụ như Tì-Ni gặp Pháp-Hiền, nhìn chừng chừng vào mắt mà hỏi :
_ Anh tên là gì ?

Pháp-Hiền hỏi lại :

_ Đồ Hòa-Thượng biết

Tì-Ni quát :

_ Biết để làm gì ?

_ (Thiền Uyển Truyền Đăng Tập)

Luận-điều trên đây giữa hai người thầy trò tỏ ra khác với Bát Bất phủ-định để nói " Bát-Nhã " không có thể tư nghị được .

Từ-Dung Hòa-Thượng hỏi Liễu-Quán :

_ " Vạn pháp qui nhất, nhất qui hà xứ ? "

(Muôn pháp về một mối, một mối về chỗ nào ?)

_ (Văn Bia)

Câu hỏi ấy đã phản-chiếu thâm-sâu phương-pháp " *thấu thoát không hư* ", nó vượt ra ngoài nguyên-lý độc-thần-giáo và là đặc-trung cho Phật-giáo là siêu đẳng giáo .

Cốt-yếu của Phật-giáo nói chung và Thiền-Tông nói riêng là cầu tìm giác-ngộ, một thực-nghiệm tâm-lý sinh-lý " biến hóa khí chất " chứ không phải chỉ cầu một thứ trí thức mà thôi. Ngộ là thực-nghiệm trực-tiếp " *kiến tính* " (見性) nghĩa là Bản-thể của tinh-thần được thấy đầy đủ về tình cũng như về lý. Thực-nghiệm của Ngộ (là sáng-tỏ mà vô-biên rỗng không, tĩnh-mịch mà sinh-động, siêu-nhiên mà nội-tại, tự-do mà bao-hàm. Vừa là nhiều thực-nghiệm một lúc, vừa là một đồng-nhất .

" *Bất biến ứng vạn biến* ". (不變應萬變)

" *Đồng qui nhi thù đồ* ". (同歸而殊途)

Ngộ là nói người ta tỉnh-dậy một cách thành-linh, đột-nhiên. Còn Giác là nói trạng-thái ý-thức còn mãi và đầy đủ của sự tỉnh-ngộ về chân-lý Bát-Nhã .

Thiền-Tông thường nói : " Ngộ chân-lý là việc đột-nhiên, nhưng muốn thể hiện thì phải luyện-tập từng bước một ". Đây là phương-pháp

đặc-biệt của Thiên-Tông, như bày tỏ ở " *Mục ngư Đồ* " chẳng hạn, trong đó với hình-ảnh một đứa trẻ cười trâu, tượng-trung cho con người tự làm chủ được thân tâm qua mười giai-đoạn từ bản-năng vô-thức đến siêu-thức, người và vật đều mất " *vật ngã câu vong* " (物我俱亡), năng-tri và sở-tri hợp làm một trong tâm Bát-Nhã. Đây là một thực-nghiệm nội-tâm ở trình-độ tối cao, như ở Đức Thích-Ca thì gọi là Chính-Giác, Bồ-Đề, ai có cái tâm đồng-điều thì rung-động, ăn-nhập gọi là *khế-hợp*, như trường-hợp Đức Phật Thích-Ca vừa ở trong thực-nghiệm ấy xuất ra, giờ canh hoa lên mà Ca-Điếp mỉm cười tỏ ra *khế-hợp* :

" Thuở xưa hội cả Kỳ-Viên
Bụt cầm một đóa hoa Sen giờ bày
Ca-Điếp trí tuệ khôn thay
Liễu-ngộ tự tính bằng nay mỉm cười ."

Nhưng về sau các đệ-tử Thiên-học không mấy ai có được trí-tuệ như Ca-Điếp, cho nên tuy được theo học bên cạnh thầy mà thầy phải dùng nhiều cách, đánh đập, quát thét, để thức-tỉnh đệ-tử hay là nhiều phen phá chấp của đệ-tử vào trí-thức suy-luận giữa " Có " và " Không ", " Phải " và " Trái ", hai bên đối đãi bằng những cuộc vấn-đáp phi-lý gọi là Công-Án, như cử-chỉ của Đức Phật giờ canh hoa lên mà Ca-Điếp cũng giải được cũng bằng một vẻ mặt. Như thế Công-Án là gì ?

" Tông-phái Tào-Động thực-hiện Thiên bằng cách dạy người ta " *Mạc chiếu* " nghĩa là soi sáng chính tâm mình trong sự yên-lặng. Còn Tông-phái Lâm-Tế lại dùng phép đặt tinh-thần người ta vào công việc giải-đáp một vấn-đề không thể giải-đáp được gọi là Công-Án hay *Thoại Đầu*. Phép thứ nhất có thể coi như hiểu giáo, phép thứ hai như ẩn giáo ."

_ (Trương-Chùng-Cơ -- " Thiên Học Tu Tập ")

Tiếng quát của Tì-Ni đối với Pháp-Hiền trên kia, đây là một Công-án khiến cho Pháp-Hiền đang phân-vân chợt tỉnh-ngộ về cái Biết :

_ " Biết để làm gì ?

" Sư Pháp-Hiền " *hốt-nhiên tự tỉnh* " chợt tỉnh ngộ .

Sự tự tỉnh ấy không phải là kết-quả suy-luận, mà là cả một sự chuyển hướng của tinh-thần, một sự biến-đổi tâm-trạng, nghĩa là một thực-nghiệm nội-tâm vậy. Bởi vì Thiền không câu tìm cái Biết của Triết-học, nó nhằm vào " *trí độ* " là cái Biết vượt sang bên kia, cái Bát-Nhã Ba-La-Mật (Prajna-paramita), tức là cái mà Hòa-Thượng Chân-Nguyên bảo là " *Liễu ngộ tự tính* ", cái Tự-Tính ấy là Bản-thể đồng-nhất ở tại tất cả chúng-sinh, tiềm-tàng nội-tại mà siêu-nhiên (immanent-transcendant) chỉ phải tự tri, tự biết, thuần-túy kinh-nghiệm trong tâm, không có thể là đối-tượng cho ý-thức danh-lý suy-tư được .

31. Trần trần, sát sát Như-Lai
Chúng sinh mỗi người mỗi có hoa Sen
32. Hoa là bản-tính tự nhiên
Bao hàm thiên địa phương viên công bằng
33. Hậu học đã biết hay chẳng ?
Tâm hoa ứng miệng nói năng mọi lời
34. Thiêng liêng ứng khắp mọi nơi
Lục căn vận dụng trong ngoài thần thông
35. Chân hoa Sắc tức thị Không
Không tức thị Sắc thể đồng Như-Như
36. Tam thể chư Phật Tổ Sư
Tứ mục tương cố thị cù Thiền cơ .

Thế-giới biểu-hiện thiên-hình vạn-trạng, thiên-biến vạn-hóa này luôn luôn biến-đổi, trôi chảy cuồn cuộn như giòng nước không dừng, ngày đêm không nghỉ, tưởng như một giấc mộng, thật thật hư hư, chợt hiện chợt biến :

" *Nhất hữu vi pháp
Như mộng ảo bào ảnh
Như lộ, diệt như điện
Ứng tác như thị quan* " .
_ (Kim-Cương Bát-Nhã Ba-La-Mật)

(Hết thấy thế-giới có
Như mộng ảo, bọt, bóng
Như chớp nhoáng sương sa
Nên xem như thế cả .)

Tuy nhiên bên trong vẫn có một Bản-thể tồn-tại bất-biến để bảo-vệ điều-lý vũ-trụ, kể từ hạt cát bụi vi trần cực nhỏ đến các thế-giới cực đại, ví như các sóng trên mặt nước, sóng biến hóa thiên hình vạn tượng từ ba-động lẫn-tăn đến cây sóng khổng-lô vĩ-đại, lên xuống nhấp-nhô, nhưng nước vẫn là nước y-nhiên bên trong bất biến, bất dịch. Đây là Bản-thể Như-Lai Phật-tính khắp cả, vô-lượng vô-biên vậy. Như-Lai, Phật-tính trong thế-giới hiện-tượng sóng, sóng đời nước không được vì là biểu-hiện của nước, không có nước thì không có sóng, cho nên Như-Lai đối với thế-giới tạo-vật, hiện-tượng sinh-tồn là thực-tại vừa nội-tại vừa siêu-nhiên (immanent - transcendent). Khuông-Việt Đại-Sur Ngô-Chân-Lưu trước khi tịch có đọc cho Đa-Bảo bài kệ :

*" Một trung nguyên hữu hỏa
Hữu hỏa hỏa hiện sinh
Nhược vị một vô hỏa
Toàn toại hà do mạnh ? "*

Nghĩa là :

(Trong gỗ vốn có lửa ví như trong hiện-tượng có Bản-thể, trong chúng-sinh vốn có Phật-tính Như-Lai. Vì có lửa thì lửa lại phát-sinh ra, như bản-tính Như-Lai ở tại chúng-sinh tu-luyện mới thành Phật được .

Nếu trong gỗ không có lửa cũng như ở nơi chúng-sinh vốn không có mầm Như-Lai và Phật-tính, thì tu-luyện công-phu đến đâu cũng không bao giờ thành Phật được, vì chưa từng thấy tự nơi Không nảy ra Có, như sừng thỏ, lông rùa vậy) .

Trên kia Chân-Nguyên bằng mấy vần thơ đã ví Như-Lai như Hoa Sen, một hình-ảnh điển-hình trong truyền-thống Vô-Đa, để ví với bản-tính tự-nhiên làm Bản-thể linh của vũ-trụ hiện-hữu, hữu sinh cũng như vô sinh, ý-thức cũng như vô-thức. Chính cái Bản-thể thiêng-liêng ấy mà siêu-hình-học truyền-thống lấy làm đối tượng " *cùng chí sự vật chi lý* " (xét đến cùng tột của sự-vật). Tâm-lý-học thấy cái gì tương-tự hay đồng-nhất với nó ở tại nội-giới tâm-hồn cá-nhân, gọi là Ngã, là Atman cũng là Brahman Đại-Ngã, gọi là Tính " *Thiên Mệnh* " (天命). Đạo-đức-học đạt cứu-cánh của nhân-loại tại sự hiểu-biết cái Bản-thể nội-tại siêu-nhiên của tất cả hiện-

hữu, cái ấy là Chân-Như đồng-nhất-thể, bao-hàm cả Có lẫn Không, cho nên bảo :

" Sắc tức thị Không

Không tức thị Sắc, thể đồng Như-Như "

Cái đồng-nhất-thể ấy chính là Thiên-Cơ, chỉ phải tự mình thực-nghiệm nơi mình, không thể tìm ở bên ngoài, cho nên thầy chỉ có thể gọi sự thức-tỉnh ở trò, chứ không phải đem lại cho cái Biết trí-thức lưỡng-nguyên, kiêu văn mà được, bởi vì trí-thức kiêu văn bị giam trong lưỡng-luận bội-phản tương đối Có, Không, Phải, Trái, hai biên cực đoan, còn cái Tính Bản-thể đồng-nhất như như thì siêu việt lên trên cả hai biên như Hoa Sen " gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn ", đã được Chân-Nguyên lấy làm Tâm-Hoa, Chân-Hoa, Bản-Tính tự-nhiên, Thể-Đồng Như Như . Và Hòa-Thượng đã toát-yếu khúc-triết đầy đủ tất cả tinh-hoa triết-lý Thiên của bộ Kinh cao-siêu nhất của Phật-giáo Đại-Thừa mà Bồ-Đề Đạt-Ma (Bodhidharma) trước khi tịch đã trao cho đệ nhị Tổ Thiên-Tông Huệ-Khả :

37. Ai chưa tín thụ còn ngờ
Thỉnh Kinh Lăng-Già quyền nhị hòa nung
38. Tự nhiên đến ngộ tâm tông
Kẻ tìm Kinh giáo luống công lâu ngày
39. Giáo là Kinh lục thỉnh bày
Giấy mực văn tự chất đầy hà sa
40. Tông là nguyện tính của ta
Vốn " vô nhất vật " sáng hòa hư linh
41. Thuở xưa trời đất chưa sinh
Cha mẹ chưa có thực mình chân không
42. Chẳng có tướng mạo hình dung
Tịch quang phổ chiếu viên đồng thái hư
43. Thánh, phàm vô kiến vô dư
Bất sinh, bất diệt, như như, Di-Đà
44. Liễu tri vạn pháp Không Hoa
Văn-tự, ngôn-ngữ ấy là vong duyên
45. Chân-Như tính bản thiên nhiên
Vô tạo, vô tác căn nguyên của nhà .

Trên đây Hòa-Thượng Chân-Nguyên trình-bày yếu lý cốt-yếu của Kinh Lăng-Già (Lankavatara) quan-hệ với Thiền-Tông ở điểm " cảnh giới tự giác của Phật " tức là thực-nghiệm thuần túy nội-tâm của Phật về cái Đại Chân-lý tôn-giáo chính-yếu Đại-Thừa. Giáo-lý của bộ Kinh này đã được Đại-Tuệ (Mahâmati) toát-yếu vào trong lời ca mở đầu sau đây :

*" Thế gian ly sinh diệt
Do như hư không hoa
Trí bất đắc hữu vô
Nhi hưng đại bi tâm .*

*" Nhất thiết pháp hư ảo
Viễn ly u tâm thức
Trí bất đắc hữu vô
Nhi hưng đại bi tâm .*

*" Viễn ly u đoạn thường
Thế gian hằng như mộng
Trí bất đắc hữu vô
Nhi hưng đại bi tâm .*

*" Tri nhân pháp vô ngã
Phiền não cập nhi diệt
Thường thanh tịch vô tướng
Nhi hưng đại bi tâm .*

*" Nhất thiết vô niết-bàn
Vô hữu niết bàn Phật
Vô hữu Phật niết-bàn
Viễn ly giác, sở giác .*

*" Nhược hữu nhược vô hữu
Thị thị tất câu ly
Mâu-Ni tịch tĩnh quan
Thị tắc viễn ly sinh
Thị danh vi bất thủ
Kim thế hậu thế tình ."*

Dịch-nghĩa :

" Nhìn với con mắt tri thức và thương yêu (bi, trí) thì thế-giới khác gì bông hoa hư-không, không thể bảo nó có sinh ra và tiêu-diệt được, bởi vì không có thể áp-dụng các phạm-trù lưỡng-luận bội-nghịch như Có và Không, Phải và Trái, nhìn ở quan-điểm tri-thức và thương-yêu thì thế-giới sự vật đều huyền-ảo, xa rời tâm-thức và ý-thức, không thể bảo được là nó Có hay Không-có, bởi vì những phạm-trù danh-lý Có và Không-có đều không thể ứng-dụng được .

" Nhìn ở quan-điểm tri thức và thương yêu thì thế-giới này vĩnh-viễn như ảo-mộng, không thể bảo nó thường còn hay là hủy-diệt, bởi vì những phạm-trù danh-lý lưỡng-luận bội-nghịch không thể ứng-dụng được .

" Nhìn ở quan-điểm bi trí (Prajna-Karma) Hiểu Biết và Thương Yêu, người ta sẽ thấy thế-giới thường thanh-tịnh luôn luôn, không có hình tướng, không có tự-tính (ngã-tính hay pháp-tính) không có phiền-não bên trong (nhân) không có ảo-hóa bên ngoài (pháp) .

" Khi đã xa lìa quan-điểm tri thức năng (sujet) và sở (objet), giác và sở-giác đối đãi nhau, người ta sẽ thấy không đâu có cái gì gọi là Niết-Nàn, không có Phật ở niết-Bàn, không có Niết-Bàn của Phật .

" Khi nhìn ở quan-điểm (quán tưởng) bình-tĩnh trong lặng của Mậu-Ni, như thế thì xa lìa với sự sinh ra, như Có và Không-có, cả hai biên-giới đều xa lìa, không còn chấp mà nắm giữ chi nữa và được thanh-tịnh, đời này và đời sau, đời đời " .

Tất cả giáo-lý của Phật xoay quanh quan-niệm về Phật-tính, một khi đã thấu đạt được Phật-tính thì triết-lý Phật sẽ sáng-tỏ, mặc dầu tất cả những phức-tạp của nó .

Theo Bồ-Tát Đại-Tuệ, là người nêu 108 câu hỏi để Phật giảng giải trong Kinh Lăng-già. Thì Phật có đủ thánh-trí Bát-Nhã và Đại Từ bi Tâm (Prajna-Karuna). Với thánh-trí, Phật đã thấy thế-giới sự-vật đặc-thù không có thật, Vô-ngã-tính chẳng khác gì tuồng ảo-hóa không-hư. Bởi thế mà Phật-tính ở ngoài phạm-trù lưỡng-luận bội-nghịch, Có, Không, tịch-quang, vô-tướng. Nhưng cái thánh-trí của Phật ấy ngụ có đức tuệ của thương yêu nên gọi là Bi-Trí, do đây mà Phật từ cõi siêu-việt thấy động lòng từ-bi mà nhập vào cõi luân-hồi sinh-tử của chúng-sinh mê-vọng trầm-luân để cứu vớt .

Nhưng vì lòng Từ-Bi thương-yêu ấy hoàn-toàn vô-tư, vô-cầu, không chút bụi-trần như lòng thương con của tình mẫu-tử, cho nên như Hoa-Sen " gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn ". Đây là mẫu-nhiệm của tình-yêu vậy. Đây là yêu-thương vì yêu-thương tình yêu-thương. Và chỉ có tình-yêu mới sáng-tạo, vì chỉ có nó mới động-tác sinh sinh, hóa hóa theo biện-chứng-pháp :

" Mình với ta tuy hai mà một
Ta với mình tuy một mà hai "
_ Tản-Đà)

" Toujours un et toujours deux, c'est le chant de l'amour "
_ (Rabindranath Tagore)

Trái lại lý-trí luôn luôn tìm đối-tượng-hóa năng-tri (sujet connaissant) với sở-tri (objet de connaissance). Cái ngã với cái phi-ngã (le moi et le non-moi), tâm và vật (esprit et matière) cho nên hợp-nhất vào một quan-điểm " Bi, Trí " (Prajñā-Karma), tình-yêu và lý-trí, Hành và Tri, đây là quan-điểm của Kinh Lăng-Già (Lancavastara) vậy .

Lòng từ-bi vô-lượng của Phật là năng-lực sáng-hóa, tùy theo với cảnh-ngộ biến đổi, mục-đích để giác-ngộ chúng-sinh bằng phương-tiện thiên xảo. Nhờ phương-tiện (Upāya) mà cái nhất-tính của thực-tại Đức Phật đã giác-ngộ mới tự hóa ra thiên-hình vạn-trạng sinh-tồn đặc-thù .

" Tinh thông nghìn mắt nghìn tay
Cũng trong một điểm linh-đài hóa ra " .

Cái điểm linh-đài ấy như hạt kim-cương Mani hoàn-toàn trong suốt, nhờ thế mà nó phản-chiếu được vô số hình tướng, vô số màu sắc, vì tự nó không có màu sắc. Cũng như thế mà chúng-sinh quan-niệm Phật, như thế mà chúng hiểu giáo-lý Phật, mỗi người tùy theo với cơ-duyên, trình-độ hiểu-biết. Đức Phật đối với chúng-sinh như người thầy-thuốc, tùy bệnh mà cho thuốc. Bởi thế nên Phật-tính mang nhiều tên-hiệu nhân-cách-hóa, đồng thời cũng được gán cho một số tên trừu-tượng như Chân-Như, Thái-Hư, Viên-đồng, Niết-Bàn. Như thế là Phật vừa nhân-cách vừa siêu-hình vậy. Kinh Lăng-Già quan-niệm Phật vừa đồng-nhất, vừa đa-thù như Trăng-

nước, một thể Trắng có nhiều hình-tượng in theo giòng nước khác nhau để ngụ ý-nghĩa " *Đồng qui nhi thù đồ* " (L'Unité dans la diversité) .

Kinh Phật nhiều vô kể, riêng về giáo-lý Đại-Thừa có một số Kinh chính như Diệu-Pháp Liên-Hoa Kinh (Sadharma-Pundarika Sutra) dạy nghĩa Phật bất-diệt, chỉ có một Thừa dạy chúng-sinh lấy Pháp (Dharma) làm thầy. Quan-Âm Kinh (Avalokitesvara) dạy nghĩa Phật Quan-Âm từ Nam hóa ra Nữ, vì tình-yêu thuộc về nữ-tính vĩnh-cửu, nhờ đây mà " Một thân hóa được ra nghìn muôn thân " _ (Phật-Bà Quan-Âm Diễn-ca). Kinh Hoa-Nghiêm (Avatamsaka Sutra) dạy cái quan-niệm về Bồ-Tát Phổ-Hiền với thập nguyện để cứu vớt trầm-luân muôn loài, hữu-cơ cũng như vô-cơ, đủ thấy cái vũ-trụ-quan tâm-linh sâu rộng hơn là duy-tâm phổ-thông .

Kinh Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa Kinh (Prajñā-Pāramita Sutra) dạy nghĩa " Không " (Sunyata) tức Chân-Không. Kinh Duy-Ma-Cật (Vimalakirti Sutra) dạy nghĩa tu tại-gia cũng thành Phật như tu xuất-gia, một khi giác-ngộ, lột bỏ cái áo chấp nhiễm-ố trước, ngay từ lúc ta chấp vào cái ngã liền có thể-giới phi-ngã hiện ra trước mặt .

Kinh Đại Niết-Bàn (Parinirvāna Sutra) dạy nghĩa Phật-tính ở tại tất cả chúng-sinh bất phân, là đồng-nhất-thể vũ-trụ, với đặc-trung là " Thường, Lạc, Ngã, Tịnh " .

Nhưng dù thuộc hết tất cả các Kinh sách mà không có công-phu thực-hiện, tu-luyện, biến-hóa khí-chất đi thì tất cả trí-thức cũng vô ích. Đây là mục-đích của Kinh Lăng-Già (Lankavatāra Sutra) mà Bồ-Đề Đạt-Ma Đề Nhất Tổ Thiền Á-Đông đã trao lại cho Đề Nhị Tổ Huệ-Khả vậy. Triết-lý trong Kinh Lăng-Già là tinh-túy của Thiền-Tông đã được " Khởi Tín Luận " cố hệ-thống-hóa, vì cả hai Kinh đều dạy nghĩa Tạng-Thức (Garbha) như là thực-tại tối cao, cứu cánh. Ở người thường Tạng-Thức nhiễm-ố tham-dục cho nên không tỏ rõ ánh-sáng bản-nhiên, nhưng không phải vì thế mà không có Tạng-Thức bên trong. Khi cái vô-nhiễm-ố lột đi sạch thì tất cả chúng-sinh thành Phật và Chân-Như. Chân-Như không ở đâu nảy sinh ra, ngoài Tạng-Thức hay (Alayavijñāna) Trong đó lẫn-lộn cả chủng-tử Thiện và Ác mà nhà tu-sĩ bằng cách tự giới phải biện biệt ra chân và ngụy .

Tại sao Tạng Thức lại nhiễm ô với ý-niệm xấu và tham dục ? Ác là gì ? Ở đâu xuất-hiện và xuất-hiện cách nào trong thế-gian ? Làm cách nào để thực-hiện Chân-lý ? Tất cả những điều ấy đã được Kinh Lăng-Già giải-đáp bằng cả một hệ-thống Tâm-thức (Vijñānas) và bằng thuyết Phân-biệt Thức .

Tạng Thức do Như-Lai tạng chuyển biến ra. Thức này, theo " Khởi Tín " của Mã-Minh (Asvaghosha) thì vừa vọng vừa chân, tự nó không có hai thể, chỉ vì mê và ngộ nên hình như có hai dụng khác nhau : bất sinh diệt với sinh diệt hòa-hiệp mà không phải có hai tâm, khi tâm mê thì tính bất sinh diệt mờ đi, có tướng hiện ra thành Tạng Thức .

Theo Lăng-Già thì (Alaya - Vijñāna) Tạng Thức được quan-niệm về một phương-diện là thể tuyệt-đối, và một phương-diện khác là bị chuyển-lưu (Pravritti). Chính phương-diện lưu-chuyển của Alaya làm cho nó tự trôi theo, hay gây nên giải-thích mê-lầm của Thức thứ bảy là Mat-Na Thức (Manas). Chừng nào Alaya tự-tại thì nó vượt ra ngoài giới-hạn của ý-thức cá-nhân, nó hoàn-toàn " Không " tuy vẫn tồn-tại bên trong tất cả hoạt-động của (Vijñāna) Thức, vì Thức sẽ hết hoạt-động ngay lập tức, nếu rời khỏi Alaya .

Mat-Na-Thức ý-thức sự hiện-diện bên trong nó của Tạng-Thức và đồng thời ý-thức sự động-tác của nó vào toàn-bộ hệ-thống của Thức phản-chiếu và Alaya tưởng-tượng nó là một cái Ngã, cái Ta, Manas, bèn chấp vào nó như thực-tại và sử-dụng theo đây về báo-cáo của Lục-Thức. Tóm lại Manas là ý-chí cá-nhân muốn sống và là nguyên-lý của phân-biệt. Ý-niệm về Ngã-tính được thiết-lập ở đây, và cùng với sự có cái thế-giới phi-ngã bên ngoài và khác-biệt với nó. Mat-Na-Thức là con dao hai lưỡi, một lưỡi hướng về Alaya, một lưỡi quay ra Thức. Nó không biết Alaya tự thân là cái gì. Phân-biệt là tác-dụng căn-bản của nó, nó thấy thiên hình vạn tượng và chấp vào đây như là cứu-cánh, do đây mà nó lệ-thuộc vào một thế-giới đặc-thù : tham-dục là mẹ, mê-vọng là cha, thế-giới hiện-sinh này là con đẻ.

Nhưng khi nào Manas chuyển-hướng thì tất cả đều đổi khác, lưỡi dao hướng vào Alaya cắt đứt hết đa-thù và Alaya hiện ra ở tư-tượng bản-nhiên, tịch tĩnh pháp siêu lên trên trí-thức phân-biệt. Manas dĩ nhiên là không độc-lập, luôn luôn nó phải lệ-thuộc vào Alaya là lý-do tồn-tại của nó.

Nhưng Alaya đồng thời cũng phải lệ-thuộc vào Manas. Alaya là tuyệt-đối nhất-như, nhưng cái đồng-nhất-tính ấy chỉ có ý-nghĩa được khi nào Manas thực-hiện và nhận là cảnh của mình. Manas được Alaya nâng- đỡ đã là cơ-sở cho dục-tính, nghiệp-quả và vô-minh. Chúng-tử do chúng mà ra và được tiềm-tàng trong Alaya. Khi mặt biển Alaya có cơn gió khách-quan thổi vào làm nổi sóng thì chúng-tử tiếp liệu cho làn sóng bất đoạn của nước Thức. Chúng-sinh chìm đắm trong biển luân-hồi ấy, Alaya cũng như Manas đều có trách-nhiệm, bởi vì nếu Alaya từ-chối chúng-tử của cõi Vijñāna gửi vào thì Manas hết cơ-hội để thi-hành hai tác-dụng căn-bản của nó là ý-chí và phân-biệt. Nhưng cũng nhờ có Tự-Tính thanh-tĩnh của Alaya mà xảy ra có sự chuyển-hướng. Với sự hồi-hướng về Alaya, Manas mới kinh-nghiệm một biến-hóa về thái-độ đối với Vijñāna, khiến cho Vijñānas không còn được coi như tình-báo-viên về một ngoại-giới đa-thù độc-lập, mà chỉ còn là phản-chiếu của Alaya. Alaya tự ngấm mình trong tấm gương Manas. Thủy chung vẫn chỉ còn có Tự-Tính Alaya, "*Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức*".

Nhưng Alaya Vijñāna (A-Lại-Đa-Thức) của Du-Da (Yogācāra) khác với Alaya Thức của Lăng-Già Du-Da, quan-niệm Alaya Thức bản-niên thanh-tĩnh không chút nhiễm-ố, còn Lăng-già và Khởi-Tín lại coi Alaya như nguyên-lai của thanh-tĩnh và nhiễm-ố. Hơn nữa Du-Da chủ-trương Duy-Thức (Vijñātimatra) chứ không phải Duy-Tâm (Cittamatra) như Lăng-Già, Hoa-Nghiêm và Khởi-Tín. Theo Duy-Thức thì tất cả chỉ có Thức ý-niệm không có thực-tại gì bên trong chúng nữa. Nhưng Duy-Tâm chủ-trương chỉ có Tâm trong thế-giới và thế-giới là đối-tượng-hóa của Tâm. Một đằng thì thuần-túy Duy-Tâm, một đằng thì Thực-tại Duy-Tâm .

Mục-tiêu của Lăng-Già là thực-hiện cái nghĩa Duy-Tâm. Mục-tiêu ấy đạt được khi nào gạt bỏ được Phân-biệt-Thức, tới một đời sống tinh-thần không phân-biệt nữa. Phân-biệt-Thức thuộc về lý-trí, và kết-cục của giới-hạnh tín-ngưỡng tôn-giáo là vượt xa hơn lý-trí hay trí-thức. Lý-trí không đưa đến sự tự thực-hiện. Do đấy mới có biện-chứng-pháp "*Không*" (Sunyata) của Long-Thọ (Nagarjuna) để chứng-minh sự vô-hiệu của lý-luận trong đời sống tâm-linh thực-hiện. Bởi thế mà Lăng-già bắt tay với Madhyamika. Lăng-Già bảo ta rằng trí-thức chỉ đem lại cho ta Phân-biệt Thức (Vikalpa) và Lưỡng-luận (Dyaita) chứ không phải Thực-tại Tự-Tính. Toàn-thể thế-giới hiện-tượng lệ-thuộc vào bốn Phạm-trù tri-thức : Có, Không, Vừa có, Vừa không, Chẳng có, Chẳng không. Người ta phải

gắng sức thực-hiện Tự-Tính qua chỉ-quán hay thực-nghiệm tâm-linh biến-hóa khí-chất của Thiền. Ý-thức (Jñāna) có hai phương-diện :

1/_ Trí-thức hoạt-động trong vòng năng-tri và sở-tri lưỡng-tính .

2/_ Thực-nghiệm tâm-linh Bát-Nhã (prajña) để trực-giác tuyệt-đối vô-tướng, vô sắc, vô tạo, vô tác căn-nguyên của nhà :

*" Chú tính vô tự tính
Diệc phục vô ngôn thuyết
Thân thâm không không nghĩa
Ngu phu bất năng liễu
Nhất thiết tính tự tính
Ngôn thuyết pháp như ảnh
Tự giác thánh trí tử
Thực tế ngã sở thuyết ."*
_ (Lăng-Già Kinh, q.11)

Nghĩa là :

Các tính hiện-tượng không có tự-tính
Cũng lại không lấy lời để nói được
Rất sâu là nghĩa không không
Kẻ ngu không hiểu nổi
Hết thấy tính tự tính
Lời nói như ảo ảnh
Con thánh trí tự giác lấy
Đây là chỗ thực tế ta nói .

Thánh-trí (Aryajñāna) Kinh Lăng-già hay dùng thay cho Prajñā. Ở đây bảo phải vượt lên trên bình-diện ý-thức danh-lý trí-thức để vào thực-nghiệm thuần-túy của Thiền vậy. Bởi vì Chân-Như không phải đối-tượng của trí-thức phân-biệt trong văn-tự ngôn-ngữ, mà là " căn-nguyên của nhà ", chỉ phải " chuyển mê khải ngộ " mà thành. Sự chuyển mê khải ngộ ấy phải nhờ các bậc đã thực-nghiệm giác-ngộ như các vị Tổ Sư, ấn-chứng cho, như đánh thức người đang ngủ mê vậy .

46. Xem kinh Bụt thuyết còn xa
Nghiệm Cơ, Tổ bảo Sát-Na biết rồi

47. Ngộ-tính không-tịch thời thôi
Chẳng lạ gì lời vắn đáp tiêu hao
48. Cơ quan thuận nghịch thấp cao
Những sự ảo trí chiêm bao đặt làm
49. Dạy vì thuyết pháp chỉ nam
Cho ta ngộ đạo, say đàm kinh lâu
50. Cho hay Phật pháp lẽ màu
Bất khai văn tự, bất cầu đa ngôn
51. Khuyên người học đạo trí khôn
Giác tri tự-tính, chớ còn tìm đâu
52. Phật Tổ phó chúc trước sau
Pháp ấn như thị lâu lâu chân không
53. Cùng truyền Bát-Nhã tâm tông
" Ngộ vô sở đắc " thực dòng chân tăng .

Sắc-thái đặc-biệt của Phật-giáo trong hàng tôn-giáo và triết-học vĩ-đại của thế-giới là cái tinh-thần thực-nghiệm của nó. Đây là sinh-lực của nó để còn là một năng-lực tinh-thần chân thật, xác-thiết trong đời sống của chúng ta ngày nay. Cái thực-nghiệm mà nó lấy làm trọng-tâm ấy là thực-nghiệm trực-tiếp đi thẳng vào lòng người không qua trung-gian nào hết, gạt hết tất cả cái gì có thể làm cho ta sao-lãng mất điều thiết-yếu căn-bản trong các phương-diện sinh-tồn. Chính vì sự sao-lãng ấy mà chúng ta đã mắc vào cái lưới suy-luận hão-huyền, biện-thuyết danh-từ ngôn-ngữ suông không thiết-yếu cho ý-nghĩa thực-tế của nhân-sinh. Bởi thế mà ngay trong nội-dung của " Luận Tạng " (Abhidharma) người ta thấy là cả một phân-tích tỉ-mỉ về toàn-thể ý-thức lần đầu tiên trong lịch-sử tư-tưởng nhân-loại. Sự phân-tích triệt-để và hết sức thực-tiến không có chút pha-trộn siêu-hình hay thần-thoại. Ở đây chúng ta đã có một phương-pháp khiến cho cái kho sự-kiện lớn lao trong ý-thức được tác-dụng khai-phóng của tri-thức sử-dụng. Đây là giáo-lý Phật mà là nhiệm-vụ cốt-yếu và là giá-trị cao cả của hiểu-biết chân-tri. Cho nên nhà Thiền-Sur Thông-Biện đời Lý đã đáp câu hỏi về Phật của Hoàng-Hậu là :

" Thả Phật giả giác dã. Thử giác bản lại trạm nhiên thường trụ "
(Phật là Giác vậy. Cái Giác ấy vốn vẫn yên-lặng, thâm-trầm không biến-đổi thường-trụ) .

Đây chính là quan-điểm truyền-thống của Thiên-Tông, bắt đầu từ Đức Phật Thích-Ca xuống Tổ Huệ-Năng .

94. Thiệu Phật, kế Tổ truyền đăng
Tương thừa y bát Huệ-Năng vô cùng
95. Ấy sự chư Tổ truyền lòng
Những toan lại nói Nam-cung những là .

Huệ-Năng được kể đầu tiên ở đây là vì chính trong truyền sử Thiên, kể từ (Boddhidharma) Bồ-Đề-Đạt-Ma ở Ấn-Độ sang Quảng-Châu vào năm 528, truyền phép tu " Quán Bích " (ngắm nhìn tường) cho Huệ-Khả là Tổ Thiên Trung-Hoa thứ II, đến Tăng-Xán là Tổ thứ III, đến Đạo-Tín là Tổ thứ IV, đến Hoàng-Nhẫn là Tổ thứ V, cho đến Huệ-Năng là Tổ thứ VI và cũng là Tổ cuối cùng được truyền đạo với dấu-hiệu Y-Bát (Áo và Bát) làm hình-thức tượng-trung cho dòng Thiên. Nhưng Huệ-Năng mới thực là Tổ Thiên vì sắc-thái văn-hóa Lĩnh-Nam là khuynh-hướng trực-giác tâm-linh, không còn vương vís trí-thức suy-luận của đạo-học phương Bắc như Thần-Tú, theo tinh-thần của hai bài kệ ấn-chứng sau đây :

Tổ Hoàng-Nhẫn vốn có nhiều học-trò, khi sắp viên-tịch muốn tìm trong số lấy người xuất-sắc để thừa-kế đạo thống. Tổ bảo mỗi người trình một bài thơ kệ để ấn-chứng. Bấy giờ cao-đệ trong hàng đệ-tử có Thần-Tú trình bài kệ rằng :

*" Thân thị Bồ-Đề thụ
Tâm như minh kính đài
Thời thời cần phát thức
Vật sử nhạ trần ai "*

(Thân người là cây Bồ-Đề trực-giác Chân-Như
Tâm-thức ví như đài gương sáng
Luôn luôn phải chăm chỉ lau chùi
Chớ để cho nó bị phủ bởi bụi đời).

Huệ-Năng bấy giờ còn trong hàng đệ-tử cần-lao gánh nước, giã gạo, thấy bài kệ không vừa lòng, mới trình lên bài kệ sau đây :

" *Bồ-Đề bản vô thụ*
Mình kính diệc chi đài
Bản lai vô nhất vật
Hà xứ nhạ trần ai ? "

(Bồ-Đề vốn không phải có cây
Gương sáng cũng không có đài
Nguyên lai không có vật nào hết
Ở đâu mà bụi trần bám vào được ?)

Trên đây là hai quan-điểm vũ-trụ chông-đôi nhau rõ rệt, quan-điểm trí-thức lưỡng-nguyên Tâm và Vật, có Năng và Sở đối đãi nhau, và quan-điểm nhất-nguyên tâm-linh hay nói đúng hơn là quan-điểm " Bất-Nhị-Pháp " vượt lên trên hai biên, Có và Không, Năng và Sở, đến cái ý-thức trực-giác toàn-diện hợp-nhất Năng Sở của Thiên thuần-túy, chân-chính, vì Thiên chỉ là thực-hiện Tâm-Tông Bát-Nhã .

" Ngộ vô sở đắc thực dòng chân tăng ". Và dòng " chân tăng " Thiên-Tông là sản-phẩm của điều-kiện địa-lý Lĩnh-Nam, Giao-Chỉ, nơi giao-lưu các khuynh-hướng tín-ngưỡng máu-thuần, xung-đột, đòi phải vượt lên trên các hệ-thống lý-thuyết, bởi thế nên Huệ-Năng đặt cơ-sở khởi-điểm cho Thiên-Tông từ " *Bản lai vô nhất vật* " (khởi kỳ thủy chưa có cái gì gọi là tâm ta và ngoại-vật). Hễ trong tinh-thần nổi hiện có ý-niệm thì bắt đầu mới có hình danh sắc tướng để tự phân-biệt cái Ta (Le moi) với cái không phải Ta (Le non moi, le monde), cái tâm " Bồ-Đề Bát-Nhã " mới nổi-hiện ra có đối-tượng để tri-giác như cái " cây " và " đài gương sáng ". Kỳ thực ở tại nguồn, chưa phát-động thì chỉ là ở tại trong cái " *trung* " " *Vị phát vi chi trung* " tức là cái trạng-thái " *vô niệm* " của Huệ-Năng, mà Chân-Nguyên bảo là :

47. Ngộ tính không tịch thời thôi !

Cái " *Ngộ tính không tịch* " ấy là một kinh-nghiem thuần-túy (pure expérience) chẳng phải triết-học trí-thức danh-lý. Do đây mà Thiên-học bắt đầu ở phương Nam Á-Đông, và ở Việt-Nam Trần-Thái-Tông lấy Huệ-Năng làm Tổ Thiên-Tông của Ngài .

THIÊN-TÔNG TRÚC-LÂM AN-TỬ

VỚI TRẦN-THÁI-TÔNG

(1225 - 1277)

56. Chư Tổ truyền đến nước ta
Thiên-Tông Nam Chi, phép ra lời này
57. Trước kẻ Trần triều cho hay
Đế-Vương học đạo là Trần-Thái-Tông
58. Trị-vì thiên hạ Tây, Đông
Vạn dân phú-quý, no lòng âu ca
59. Thái-Tông trị vì quốc-gia
Lòng muốn tu đạo để hòa độ thân
60. Bề trên báo được tứ ân
Bề dưới thời khỏi trăm luân tam đồ
61. Thân tuy còn ở thành đô
Lòng đã tưởng chùa non vắng am mây
62. Lòng Vua lưỡng lự đêm ngày
Hai mươi sáu tuổi hầu hay chức nào
63. Sinh, lão, bệnh, tử thương sao
Tuổi già lập cập nan ngoài tử sinh
64. Tháng ngày bằng chớp loáng mình
Thân người ảo-hóa nhiều hành khá thương
65. Thế tình tham những giàu sang
Đắm say nào biết suối vàng Phương đô
66. Tam hoàng, Ngũ đế đời xưa
Lửa lần thay đổi biết qua mấy đời
67. Cũng nhờ uy phúc ơn trời
Thịnh suy, bỉ thái vãng lai sa bà
68. Chí thân mạc đại chi gia
Tình thâm phụ mẫu, cùng là đệ huynh
69. Phụ thê nghĩa cả chí tình
Đến khi số hết một mình Diêm la
70. Cũng như bọt nước giòng suối
Đèn soi mặt nước, ai ai cũng vầy

71. Chẳng ai thấy được đâu là
Ruộng nương lại để người ta ăn rồi
72. Thân người ảo hóa bao chầy
Như bằng chớp mắt năm ngày chiêm bao
73. Tử sinh chẳng biết khi nào
Phát phơ đèn gió, người nào biết hay
74. Ai khôn ngộ tính chớ chầy
Lo liệu thân này độ lấy thân sau
75. Chớ còn bịn rịn hòa lâu
Quyết học đạo mau phát túc siêu phương .

Trên đây Chân-Nguyên chỉ nói lịch-sử Thiền-Tông dòng Trúc-Lâm An-Tử, mới bắt đầu ở nước ta từ đời Trần-Thái-Tông, chứ không phải Thiền-Tông truyền đến nước ta bắt đầu từ đời Trần-Thái-Tông. Theo sử sách chính sử Phật-giáo Việt-Nam như Thông-Biện đã trình-bày rất chính-xác ở " Thiền-Uyển Truyền Đăng Tập Lục " thì Giáo-tông (Agama) bắt đầu với Mâu-Bác cuối thế-kỷ II CN., rồi đến thế-kỷ VI có Tổ Thiền ở Ấn-Độ sang là (Vinitaruci) Tì-Ni-Đà-Lưu-Chi kế đó là Tổ Thiền-Tông thứ hai, là Vô-Ngôn-Thông từ Quảng-Châu sang vào thế-kỷ thứ VIII. Hai dòng Thiền trên đây đã hợp-sáng vào một dòng Thiền đặc-biệt Việt-Nam là dòng Thảo-Đường đầu thời Lý (1054) do Lý-Thánh-Tông sáng-lập, còn chùa Một-Cột ở Hà-Nội ngày nay, chứng-minh cho tinh-thần của Tông-phái ấy .

Ở đây Chân-Nguyên chuyên nói về dòng Thiền Việt-Nam thời Trần là Trúc-Lâm Yên-Tử , bắt đầu từ Trần-Thái-Tông là vị Vua đầu tiên đã hướng về núi Yên-Tử để xuất-gia tìm Phật. Nhưng Hòa-Thượng Chân-Nguyên ở đây chỉ nói về lý-do hình-thức phổ-thông khiến người ta nên tu Phật, như để tránh đau khổ của luân-hồi, để liễu sinh tử, để giải-quyết cái lẽ vô-thường của sinh-tồn v.v... chứ không đề-cập đến cái nguyên-do tâm-lý thâm-trầm của sự tìm cầu giải-thoát ở trường-hợp đặc-biệt của Trần-Thái-Tông .

Chính-sử chép :

" Đinh-Dậu, năm thứ sáu (1237) tháng Giêng, mùa Xuân lập vợ Hoài-Vương là Lý-Thị làm Hoàng-Hậu, phế Chiêu-Thánh hoàng-Hậu làm Công-chúa .

" Lúc ấy Chiêu-Thánh chưa có con, mà Lý-Thị đã có mang được ba tháng. Thủ-Độ cùng Thiên-Cực Công-chúa bày mưu riêng với nhà Vua nên nhận liêu lấy để có nối dõi về sau, vì thế mới đem Lý-Thị vào ở trong cung. Trần-Liễu tức-giận, tụ-tập nhiều người ở sông cái, nổi loạn. Nhà Vua lấy làm áy-náy không yên lòng, đêm lên sang núi Yên-Tử, vào ở nhà thờ Phật của Phù-Vân Quốc-sư (vừa là Thầy vừa là bạn cũ). Ngày hôm sau Thủ-Độ đem bày tội đền đón xa giá về kinh. Nhà Vua nói : “ Trẫm hãy còn thơ-ấu chưa đảm đang được việc trọng-đại, Vua cha (Trần-Thừa) lại vội từ-trần, thành ra trẫm sớm mất người nương-tựa, không dám để nhờ-nhuộc đến xã-tắc . ”

" Thủ-Độ cố mời, nhưng Vua vẫn chưa nhận lời. Thủ-Độ ra bảo với mọi người rằng : “ Xa-giá Vua ở đâu tức là triều-đình ở đây ”. Nói rồi liền cấm nơi chằng dây chia thành hàng-ngũ ở trong núi, phỏng theo kích-thước cung-điện ở kinh-thành, bắt thợ xây-dựng. Quốc-sư thấy thế, xin với nhà Vua rằng : “ Bệ-hạ nên sớm quay loan-giá về kinh-thành, không nên để họ làm hại đến núi rừng của đệ-tử này ”. Bấy giờ nhà Vua mới trở về kinh-thành. Trần-Liễu ở ngoài biển được hai tuần, tự biết việc mình làm không thể thành-công được, nhân khi nhà Vua ra chơi thuyền ngoài sông. Liễu giả dạng làm người đánh cá, lên đi thuyền độc mộc đến thuyền nhà Vua xin hàng, nhà Vua cùng Liễu đối-diện nhau mà khóc. Thủ-Độ nghe tin đến thẳng thuyền nhà Vua, tuốt gươm quát lên rằng : “ Giết thẳng giặc Liễu ”. Nhà Vua thấy thế vội-vàng đẩy Trần-Liễu ẩn vào trong thuyền, rồi bảo Thủ-Độ rằng : “ Phụng Kiêu Vương đến xin đầu-hàng đây ”. Miệng nói, nhưng lấy mình đỡ cho Trần-Liễu. Thủ-Độ giận lắm, vút gươm xuống sông, nói rằng : “ Tao thật là con chó săn, biết đâu anh em mày hòa-thuận với nhau hay trái ý nhau ”. Nhà Vua đứng ra hòa-giải, dụ dỗ Trần-Liễu phải bãi binh, rồi lấy đất An-Phụ, An-Dưỡng, An-Sinh và An-Bang cho Liễu để thu thuế làm bổng lộc, lại nhân tên đất đã cho ấy, phong cho Trần-Liễu làm An-Sinh-Vương, còn những người theo Trần-Liễu khởi loạn ở sông Cái đều bị giết " _ (Việt-Sử Cương-Mục . Ch. VI, 17)

Và lời châu phê của Vua Tự-Đức rằng :

" Phong-hóa nhà Trần không nghiêm-chỉnh, lại tệ hơn phong-hóa nhà Đường ở Trung-Quốc. Nhưng bấy giờ Thái-Tông hãy còn thơ-ấu, mà Thủ-Độ là người rất ngoan-cổ, phạm việc gì cũng do hấn chỉ sử, Thái-Tông

không theo cũng không được. Thế mà sử-thần cứ chỉ-trích riêng Thái-Tông, như thế chưa phải là lời phê-phán công-bằng. Và lại, lúc mới khai-quốc, Vua còn thơ-ấu, lòng người còn nghi-ngờ, Thủ-Độ lại vốn là người không biết chữ, thế mà một mình kinh-doanh, dựng lên được nghiệp lớn, thì thực là cương-quyết, hiêm giảo, xưa nay ít có mấy người. Có lẽ vì lòng trời giúp ngầm nhà Trần mà được như thế chăng ? "

Đây là hoàn-cảnh lịch-sử đã đưa đến thái-độ quyết-liệt của Trần-Thái-Tông, bỏ ngôi báu như " trút đôi dép nát " để trốn vào rừng núi, tìm giải-thoát với Thiền-sư Phù-Vân ở Yên-Tử. Cái thái-độ ấy là " *Đế nội bất tự an* " (Vua trong lòng tự thấy mất quân-bình) _ (Toàn-Thư). Đây là khởi-điểm Thiền-học của nhà Vua, căn cứ vào thực-nghiệm trực-tiếp về vấn-đề sinh-tồn mà không một suy-luận nào có thể dẫn đến được. Cái gì nó phải được thực-nghiệm tại bên trong nội-tâm ta, riêng ta biết, mình ta hay, hay trước khi dùng đến lý-trí để biết. Nhà Vua tự thấy mất quân-bình trong tinh-thần, thấy đau đớn, lo sợ, phải tìm dựng lại một thế quân-bình mới, khác cho tâm-hồn .

76. Thừa ấy Thiên-Ứng Đại Tường
Chính bình ngũ tái, thụ quang đượm nhuận
77. Tứ tuyệt vừa năm Bính-Thân
Mồng một tháng tư, rồi xuân sang hè
78. Hơi mát hầu ban Tí thì
Vua phán tả hữu một khi lời này
79. Lòng Trẫm thương thiên-hạ thay
Phú quý bần bạc chẳng hay đường
80. Thị tông bay đi cùng tao
Thăm xem dân thế đường nào cho hay
81. Thiên hạ đói rách thương thay
Thấy no phú quý Trẫm nay mừng lòng
82. Bảy người tả hữu đi cùng
Sang đò Đông khứ, tắt mong tìm ngàn
83. Ngày sau đến đò Bán-Than
Lộ người hay mặt " Nha quan " thừa này
84. Tay áo che mặt bằng nay
Sang đò cho khỏi vắng rầy lại đi
85. Non cao rừng quạnh sơn khê
Đường đi hiểm trở nhiều bề thiệt thay

86. Lòng thực Trầm bảo chúng bay
Trầm đi tu đạo, chúng bay trở về
87. Bảy người lăn khóc ngã kề
Vua để thiên hạ, sầu bi đoạn trường
88. Ngày ấy, tôi phải giữa đường
Vào nằm Tăng giác chùa làng một đêm
89. Hỏi thăm đường lên Hoa-Yên
Dốc lòng tìm Bụt chẳng phiền đường xa
90. Non cao, rừng quạnh, dã hoa
Sơn trùng vạn điệp, quốc gia đề ngòi
91. Ngựa nhọc đi chẳng tới nơi
Lòng lo bắt lại, hầu ngòi lại đi
92. Vào đến Long-Động một khi
Coi thấy khí tượng, lòng thì đã vui
93. Tuyên khê suối mắt tắm ngòi
Hiệu là Cốc đổ nước trôi dưng dưng
94. Trông thấy cửa ngang lạ xong
Hai núi giao lại ngăn lòng thế-gian
95. Đồ như thạch bích, tam quan
Dù ai đến đây giải oan mới vào
96. Trong cửa thạch tượng lạ bao
Có voi là đá uy hào linh thiêng
97. Chông ngự ngoại đạo tai ương
Hộ người có đức đôi phương được lành
98. Lại đi một dặm ngàn xanh
Đến Tiết-Dương suối nước thanh lâu lâu
99. Trăm đường phiền não chẳng âu
Tắm qua nước ấy đã hầu khinh thân
100. Leo lên đồ kiệu hầu gần
Mùi hương phức phức, phàm trần đã không
101. Rườm rà hàng trúc hàng thông
Thế-gian đến đây thời lòng đã thanh
102. Suối đàn, tiếng nhạc đình đình
Chim kêu vượn hót đã thanh lòng Thiên
103. Bước lên đến chùa Hoa Yên
Bốn bề cảnh giới, động Tiên khác thường
104. Trăm hoa đua nở mùi hương
Lòng Vua đến đây một đường vui thay .

Trên đây là tả cảnh An-Tử theo hành-trình vất vả của Vua Trần-Thái-Tông, là vị Vua đầu tiên đã mở đường chuyển hướng cho một học-phái Thiên-Tông Việt-Nam thứ hai, là phái Trúc-Lâm An-Tử. Cảnh thiên-nhiên lạ kỳ, vừa hùng-vĩ, vừa huyền-diệu của núi An-Tử này, vốn là một kỳ-quan lại có thêm danh-nhân lịch-sử làm cho nổi-tiếng .

" Sơn bất tại cao, hữu nhân tắc linh "

(Núi không vì cao, có người thì linh-thiên)

105. Trúc-Lâm Viên-Chứng là Thầy
Ra mừng Hoàng-Đế nói bầy Thiên-gia
106. Thiên Tăng khổ-hạnh chiến già
Cơm ăn dưa muối dù là đói no
107. Mình gầy, cật vận áo hồ
Lòng bằng mây nước chẳng lo điều gì
108. Vua làm Hoàng-Đế trị-vì
Điện rồng, gác phượng xem thì nhiều thay
109. Cung phi, mỹ nữ châu bầy
Trà thang, ngọc thực đêm ngày xướng ca
110. Ngai vàng ngồi ngự trên hoa
Man di, Lào lẽ gần xa phục rầy
111. Sơn lâm đường hiểm dường này
Vua tìm vào đến chẳng hay sự gì ?
112. Nay Vua giận ai mà đi
Ắt là có sự vậy thì chẳng nhưng .

Trên đây là Thiên-sư Viên-Chứng, danh-hiệu khác là Quốc-sư Phù-Vân, phân biệt hai thái-độ sinh-tồn, cũng là hai trạng-thái tâm-lý hiện-sinh cực-đoan của hạng xuất-thế và nhập-thế tức là nội-hướng (introverti) và ngoại-hướng (extraverti). Thái-độ xuất-thế vốn tập-trung tất cả sự chú-ý vào bên trong, không cho thế-giới hiện-tượng là có thật để tìm đến cái thực-tại vĩnh-cửu, tồn-tại không biến-đổi, không lệ-thuộc. Thái-độ nhập-thế lại đem hết sức chú-ý vào thế-giới hiện ra trước mắt, cho tự nó có giá-trị đáng sống. Hai thái-độ ấy cũng đại-biểu cho hai khuynh-hướng văn-hóa nhân-loại, là khuynh-hướng xã-hội nhân-nghĩa, ước lệ, với khuynh-hướng thiên-nhiên khai-phóng tự-do, như Trang-Tử bên Trung-Hoa thời xưa đã sớm phân-biệt : " Trâu ngựa bốn chân là thiên-nhiên. Buộc đầu ngựa xỏ mũi trâu là nhân-sinh " _ (trong Thu-Thủy). Ở mỗi người chúng ta, bản-

lai vẫn có hai con người, là con người thiên-nhiên với con người xã-hội, tự-do và liên-hệ thường xung-đột với nhau, như trường-hợp Trần-Thái-Tông bỏ cung-điện để tìm vào rừng núi .

113. Vua thấy Thày nói mở lòng
Hai hàng nước mắt rờn rờn nhỏ sa
114. Trẫm làm Hoàng-Đế quốc-gia
Kim ngân châu báu đồ đa thiếu gì
115. Lòng Trẫm thấy của màng chi
Thân người ảo-hóa được thì bao lâu
116. Lại lo phụ mẫu trước sau
Đạo thâm đức hậu lấy hầu báo ân
117. Nay Trẫm tìm vào lâm sâu
Tu cầu tìm Bụt chẳng toan sự nào
118. Thày thấy Vua thuyết cảm sao
Thiền-Tông chỉ bảo thấp cao sự lòng
119. Sơn vốn vô Phật làm xong
Phật ở trong lòng, Bụt tại mô tâm
120. Hiện ra nhõn, nhĩ, thanh âm
Tứ mục tương cố chẳng tâm thời gì
121. Tâm nguyên không tịch, vô vi
Ngộ được tức thì quả chứng Như-Lai
122. Tính ta chẳng phải cầu ai
Gia trung tàng bảo muôn đời sáng soi .

Trên đây nhà Sư Phật đã đưa ra cho nhà Vua, đang ở trong tâm-trạng bối-rối, xung-đột giữa hai con người, con người xã-hội bị bó buộc vào bốn-phận nhân-sinh, với con người thiên-nhiên đòi tự-do giải-thoát, một biện-pháp để giải-quyết vấn-đề cho chính-xác, ấy là biện-pháp tâm-lý khai-phóng toàn-diện để trở về nguồn-gốc của hai khuynh-hướng xung-đột trên. Tự-do và bốn-phận, thiên-nhiên và xã-hội, chân-lý và luân-lý. Tri và Hành đều bắt-nguồn từ bản-tính ấy, chính là " *Bản-lai diện mục* " của mình chẳng ở đâu xa, mà chính ở tại nơi bản-thể của mình. Vì Thiền-học là thực-nghiệm toàn-thể cho sự sống ở trạng-thái thức, cũng như trạng-thái mộng và trạng-thái ngủ-say. Cái thực-nghiệm ấy cho ta biết ở trạng-thái ngủ-say tinh-thần vẫn hoạt-động, nguồn sống vẫn tồn-tại, nhưng chưa có cái chi gọi là ta và vật cả, do đấy mà chưa có sự xung-đột giữa khuynh-hướng này với khuynh-hướng kia. Đây là cái Trung của Tính chưa phát-

động ra các động-tác mừng, giận, thương, vui, cho nên còn hồn-nhiên thuần-nhất. Đây là " *Tâm nguyên không tịch vô vi. Ngộ được tức thì quả chứng Như-Lai* ". Vì Như-Lai là thực-tại toàn-diện của sự sống, là thực-tại tuyệt-đối bất khả tư nghị, cũng chính là tâm nguyên bản-lai chưa có ý-niệm, cho nên cũng chưa có vật. Tâm nguyên cá-nhân cùng với thực-tại tuyệt-đối cùng một thể, là cơ-bản chung cho thế-giới sự-vật, chúng-sinh và tinh-thần chỉ phải thuần-túy kinh-nghiệm mà biết. Cái ấy có thật, là Phật tính, là Thiên-mệnh chi vị tính, là nguồn sống sinh sinh, trước khi là sự sống của cái này, cái kia, của mình và người. Đây là cái tín-ngưỡng truyền-thông Đông-phương " *Vạn vật đồng nhất thể* " mà Thiền-sư Không-Lộ, Từ-Đạo-Hạnh thời Lý đã mô-tả khúc-triết và bóng-bẩy linh-động :

*" Tác hữu sa trần hữu
Vi không vạn pháp không
Hữu không như thủy nguyệt
Vật trước hữu không không "*

Dịch :
(Có thì có tự mảy may
Không thì cả thế gian này đều không
Có Không bóng nguyệt lòng sông
Xin ai chớ bảo Có Không mơ hồ) .

Hình-ảnh Thủy Nguyệt hay là Trăng Nước là biểu-thị điển-hình của triết-lý Thiền, vì Thiền là thực-nghiệm cái thực-tại Một mà Nhiều. " *Đồng qui nhi thù đồ* " (L'Unité dans la Diversité) ví như một vàng trắng biến thành vô số bóng trắng dưới các làn nước khác nhau vậy. Chính cái thực-tính vừa siêu-nhiên vừa nội-tại (transcendant immanent) nhìn ở quan-điểm bất-biến, thì nó là Niết-bàn, nhìn ở quan-điểm biến-hóa thì nó là Luân-hồi, cho nên Luân-hồi cũng là Niết-bàn, Niết-bàn cũng là Luân-hồi, hai phương-diện của một tự-tính mà ở mỗi người vốn sẵn có, nhưng bị mê-vọng che lấp, cho nên bảo là : " *Gia trung tàng bảo muôn đời sáng soi* "

Nhờ cái Tính-sáng có sẵn nơi mình, nên không phải tìm ánh-sáng ở đâu bên ngoài, mà chỉ phải tự tỉnh như người đang ngủ bừng tỉnh dậy, lấy " *Tâm quan tâm* " như mắt lại nhìn vào mắt " *Tứ mục tương cố, chẳng tâm là gì* ". Tâm tự quan tâm đến chừng nào " *chuyển mê khai ngộ* ", bấy

giờ năng-tri với sở-tri, người cầu biết với vật để biết cùng với cái biết nhất-quán viên thông, tròn đầy một thể tuyệt-đối không còn hai vật nữa vậy. Đây là biến-hóa khí-chất vào cái tâm vô-niệm, vô tâm, tức là đạt đạo, tức là giải-thoát, hết xung-đột giữa bên lý với bên tình, tự-do với bốn-phận, thiên-nhiên với xã-hội, chân-lý với luân-lý ...

123. Thời vừa thiên hạ tìm tòi
Trần-công Thái-tể thương ôi những là
124. Lệnh rao khắp hết gần xa
Tìm dò dấu ngựa khắp Hòa Đông, Tây
125. Sang khó già trẻ thừa này
Cùng tìm Hoàng-Đế đêm ngày tân toan
126. Tìm lên đến An-Tử Sơn
Thấy Vua tụng niệm thiên ban lòng sâu
127. Lão Thần quỳ lạy trước sau
Vua đi tu đạo tôi hầu làm sao ?
128. Triều-đình Tả, Hữu cùng vào
Trần-công thống-thiết thấp cao mọi lòng
129. Chúng tôi phò lập quốc trung
Thiên hạ phú quý, Tây, Đông an nhàn
130. Bằng nay Vua để nhà quan
Hòa đi tu đạo dân gian cực sâu
131. Nguyên Vua nạp ngôn tôi tâu
Sá về trị nước già hầu sẽ hay
132. Lòng Vua chẳng toan về rầy
Thiên hạ cùng thác, ở đây chẳng về
133. Vua thấy thiên hạ sâu bi
Lòng lo thăm thiết một khi trình Thày
134. Thiên hạ rước Trẫm về đây
Lòng muốn tu đạo nguyên Thày dạy sao ?
135. Ròng rọc nước mắt nhuốm sa
Một là tiếc đạo, hai là thương dân
136. Thừa ấy Thiền-sư Trúc-Lâm
Thấy Vua thuyết vậy bội phần khá thương
137. Trí khôn tâu động, Thánh hoàng
Được lòng thiên hạ mới lòng rằng bi .

" Phàm vi nhân quan giả dĩ thiên hạ chi tâm vi tâm, dĩ thiên hạ chi dục vi dục. Kim thiên hạ dục nghinh, nguyện bệ hạ quy chi.

" Nhiên nội điển chi cứu vô vong tu tâm luyện tính nhĩ ."

(Ôi, làm người Vua lấy tâm thiên-hạ làm tâm, lấy ý-muốn thiên hạ làm ý muốn. Nay thiên-hạ muốn rước đón, xin Bệ-Hạ về đi.

(Nhưng vấn-đề nghiên-cứu giáo-lý tâm-linh Phật không nên quên sửa lòng, luyện tính vậy) .

_ (" Thiền Tông Chỉ Nam Tự " - Trần-Thái-Tông)

Trên đây Hòa-Thượng Chân-Nguyên Chính-Giác kể lại đúng như nội-dung bài " Thiền-Tông Chỉ-Nam Tự " của Vua Trần Thái-Tông. Bài này là một bài áng văn sáng-sủa thành-thật, toát-yếu được biện-chứng Thiền-học của phái Trúc-Lâm Yên-Tử, nên cũng dẫn nguyên-văn sau đây :

Phiên-Âm :

Thiền-Tông Chỉ Nam Tự

" Trẫm văn (thiết vị) Phật vô Nam, Bắc quân khả tu cầu, tính hữu trí ngu, đồng tư giác ngộ. Thị dĩ dụ quần mê chi phương tiện minh kinh sử chi tiếp kính giả, ngã Phật chi đại giáo dã.

" Nhậm thùý thể chi quyền hành, tác tương lai chi quy phạm giả, Tiên Thánh chi trọng trách dã. Cố Lục-Tổ hữu ngôn vấn : ' Tiên Đại Thánh nhân dĩ đại sư vô biệt '. Tắc chi ngã Phật chi giáo hựu giả Tiên Thánh nhân dĩ truyền ử thể dã. Kim Trẫm yên khả bất dĩ Tiên Thánh chi nhậm vi kỷ chi nhậm, ngã Phật chi giáo vi kỷ chi giáo tại .

" Thả Trẫm ử hai đồng hữu thức chi niên, sao văn Thiên-sư chi huấn, tắc chùng tư tức lực, khái nhiên thanh tịnh, hữu tâm hộ nội giáo tham cứu hồ Thiền-Tông, hư kỷ câu Sư, tính thành mộ đạo. Tuy hồi hướng chi ý dĩ mạnh nhị xúc cảm, chi cơ vị đạt. Phủ thập lục tuế, Thái-Hậu yếm thể, Trẫm tâm niệm châm thổ, khắp huyết trùy tâm, ưu khổ chi dư, vị hoàng tha vụ. Cận sở niên gian, Thái-Tổ Hoàng-Đế, kế nhĩ án giá. Bôi quyền chi mộ vị di, sáng cự chi tâm dĩ thiết. Thê thê, tủng tủng, nam thích quyền hoài. Niệm phụ mẫu chi ư tử giả, phủ ma cục dục, mỹ sở bất chí, phán cốt toái thân do vị tức dĩ báo kỳ vạn nhất dã. Huống Trẫm khảo Thái-Tổ Hoàng-

Đế. Khai cơ sáng nghiệp chi gian nan, kinh bang tế thế chi vu trọng, dĩ đại chí thụ dư ấu xung, túc dạ cang cang, bất hoàn khả xứ .

" Tự tú vị viết : Thượng ký vô phụ mẫu chi khả ý, hạ khủng bất túc phó kiểm lê chi thực vọng : Nại hà ?

" Tầm nhi tú chi : Bất như thoái xử sơn lâm, bàng cầu Phật giáo, dĩ minh sinh tử chi đại sự, hữu dĩ báo cù lao chi đức, bất diệt mỹ tai !

" U thị, Trẫm chí toại quyết. Thiên Ứng Chính Bình ngũ niên, thực Bính Thân tự nguyệt tam dạ, nhân vị phục xuất cung môn, vị tả hữu viết :

" Trẫm dục xuất du, tiếm thánh dân ngôn, dĩ quan dân chí, thứ tri sự chi gian nan ". Thời tòng Trẫm tả hữu bất quá bất nhân, thị dạ hội khác, dĩ đan kỵ nặc nhi hành, độ giang đông khứ, nãi di kỳ tình cao vu tả hữu. Tả hữu ngạc nhiên cử giai thê khắp. Dục nhật nảo thời đảo Đại-Thần Phả-Lại sơn độ. Khủng nhân tri chí, dĩ y mông diện nhi độ giang. Kinh sơn nhi hành, cập bờ, nhập túc vu Giác hạnh tăng tự, đãi đán nhi khứ. Gian quan bạt thiệp, sơn hiểm tuyền thâm, mã bì nhi bất năng tiếu. Trẫm nãi khí mã phàn nhai nhi hành. Mùi thì phương đảo An-Tử a Minh đán trực thượng sơn đỉnh, tham kiến Quốc-sư Trúc-Lâm Đại Sa-môn. Sư nhất kiến hân nhiên, thung dung vị Trẫm viết :

" _ " Lão Tăng cứu cư sơn dã, cốt cương mạo tuy, cam đồ như tượng, tuyền âm lâm du, tâm nhược phù âm, tùy phong đảo thử. Kim Bệ Hạ khí nhân chủ chí thế, tú lâm dã chi tiện, quả hà sở yêu nhi đảo tú da ? "

" Trẫm văn kỳ ngôn, song lệ tự hạ, nhân cáo chi viết :

" _ " Trẫm phương ấu-trĩ, kịch táng song thân, cô lập sĩ dân chi thượng, vô sở ỷ phụ phục tú tiên đại Đế-Vương sự nghiệp, hưng phế bất thường, cố nhập thủy sơn duy cầu tác Phật, bất cầu tha vật ! "

" Sư viết : _ " Sơn bản vô Phật, duy tồn hồ tâm, tâm tịch nhi tri, thị danh chân Phật. Kim Bệ-hạ nhược ngộ thử tâm tác lập địa thành Phật, vô khổ ngoại cầu dã ! "

" Thời thúc phụ Trần-Công nãi tiên quân thác cô chi tòng đệ dã. Tiên quân khí thế quân thần chi hậu, Trẫm mệnh vi Thái-sư văn Trẫm khứ phân

mệnh tả hữu, biến câu triệt tích, toại dữ quốc nhân tâm đảo thử sơn, dữ Trầm tương ngộ, hưng ngôn thống viết :

" _ " Thần phụ tiên quân cố thác, phụng Bệ-hạ vi dân thần chi chủ dân chi sở dĩ hể đài ư Bệ-hạ giả, diệc do xích tử chi mộ phụ mẫu dã. Huống kim triều đình cố lão, vô phi thân thuộc chi thần, lê nguyên sĩ thứ tận thị duyệt phục chi chúng, chi ư tam xích chi đồng giai chi Bệ-hạ tác dẫu phụ mẫu hỹ. Thả Thái-Tổ sả thần nhi khứ, nhất bôi chi thổ vị càn, di nhĩ chi ngôn do tại nhi Bệ-hạ độn tích sơn lâm, ẩn cư cầu chí dĩ thần ngôn chi : Bệ-hạ vi tự tu chi kế tác khả, kỳ như quốc gia xã tắc hà ? Dĩ kỳ thù không ngôn dĩ thị hậu, thực nhược dĩ thân vi thiên hạ tiêu dã ? Bệ-hạ nhược bất phản tư, thần đẳng dữ thiên hạ chi nhân đồng tử thử nhật, quyết vô quy chí . "

" Trầm kiến Thái-sư cập chư cố lão chi thần, vô hữu sả Trầm chi ý, toại dĩ kỳ ngôn cáo vu Quốc-sư. Quốc-sư bồng Trầm thủ nhi ngôn viết :

" _ Phàm vi nhân quân giả, dĩ thiên hạ chi dục vi dục, dĩ thiên hạ chi tâm. Kim thiên hạ dục nghênh Bệ hạ quy tất Bệ hạ an đắc bất quy tai ? Nhiên nội điển chi cứu, nguyện Bệ hạ vô vong tự tư nhĩ " .

" Do thị Trầm dữ quốc nhân hồi kinh, miễn nhi tiền vị. Thập số niên gian, mỗi ngộ cơ hạ, chiếp hội kỳ đức tham vấn Thiên đạo, cập chư đại giáo đẳng kinh, vô bất nghiên cứu. Thường đọc Kim-Cương chí :

" _ " Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm ", chi cú phương nhĩ phế quyền âm gian, khoát nhiên tự ngộ. Dĩ kỳ sở ngộ nhi tác thị ca mục viết :

" Thiên Tông Chỉ Nam " .

" Thị niên Quốc-sử tự An-Tử sơn phó viết tứ cư Thảng nghiêm tự, khai chư kinh ấn bản. Trầm dĩ thử tác xuất nhi thị chi. Sư nhất lãm nhi tam thán viết :

" _ Chư Phật chi tâm, tận tại thị hỹ. Hạp san chú kinh ấn dĩ thị hậu hậu ?"

" Trầm văn thị ngôn, nãi mệnh công khai tả, sắc lệnh khai ấn, phi đặc dĩ vi hậu thế chỉ mê, cai dục kế tiên đại thánh nhân chi công (nhi) quảng (chi) dã) Nhân tự vi tự vấn " .

_ (Trần triều Thái-Tông Ngự chế Khoá-Hư -- Việt-Nam Phật-Điển Tụng-san chi thất)

Dịch nghĩa :

(Tựa Thiền-Tông Chỉ-Nam .

(Trầm nghe < trộm nghĩ > Phật tính là thực-tại tối linh, không giới-hạn vào ở phương Nam hay phương Bắc, ai nấy đều có thể tu sửa cầu tìm .

(Chất tính người ta sinh ra có kẻ khôn người độn, nhưng cũng tự bẩm sự giác-ngộ. Bởi thế nên giáo-lý chính của đạo Phật ta là lấy phương-tiện để dạy bảo quần-chúng mê lầm, là con đường tắt soi tỏ lẽ sống chết. Còn như việc đặt mực thước cho đời sau, làm khuôn mẫu cho tương-lai ấy là nhiệm-vụ trọng -yếu của Tiên Thánh. Lục-Tổ Huệ-Năng có nói :

(_ " Tiên Thánh với Đại Sư không có chi khác nhau ". Đủ biết giáo-lý của Phật ta lại phải mượn tay Tiên Thánh để truyền vào đời vậy. Nay Trầm làm sao có thể không lấy trách-nhiệm của Tiên Thánh làm trách-nhiệm của mình, giáo-lý của Đức-Phật làm giáo-lý của mình được ?

(Và Trầm từ thừa trẻ thơ, mới có hiểu biết, mỗi khi nghe lời chỉ bảo của các Thiền-sư tức thì dẹp tất mọi sự nghĩ-ngợi, tâm-hồn lắng trong. Bấy giờ Trầm đã có ý ham giáo-lý tâm-linh, học-hỏi về tôn-chỉ Thiền, lòng vô-tư tìm thấy, thành tâm cầu đạo. Tuy khi ấy ý-chí nội-hướng đã mạnh-nhà mà động-cơ súc-cảm còn chưa đạt .

(Năm 16 tuổi Thái-Hậu, mẹ Trầm chán bỏ cõi đời, Trầm những năm rơm gôi đất, khóc ra máu mắt, lòng đau như cắt. Đang đau đớn lo phiền còn nghĩ đâu đến chuyện gì nữa. Trong vài năm sau, Thái-Tổ, cha Trầm cũng lại tạ-thế, bồi-hồi ngao-ngán, thương mẹ chưa nguôi, xót cha càng thấm-thía, khó yên nổi lòng. Trầm nghĩ cha mẹ đối với con cái nuôi nấng, vỗ về không thiếu chút gì, đời người còn dù nát xương, tan thịt cũng chưa đủ báo đáp được một phần muôn. Huống chi, Trầm xót Thái-Tổ Hoàng-Đế mở mang cơ nghiệp đã rất gian-nan, sửa nước giúp đời lại càng trọng đại. Từ khi Ngài đem ngôi báu trao cho Trầm còn đang độ trẻ thơ, Trầm những

sớm khuya lo sợ, không lúc nào dứt. Bụng tự bảo dạ : " Ở trên đã không còn cha mẹ để tựa nương, thì đối với ở dưới e không đủ cho nhân-dân thỏa lòng mong đợi. Làm sao được ? " Rồi lại nghĩ : " Âu là lui về núi rừng, rộng tìm sang Phật-giáo, ngộ hầu hiểu rõ lẽ sống chết, báo đáp công-đức cù-lao, như thế há chẳng hay đấy ư ? "

(Vậy chí Trẫm bèn quyết. Niên-hiệu Thiên-Ứng Chính-Bình thứ 5 (1235) năm Bính-Thân vào đêm mùng 3 tháng 4. Trẫm nhân mặc áo mỏng đi ra cửa cung, bảo người hầu tả hữu : " Ta muốn đi chơi, nghe trộm ý dân để xem nguyên-vọng của họ, họa may biết được sự khó-nhọc của chúng ! "

(Lúc ấy đi theo Trẫm có độ bảy tám người. Vào giờ Hợi đêm ấy, một mình một ngựa cật lên ra đi, khi đã sang qua sông Nhị-Hà, liền hướng về phía Đông mà tiến, rồi đem thật tình của mình bảo cho tả hữu biết. Họ kinh-ngạc đều ứa nước mắt khóc-lóc. Sáng hôm sau, vào giờ Mão thì đến bên đò Đại-Than dưới núi Phả-Lại. Trẫm sợ có người nhận biết, nên phải lấy vạt áo che mặt mà qua sông. Rồi theo đường tắt lên núi, đến tối vào nghỉ trong chùa Giác-Hạnh đợi đến sáng lại đi. Trèo đèo lội suối vất vả, núi hiểm suối sâu, ngựa mệt không tiến được, Trẫm phải bỏ ngựa vịn đá mà leo. Đến giờ Mùi thì tới núi Yên-Tử. Qua hôm sau, trèo thẳng lên đỉnh, ra mắt Quốc-sư Trúc-Lâm là vị Đại Sa-môn ở đây .

(Thấy Trẫm, Quốc-sư mừng rỡ hơn hờ thông thả bảo Trẫm rằng :

(_ " Lão tăng ở rừng núi đã lâu, xương cứng thân gầy, ăn rau răm cắn hạt dẻ, uống nước suối, vui cảnh rừng, lòng nhẹ như mây nổi mới theo gió mà đến đây. Nay nhà Vua bỏ địa-vị nhân-chủ, nghĩ đến cảnh quê mùa rừng núi, chẳng hay muốn cầu tìm gì mà đến đây ? "

(Trẫm nghe Sư nói, hai hàng nước mắt tự nhiên không cầm được, mới đáp Sư rằng :

(_ " Trẫm còn thơ ấu, sớm mất hai thân, trơ vơ đứng đầu sĩ dân không nơi nương tựa. Nghĩ lại sự-nghiệp Đế-vương thừa trước thịnh suy lên xuống bất thường, nên Trẫm tìm vào núi rừng này chỉ cầu làm Phật, không cầu vật gì khác ."

(Sur đáp : _ " Núi vốn không có Phật, Phật ở tại nơi tâm mình, tâm yên lặng mà biết ấy là Phật chân thật. Nay nếu Vua giác-ngộ được tâm ấy thì lập tức thành Phật, không phải khổ sở khó nhọc cầu tìm ở bên ngoài vậy " .

(Bấy giờ Trần-Công (Thủ-Độ) là chú của Trẫm, em họ Tiên-quân, được Tiên-quân gửi-gắm Trẫm mồ-côi. Sau khi Tiên-quân châu Trời, bỏ lại cõi đời và quần-thần, Trẫm tôn chú lên làm Thái-sư (Tể-tướng) . Nghe tin Trẫm bỏ đi, Thái-sư bèn chia người đi các ngả, sai tả hữu tìm khắp mọi nơi dấu-tích. Họ bèn vào tìm trong núi rừng này. Gặp mặt Trẫm, Thái-sư thông-thiết nói .

(_ " Tôi chịu lời ủy-thác của Tiên-quân, tôn phụng nhà Vua làm chủ dân, thần. Nhân-dân đang mong đợi Bệ-hạ như con đỏ trông đợi vào cha mẹ chúng. Huống chi ngày nay các bô-lão trong triều-đình đều là họ-hàng thân-thích cả, sĩ-thứ trong nước thấy đều vui vẻ phục-tòng, cả đến đứa trẻ lên bảy tuổi cũng biết nhà Vua là cha mẹ dân. Vả lại Thái-Tổ vừa mới bỏ tôi ra đi, hòn đất trên nắm mồ chưa ráo, lời dặn dò còn vang vẳng bên tai. Thế mà Bệ-hạ trốn vào trong rừng núi, ẩn cư để cầu thỏa lấy ý-nguyện riêng. Tôi dám nói : Bệ-hạ vì mục-đích tu lấy cho riêng mình mà làm thế thì còn được, nhưng còn quốc-gia xã-tắc thì sao ? Vì để lời khen suông cho đời sau, sao bằng lấy thân mình làm người dẫn đạo cho thiên hạ ? Bệ-hạ nếu không nghĩ lại, quần-thần chúng tôi cùng nhân-dân xin thề cùng chết cả ngay hôm nay, quyết không trở về " .

(Thấy Thái-sư cùng các bô-lão, quần-thần đều không có ý bỏ Trẫm, Trẫm mới đem lời Thái-sư đưa lên Quốc-sư. Quốc-sư nắm lấy tay Trẫm mà rằng :

(_ " Phàm làm đấng nhân-quân, phải lấy ý muốn của nhân-dân làm ý muốn, lấy tâm thiên-hạ làm tâm. Nay thiên-hạ muốn rước đón nhà Vua về, nhà Vua không về sao được ? Tuy nhiên sự tìm hiểu về tâm-linh Phật-giáo xin Bệ-hạ đừng phút nào lãng quên " .

(Bởi thế Trẫm với mọi người trong nước lại trở về kinh, gượng gồng lên ngôi báu, ròng-rã trong mười mấy năm trời, mỗi khi có cơ hội nhàn rỗi việc nước, Trẫm lại hội-họp các bậc đạo-đức để hỏi đạo Thiên cùng các kinh sách của các tôn-giáo chính, không sót sách nào không tham cứu tìm

hiếu. Trẫm thường ngày tụng kinh Kim-Cương, có hôm đọc đến câu : "*Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*" (nên nấy cái tâm không vương vất vào chỗ nào), đang lúc đặt sách xuống ngâm thì chợt bừng sáng tỉnh-ngộ, mới đem chỗ giác-ngộ ấy làm thành lời ca đặt tên là " Thiên Tông Chỉ Nam " .

(Năm ấy Quốc-sư ở núi Yên-Tử xuống kinh-đô, Trẫm mời vào chùa Thảng-Nghiêm để mở bản in các kinh. Nhân đưa tập này cho Sư coi. Xem rồi Quốc-sư ngâm-ngùi và nói :

(_ Tâm các chư Phật ở cả trong lòng này, sao không khắc in để dạy cho đời sau ? "

(Trẫm nghe lời bèn sai thợ viết ra chữ khải và truyền cho đem in, không phải chỉ để dẫn bảo đường mê cho đời sau biết mà thôi. Ý Trẫm còn muốn noi công-nghiệp các Tiên Thánh quảng-đại. Nhân thế mới tự tay viết bài tựa này) .

Trên đây là chính lời Vua Trần-Thái-Tông, tác-giả " Khoá-Hư-Lục " kể lại lịch-trình kinh-nghiệm từ khởi-điểm phát-sinh cho đến kết-thúc giác-ngộ về tư-tưởng Thiền của chính mình. Chúng ta thấy, tuy từ thừa nhỏ đã được nghe dạy về Thiền, nhưng cũng chỉ mới là những trí-thức kiến-văn và giữ tâm-hồn trong trắng, hồn-nhiên vô-tư cầu học, mộ đạo đầy thôi. Thực có sự biến-chuyển khí-chất của con người mà có động-cơ cảm-xúc là kể từ cái lúc mất thái-độ quân-bình, tâm-hồn thực giao-động gặp sự xảy đến quá đột-ngột kịch-liệt, phải bỏ vợ cũ để cướp lấy vợ của anh ruột đang có thai. Chỉ một việc ấy cũng đủ đập mạnh vào đến bản-thể nội-tâm của một con người lương-thiện, đang ở địa-vị mô-phạm lãnh-đạo toàn dân của một nước vậy. Đây là một thảm kịch tâm-lý tạo nên một cơn bão-tổ từ trong đáy lòng nổi lên, khiến cho động-cơ cảm-xúc Thiền bắt đầu nảy sinh, vì muốn dẹp yên được cái mặt bể phong-ba bão-táp làm cho bao nhiêu lớp sóng dòn-dập, xô đẩy xung-đột tan-tành mặt nước tinh-thần. Thì Thái-Tông phải tìm đến một biện-pháp triệt-để mới có thể vượt được những mâu-thuẫn để sang một biến-giới khác của sinh-tồn, vươn lên một bình-diện ý-thức quân-bình mới .

Ở đây Thái-Tông mô-tả ba thái-độ sinh-tồn diễn-hình cũng như Chân-Nguyên đã diễn-ca :

1/. Thái-độ của nhà Sư Phật sống đồng-hóa thân tâm với thiên-nhiên, ăn rau hạt, uống nước suối, lòng nhẹ như mây nổi, không còn ý muốn riêng, đi lại tùy theo chiều gió. Đây là thái-độ vô-vi của Đạo-gia Lão Trang .

2/. Thái-độ của nhà Tể-tướng chỉ biết sống phụng-sự quyền-lợi của quốc-gia xã-hội thực-tế, lấy thân mình làm gương mẫu lãnh-đạo nhân-dân đoàn-thể. Đây là thái-độ hữu-vi của Khổng Mạnh .

Hai thái-độ trên xung-đột với nhau như con người nhân nghĩa ước-lệ của nhân-quần xã-hội với con người thoát tục tự-do, ở ngoài nghi-lễ, không để ý đến hệ-thống giá-trị của nhân tước như Lễ, Nghĩa, Thánh, Trí, v.v... Hai thái-độ điển-hình này là do hai truyền-thống giáo-lý cổ xưa ở Trung-Hoa, đại-biểu là Nho-giáo và Đạo-giáo mà Trang-Tử đã phân-biệt như sau :

" Hà vị thiên ?

Hà vị nhân ?

Ngựa mã tứ túc thị vị thiên. Lạc mã thủ xuyên ngư ty thị vị nhân, cố viết : Vô dĩ nhân diệt thiên " .

_ (Trang-Tử " Thu Thủy ")

Nghĩa là :

(Thiên-nhiên là thế nào ?

Nhân-văn là thế nào ?

Trâu ngựa bốn chân thế gọi là thiên-nhiên. Buộc đầu ngựa, sỏ mũi trâu thế gọi là nhân-văn. Cho nên bảo không lấy nhân-văn mà diệt tất thiên-nhiên).

Đây là hai thái-độ sống cực-đoan, nhưng không phải là hai hệ-thống trí-thức triết-học đóng cửa. Thiên-nhiên là cái gì không bị câu-thức, không bị người ta can-thiếp vào để sửa đổi, hãy còn chất-phác hồn-nhiên. Còn nhân-văn là tất cả khu-vực nhân-sinh xã-hội bị ước-lệ uốn theo những quan-niệm giá-trị của nhân-loại như lễ-nghi, chế-độ giáo-hóa, nghĩa là tất cả cái gì đã bị con người hóa đi không còn tự nhiên nữa. Đây là hai khu-vực sinh-tồn, một đàng chất-phác hồn-nhiên, một đàng bị luân-lý đạo-đức quy-định .

Ở đây Vua Trần-Thái-Tông bị ép cưỡng đoạt chị dâu, vợ anh ruột mình, đang có thai, thế là phạm luân-thường, tam cương ngũ thường của

Nho-giáo, trong lòng bất tự an, mặc cảm tội lỗi không xứng đáng ở ngôi Vua lãnh-đạo sĩ dân một nước, nên chỉ bỏ ngôi báu vào núi, khi gặp Quốc-sư Phù-Vân hỏi tại sao bỏ đi như thế thì Vua không cầm được nước mắt. Nhưng đối với Thủ-Độ thì quốc-gia nhà nước là trên hết, mà nhà nước chính là nhà Trần, nên phải có người kế-nghiệp Trần-Thái-Tông mới được. Cho nên ông ta đã bắt Thái-Tông phải hy-sinh cho nhà nước, dù có cướp vợ của anh, phạm giới-luật của luân-lý Nho-giáo mà ông không phải tén-đò vì vô học .

Đứng giữa hai đường trí nghịch, tiếng gọi của lương-tri cá-nhân, tiếng gọi của luân-lý xã-hội, Thái-Tông đang phân-vân, thì Quốc-sư bảo cho biện-pháp dung-hòa là con đường Bi, Trí :

137. " Trí " khôn sâu động Thánh-Hoàng
Được lòng thiên-hạ mới lường rằng " Bi " .

Tức là thực-hiện cái ý-thức hợp-nhất tình yêu với trí tuệ của quan-điểm Lãng-Già như đã trình-bày ở trên. Nhưng Thái-Tông, như mở đầu bài tựa, lại lấy kết-quả của sự giác-ngộ Phật-tính coi như bản-thể đại-đồng làm cơ-bản hợp-nhất dung-thông khuynh-hướng xuất-thể thiên-nhiên với khuynh-hướng nhập-thể xã-hội, nghĩa là coi Phật-tính như là cái ý-thức " *liễu sinh tử* " một thực-tại siêu-nhiên nội-tại (transcendant - immanent). Đây là biện-chứng Tâm-Hư, Chân-Không của Kim-Cương vậy .

138. Nay đoạn Thày phó chúc Vua
Dầu về trị nước để đô kinh thành.
139. Ngày thời xem việc triều-đình
Đêm thời hằng nhớ tụng kinh tọa Thiền.
140. Phật-pháp là đại nhân-duyên
Con cả nối nghiệp thay quyền lại đi.
141. Triều-đình kính chúc tụng hô
Kiệu dù tan tán rước Vua ngự về.
142. Thiên hạ mừng thay bốn bề
Vua lại xem trị, nước thì diệu an.
143. Trị vì được mười ba xuân
Chốc mòng đạo Bụt lại toan sự lòng.
144. Nhờ lời Thày dạy chẳng vong
Mời chư Thiên đức, lão tăng vào châu.

145. Thăm hỏi kinh, giáo trước sau
Kim-Cương thường tụng lễ mầu tinh-thông.
146. Liễu đạt tám chữ làm xong
" *Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm* ".
147. Vua ngồi tức hệ trăm ngâm
Khoát nhiên đại ngộ mới thâm vào lòng.
148. Ngỏ được Bát-Nhã tâm tông
Vạn-pháp diệu dụng tự lòng hiển dương.
149. Bản lai thanh tính chân thường
Viên minh phổ chiếu đường đường tịch quang
150. Khi thời ngồi ngự ngai vàng
Khi thời tọa định Thiên sàng bóng cây.
151. Lòng Thiên nghiêm cần ai hay
Quả Bồ-đề chín đến ngày thu công.
152. Thiên hạ nam, bắc, tây, đông
Thấy Vua đắc đạo đồng lòng vui thay.
153. Sang khó già trẻ tuổi này
Cùng đi học đạo số rầy đề đa.
154. Đắc đạo bằng cát sông Hà
Nhờ ơn Hoàng-đế quốc-gia phát lòng.
155. Dầu ai tính dữ bạo hung
Lại hồi chính thiện gia lòng đi tu.
156. Vạn dân kích nhường khang cù
Nhà nhà thờ Bụt, Nam-mô Di-Đà .

Đây là cảnh xã-hội hoàng kim của Việt-Nam thời Lý, Trần, từ trên xuống dưới, một lòng mộ đạo Phật với tinh-thần cởi mở thông-cảm với nhau, không phân-biệt tín-ngưỡng này tín-ngưỡng kia, tôn-giáo cạnh-tranh, Nho-giáo bài-bác Phật-giáo hay Đạo-giáo như chủ-trương " *tịch Thích Đạo* " của Tống-Nho bên Tàu. Sau này Nho-sĩ Trương-Hán-Siêu, ăn phải đũa của Tống-Nho có bài-bác đạo Phật mà cũng phải công-nhận thời bấy giờ đạo Phật được quốc-dân sùng-bái " trong thiên-hạ ba phần, chùa chiếm một phần ". Và Lê-Quát trong bài " *Minh Thánh Đạo, tịch dị đoan* " theo luận-điệu của Chu-Hy cũng thú nhận thời bấy giờ (1370) rằng :

" Nhà Phật có thuyết họa phúc làm cảm-động lòng người, sao mà được người đời tin thâm-sâu bền vững đến thế. Trên từ Vua, Chúa, dưới

đến nhân-dân, phàm có việc gì có quan-hệ đến thờ Phật thì dù có cúng hết của cải cũng không so kè bủn xỉn. Nay nếu có phó-thác vào chùa, tháp thì hớn-hở như cầm tờ văn-tự để chờ lấy báo-ứng ngày sau vậy. Bởi thế nên từ trong kinh-độ đến ngoài quận huyện, hang cùng ngõ hẻm, chẳng ai bảo ai mà cùng nhau theo. chẳng tỏ mà tin. Hễ ở đâu có nhà ở là có chùa Phật, bỏ đi dựng lại, phá đi xây lại. Chuông trống đèn đài so với nhà dân chiếm tới phần nửa. Sự phồn-thịnh thật là dễ dàng mà lòng sùng-tín thật là rộng lớn".

_ (Toàn Thư)

Như thế đủ chứng-minh sức tín-ngưỡng triều-đại Lý, Trần ở xã-hội Việt-Nam đã được sâu rộng để có được cái nhuệ khí cấu kết toàn dân mà bảo-vệ sinh-tồn cho toàn-thể .

3/. Biện-chứng giải-thoát của Trần-Thái-Tông, theo lời bài tựa " Thiên Tông Chỉ Nam " cũng như lời truyền ca của Hòa-Thượng Chân-Nguyên, thì nghe lời Quốc-sư trở về ngôi Vua đồng thời không quên tu tâm luyện tính, cứu xét nội điển cùng các giáo-lý lớn khác. Kết-cục Vua đã thực-hiện theo kinh Kim-Cương, chuyên dạy về đường lối " an trụ cái tâm và hàng phục cái tâm để đạt tới cái tâm Bồ-đề ", bằng cách tiêu-trừ dần cái tâm cá-nhân, phủ-định tất cả quan-điểm và vượt lên trên tất cả quan-điểm biệt-lập như quan-điểm tình-cảm, quan-điểm ý-chí lẫn quan-điểm lý-trí .

Ý-nghĩa đầy đủ của kinh Kim-Cương là Bát-Nhã-Ba-La-Mật-Đa (Prajña-Paramita) nghĩa đen của Phan-ngữ (Sanscrit) là " Trí Tuệ Sang Bên Kia ". Tinh-hoa của Prajña - Paramita " Bát Nhã Ba La Mật " là Đức Mẹ, chư Phật quá-khứ, hiện-tại, vị-lai, là cái bè để chở chúng-sinh từ cõi mê sang bến giác. Đức Phật vừa thức tỉnh sau một giấc ngủ mê, nhìn xuống thế-gian thấy như một cái ao Sen, có bông đang còn ngoi ngóp trong bùn dưới đáy nước, có bông nở trên mặt nước. Đức Phật tự nghĩ trong nhân-gian cũng thế, có kẻ mắt tinh-thần còn bị bụi trần che kín, có kẻ mắt tinh-thần chỉ còn bị che rất ít, có kẻ mắt tinh-thần đã sạch bụi. Những kẻ sau này có thể hiểu nổi giáo-lý của ta .

Nhưng Đức Phật ở đây không trình-bày một hệ-thống trí-thức suy-luận mà chỉ là một lời kêu gọi thúc giục hành-động tiến lên, vượt mãi lên, đi sang bên kia trí-thức, như lời chú đã toát-yếu :

" Gaté, gaté, paramgaté, paramgaté Bodhi Swaha "
(Yét đế, yét đế, ba la yét đế, ba la tăng yét đế, Bồ-Đề Tát bà ha !)

Bà David Neel và Lama Yonden dịch và bình-luận trong " La Connaissance transcendante, -- Adyar - Paris " : " Connaissance Boddhi qui est allée, allée par delà et au delà du par delà, A Toi salut ! " (Cái biết giác-ngộ nó đi lên, đi lên trên, Bái lậy !)

Tuy nhiên bản dịch Tây-Tạng về danh-từ Prâjña Paramita ngụ ý không phải là cái " biết về siêu-nhiên, mà vượt lên trên cái biết ". Cái biết Bồ-đề là một trạng-thái tinh-thần sau khi đã vượt lên trên bình-diện ý-thức lưỡng-nguyên, tự ở bên trong mở ra chứ không phải là một đối-tượng bên ngoài. Muốn vượt lên trên như thế có nhiều lối, nhưng đường lối Kim-Cương như Trần-Thái-Tông đã đi là con đường hành-động của Bồ-Tát. Hành-động của Bồ-Tát là hành-động với cái tâm không chấp trụ vào đâu, đồng-nhất người cho vật đem cho và người được cho, ba vật nhất-quán thành một nguồn Bi, Trí, Dũng. Đây là cái Tâm " *Ứng vô sở trụ nhi sinh* ". Để đi đến cái tâm Bồ-Tát ấy, Trần-Thái-Tông đã hy-sinh ý muốn cá-nhân cho họ nhà Trần mà miễn-cưỡng trở lại ngôi Vua, cùng với Trần-Liễu ôm nhau khóc để tha-thứ và che-chở cho anh. Đối với quốc-gia xã-hội thì một mình đi tiên-phong cầm quân chống giặc, hay là xông vào đất giặc mạo-hiểm, không coi sống chết là gì. Đến khi nhường ngôi để xuất-gia thì coi " ngôi báu như trút đôi dép nát " theo luận-diệu Ngô-Thời-Sĩ. Đây là con đường thực-hiện triết-lý " *Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm* " của một vị lãnh-đạo dân-tộc đặc đạo vậy .

157. Này đoạn Lão Tăng Thày Già
Ở An-Tử Đà tìm xuống thành-đô.
158. Vua mừng tăng phong Quốc-Sur
Trọng Tăng, kính Phật phụng thờ nghiêm-trang.
159. Phán ở Thăng Đức điện đường
Sửa Kinh, soạn Lục để truyền hậu lai.
160. Thiên phong là Thày nước ngoài
Trí tuệ cao tài kinh lịch chư bang.
161. Tiếng đồn Việt-quốc Đế-vương
Có Vua tu đạo, người thường tinh thông.
162. Xung rằng Lâm-Tế xưa tông
Pháp phái diên thừa vân thủy A-Nam.

163. Hội thiện tri-thức lại tham
 Ích mình tông chỉ, càng thâm lòng Thiền.
164. Sư trưởng, là Đại Nhân duyên
 Thiện hữu trợ giáo hộ quyền Nam-Mô.
165. Thái-Tông mở Phật tràng đồ
 Quỳnh-Lâm, Tư-Phúc cùng chùa Hoa-Yên.
166. Trai tăng ngũ bách dư viên
 Thế phát, thụ giáo, thiên thiên, vàn vàn.
167. Thành-thị cho đến lâm san
 Tùy căn tu chứng an nhàn an cư
168. Thừa ấy ngoại quốc Tổng sư
 Trèo non lặn suối một mình tìm sang.
169. Vào triều bái tạ thiên nhan
 Thiền gia làm lễ, dám tham lời rằng :

Vấn-đáp giữa Thiền-sư Tông-Đức-Thành với nhà Vua Trần-Thái-Tông .__

Đức-Thành vấn viết :

*_ Tích Thích Già Thế-Tôn vị lý đầu xuất dĩ giáng vương cung vị xuất mẫu
thai, độ nhân dĩ tất, thời như hà ?*

Thái-Tông Hoàng-đế đáp vấn :

*_ Thiên giang hữu thủy, thiên giang nguyệt
Vạn lý vô vân vạn lý thiên .*

Đức-Thành hựu vấn :

*_ Vị lý, vị xuất môn khai thị
Dĩ lý, dĩ xuất vị nhược hà ?*

Thái-Tông đáp vân :

*_ Vân sinh nhạc đích đô lô bạch
Thủy đảo Tiêu Tương nhất dạng thanh .*

Đoạn này Hòa-Thượng Chân-Nguyên đề-cập đến sự gặp-gỡ quan-trọng trên lịch-sử Thiền-học Việt-Nam, ấy là sự gặp-gỡ giữa Trần-Thái-Tông, người khai-sáng mở đường cho phái Thiền-tông đời Trần là Trúc-Lâm Yên-Tử với dòng Lâm-Tế bên Tàu do Thiền-sư có tên ở đây là

Thiên-Phong đại-diện. Thiên-Phong theo sách " *Trần Triều Dật Tồn Phật-Điển Lục* " _ (E.F.EO. Hà-Nội Hộ San) thì Tì-Khưu Tuệ-Nguyên chùa Long-Động, núi An-Tử dòng Trúc-Lâm có giới-thiệu 3 dòng Thiền ở ta thời Trần :

1./ Dòng Trúc-Lâm có :

Thông-Thiên, Tác-Lự, Ứng-Thuận (dòng Vô-ngôn-thông) -- Tiêu-Dao, Tuệ-Trung, Trúc-Lâm Tam-Tổ .

2./ Vương-Chí-Nhàn Thiền-sư, Nhậm-Tạng Hòa-Thượng, Nhậm-Túc Cư-sĩ, chìm mất

3./ Nhật-Thiên Hòa-Thượng, Chân-Đạo Đại-vương, rồi chìm mất .

Lại có Thiên-Phong Cư-sĩ từ Chương-Tuyên đến, đồng thời với Ứng-Thuận, tự xưng là dòng Lâm-Tế, truyền cho Đại-Đẳng Quốc-sư, Nan-Tư Hòa-Thượng. Đại-Đẳng truyền cho Thánh-Tông Hoàng-đế. Liễu-Minh Quốc-sư, Đường-Cung Huyền-Sách, Cự-Trắc, (chìm mất), không biết là ai, nhưng dòng Lâm-Tế do Huỳnh-Bá lập ra (867) thừa truyền của Bách-Trượng (724 - 814) do Vô-Ngôn-Thông (826) đem sang Việt-Nam từ cuối thời nhà Đường. Dòng này ở Việt-Nam truyền mãi xuống triều Trần, mà đời thứ XV là Ứng-Vương Cư-sĩ thừa-kế Thiền-học của Thiền-sư Tác-Lự thuộc đời XIV phái Vô-Ngôn-Thông .

Tuy Trần-Thái-Tông với dòng Trúc-Lâm Yên-Tử có tiếp nối truyền-thống Vô-Ngôn-Thông với dòng Thiền Lâm-Tế, nhưng tinh-thần Thiền của Thái-Tông không xuất-thế, mà trái lại nhập-thế hành-động vì quốc-gia xã-hội trước khi ra thiên-nhiên. Thời này cũng lại có Thiền-sư nhà Tống là Tống-Đức-Thành nghe danh tiếng Vua ta đặc-đạo có tìm sang tham yết. Những lời vấn-đáp theo lối Thiền-ngữ có chép đầy đủ ở " *Ngữ Lục Vấn Đáp Môn Hạ* " .

Trong sách " *Khóa-Hư-Lục* ":

" Một bữa kia, Vua đến văn cảnh chùa Chân-Giác, Tống-Đức-Thành bước lên tham vấn :

" _ *Thế-Tôn vị ly Đâu Xuất dĩ giáng vương cung vị xuất mẫu thai, độ nhân dĩ tất thời như hà ?*

" _ (Phật Thế-Tôn chưa rời khỏi Thiên-cung Đâu-Suất, đã giáng xuống cung Vua, chưa ra khỏi bụng mẹ, cứu loài người đã đủ rồi, thời như thế nào ?

" Vua đáp :

" _ " *Thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt.*

" *Vạn lý vô vân vạn lý thiên .*

" _ (Ngàn sông có nước ngàn sông trăng

" (Muôn dặm không mây muôn dặm trời .) "

Trên đây Đức-Thành muốn hỏi sự quan-hệ giữa bản-thể Phật, tức Pháp-thân với Tác-dụng Phật hay là Hóa-thân. Theo danh-từ triết-học Tây-phương cận-đại đây là vấn-đề Essence và Existence, một đàng siêu-nhiên bất-biến vĩnh-cửu, ngoài điều-kiện thời-gian và không-gian, một đàng luôn luôn biến-đổi thiên-hình vạn-trạng tùy theo điều-kiện thời-gian và không-gian. Quan-điểm điển-hình của Thiền là hình-ảnh mỹ-dụ Trăng với Nước, một vầng trăng chiếu xuống các mặt nước khác nhau thành nhiều bóng trăng, ngụ ý " *Đồng qui nhi thù đồ* ", " *Nguyệt chiếu vạn xuyên* ", tức là vũ-trụ-quan (L'Unité dans la Diversité), có một Thể biểu-hiện ra vô cùng hiện-tượng như mặt-Trời với ánh-nắng, Thể không từng rời khỏi Dụng, không phải là có sự sáng-tạo của Thượng-Đế đứng ở bên ngoài thế-giới vạn-vật. Ở đây Phật chưa giáng xuống thế-gian vẫn chỉ là Một, vừa nội-tại, vừa siêu-nhiên (immanent transcendant). Đây là ý-nghĩa câu giải-đáp của nhà Vua :

Trăng trên Trời chỉ có Một, chiếu xuống ngàn giòng nước khác nhau thì mỗi giòng nước có một bóng Trăng. Trời có Mây tưởng là Trời có giới-hạn, kỳ thực sạch hết Mây đến đâu thì đến đấy vẫn là Trời, vì bản-thể Phật-tính vô-hạn, vô-biên nhưng biểu-hiện ra ở trong các giới-hạn đặc-thù.

174. Mây lên núi bạc bàng lô

Nước xuống nguồn tào vằng vặc sáng thanh.

175. Pháp thân trạm tịch viên minh

Tự tại tung hoành phổ mãn Thái hư.

176. Tùy hình ứng vật tự như

Hóa thiên bách ức, độ chư mọi loài.

177. Ứng hiện dưới đất trên trời
Khấp hòa thế-giới mọi nơi trong ngoài.
178. Đã đặt hiệu là Như-Lai
Sao còn hỏi xuất mầu thai làm gì ?
179. Nguyệt thân biến chiếu quang huy
Thiên giang hữu thủy cùng thì bóng in .

Nhà Sư Đức-Thành lại hỏi :

_ Khi Đức Phật Thế-Tôn chưa rời khỏi Thiên-cung Đẩu-Xuất (Tusita)
với sau khi đã rời khỏi mà xuất-hiện ở thế-gian thì thế nào, có chi khác
nhau giữa Thế và Dụng ?

Nhà Vua giải-đáp bằng câu thơ kệ :

_ Mây bay đỉnh núi đều trắng xóa
Nước đầm Tiêu-Tương một vẻ xanh .

Trong " *Khóa-Hư-Lục* ", mục " *Ngũ lục vấn đáp môn hạ* " còn chép :
" Tăng vấn :

_ " *Tổ lai sơn sắc tình, vân khí động trung minh, vi thậm ma ẩn hiện nhất
như ?* "

_ (Tạnh mưa sắc núi rạng, mây quang động sáng ra, làm thế nào mà ẩn-
giáo và hiển-giáo như nhau ?)

Vua đáp :

_ " *Trừ thị ngã gia chân đích tử
Thùy nhân cảm hướng lý đầu hành ?* "

_ (Ngoại trừ là chân-thực con nhà Phật-tử
Ai là kẻ dám cảm đầu hướng vào trong ấy mà đi ?) .

Câu hỏi trên là Thế với Dụng, Siêu-nhiên với Hiện-sinh, Đạo với
Đòi, Bản-thể với Hiện-tượng, như nhau là thế nào ?

Tóm lại quan-hệ giữa ẩn và hiện, vô-vi và hữu-vi, siêu-nhiên và
thiên-nhiên, Phật-tính với chúng-sinh. Trong giới nhà Phật thường có câu
kinh khẩu-đầu của các Thiền-sư là " Phật tức tâm, tâm tức Phật " hay là "
Phật là Phật đã thành, chúng-sinh là Phật đương thành " .

Câu kệ giải-đáp của Trần-Thái-Tông là sở dĩ chúng-sinh có thể tu thành Phật được, như mở đầu bài tựa " Thiền Tông Chỉ Nam " :

— *" Tính hữu trí ngu, đồng tư giác ngộ "*

— (Tính-chất người ta sinh ra có kẻ khôn có kẻ ngu, tất cả đều tự bẩm sự giác ngộ).

Sự giác-ngộ bản-nhiên ấy là Bồ-Đề, bị tư dục giới-hạn thành ra ngu, mê lầm, vô minh, hóa được hết tư-dục mà khai-phóng hoàn-toàn ý-thức thì lại sáng với cái đức-sáng Bồ-Đề. Bởi thế phải thật là con Phật, đồng-nhất-thể với Phật-tính thì mới hướng vào đây mà đi. Nói cách khác thì thế-giới hiện-tượng này luôn luôn biến đổi như trò ảo-hóa, nếu không phải do một bản-thể tồn-tại biểu-hiện ra, vừa tiềm-tại vừa siêu-nhiên thì lấy chi làm thật, sao gọi được là chân .

Đức-Thành lại hỏi :

— *" Cổ kim vô dị lộ, đắc đạo cộng đồng đồ ?*

Bệ hạ tương vị đắc đạo độc Thế-Tôn ma ?"

— (Xưa nay lối không khác, đạt đạo cũng cùng đường ?

Bệ hạ bảo đạt đạo chỉ có một mình Thế-Tôn hay sao ?)

Trần-Thái-Tông đáp :

— *" Xuân vũ vô cao hạ, hoa chi hữu đoản trường "*.

— (Mùa xuân không cao thấp, cảnh hoa có ngắn dài) .

Như thế có nghĩa là bản-thể đồng-nhất ở Thế-Tôn cũng như ở chúng-sinh, vốn bất phân, ví như mưa vốn bình-đẳng. Nhưng hiện-tượng như các cảnh hoa thì có khác nhau .

Nhà Sư lại hỏi :

— *" Nhân nhân bản tự nhân nhân cụ*

Cá cá nguyên lai cá cá viên

Vì thậm ma Thế-Tôn nhập sơn tu đạo ? "

— (Người người vốn tự người người đủ

Mỗi mỗi nguyên lai mỗi vẹn toàn

Làm sao Thế-Tôn lại còn phải vào núi tu đạo ?)

Trần-Thái-Tông đáp :

— "*Kiểm vị bất bình khai bảo hạp
Được nhân lưu bệnh xuất kim bình*".

— (Kiểm ra vỏ báu vị bất bình
Chữa bệnh thuốc kia rơi khỏi hộp.)

Nếu kiểm cứ nằm trong vỏ mãi thì ai biết công-dụng của kiểm, và nếu thế-giới này không có bệnh thì còn cầu chi phải mở hộp thuốc ra để chữa. Có phương-tiện thì mới có cứu-cánh, cứu-cánh với phương-tiện không thể rời nhau để có được, cũng như thuốc vì có bệnh, kiểm vì có sự bất-bình. Cho nên Đức Phật đi tu để tùy bệnh mà cho thuốc vậy.

Sư Đức-Thành lại hỏi :

— "*Nhõn trung hữu trí tiết
Nhục thược mặc oản thương
Đắc ử học nhân phận thượng hữu tu chứng ma ?*"

— (Trong mắt hết vương bụi
Trên thịt chẳng khoét nhọt
Người học đạo có được chứng nghiệm tu-luyện gì ?)

Vua Trần-Thái-Tông đáp :

— "*Lưu thủy hạ sơn phi hữu ý
Bạch vân xuất tự bản vô tâm*".

— (Nước chảy xuống khe không dụng ý
Mây ra khỏi động vốn vô tâm.)

Như thế có nghĩa là người học đạo có được chứng-nghiệm về trình-độ tu-luyện ở tại cái tâm khi hành-động không có dụng ý tính-toán, như hành-động của nước trên núi chảy xuống khe suối, không cố ý chảy mà chảy. Và cũng như mây bạc từ trong hang núi bay lên vốn nó không ý-thức để bay lên, hành-động của thiên-nhiên là hành-động vô-tư, vô-cầu.

Nhà Sư nước Tống không còn biết nói sao, yên-lặng đối với cái tư-tưởng thoát tục đạt đạo ấy. Nhưng nhà Vua cũng lại nhắc lại câu sau đây để cảnh-giác sự hiểu lầm cho vô-tâm là vô-tri vô-giác như gỗ đá.

"*Mạc vị vô tâm vô thị đạo
Vô tâm do cách nhất trùng quan*".

(Chớ bảo vô tâm là đạo đấy
Vô tâm cách đạo một trùng quan) .

Nhà Sư Tổng nói :

- _ " *U tâm ký vô hoán thậm ma tác trùng quan* " .
- _ (Ở tâm đã không có, gọi thế nào làm cửa đi hai lần ?)

Nhà Vua lại nhắc lại hai câu trên .

Như thế là nhà Vua bảo hiện-tượng thiên-nhiên hành-động không vì nhân-loại, hay chúng-sinh riêng-biệt nào, nhưng không phải vì thế mà hành-động mù-quáng không có điều-lý trật-tự. Do đấy mà trong hành-động thiên-nhiên như xuân sinh, hạ trưởng, thu liễm, đông tàng, vẫn theo nhịp-điệu tuần-hoàn, cho nên Khổng-Tử bảo : " *Tứ thời hành, bách vật sinh* ", mà thiên-nhiên không nói chi hết. Vậy bên trong hành-động điều-lý của vũ-trụ, cái " *Thiên Địa chi tâm* " là cái tâm đại-đồng bao-hàm nhân-loại, xã-hội bên trong, tuy không giới-hạn vào cái tâm nhân-loại, xã-hội vậy. Hai lần cửa quan đây có thể hiểu là nhân-thân và xã-hội, hoặc là theo giáo-lý nhà Phật phải vượt khỏi dục-giới, sắc-giới thì mới tới được cái tâm vô-sắc-giới, hay là nói theo danh-từ triết-học cảm-giác, trí-thức đến trực-giác siêu-hình .

Đây là lời vắn-đáp giữa Đức-Thành và Vua Trần-Thái-Tông thấy chép ở " Khoá-Hư-Lục ". Nhưng ở trong sử, Ngô-Thời-Sĩ, còn chép một câu vắn-đáp rất trọng-yếu về tư-tưởng triết-học của Trần-Thái-Tông :

Đức-Thành lại hỏi :

- _ " *Đế Vương ngộ đạo tác hà nhân duyên ?* "
- _ (Các Vua Chúa giác-ngộ đạo-lý nhờ vào cơ-hội, nhân-duyên gì ?)

Vua Trần-Thái-Tông nói :

- _ " *Ngã dĩ nhĩ lương, mộc đồng hỏa, kỳ đạo nhất nhi kỷ .* "
- Phong chi tắc kiển khôn vô cùng, thu chi tắc hào đoan khả tận .*
- Nhân giai hữu minh châu tại thân, xuân chí tắc hoa khai nhĩ .*

_ (Ta với ông ví như hai cây cùng một lửa, đạo-lý chỉ có một mà thôi, phóng ra thì đạo ấy tràn ngập trời đất vô biên, thu lại thì đầu ngọn lông có thể tròn vẹn. Người ta ai ai cũng có hạt châu sáng tại bản thân, khác gì bông hoa đến mùa xuân thì nở vậy) .

Đức-Thành nghe xong lấy làm khâm-phục nhà Vua ngộ đạo.

Ngụ ý câu giải đáp bóng bẩy trên đây là nhà Vua đối với Đức-Thành ví như cùng là hai chữ " *mộc* " hợp lại cùng một chữ " *hỏa* " thì là chữ " *phân* ", nghĩa là thiêu đốt thành than cả, không có chi khác nhau. Đạo là chân-lý, tuyệt-đối chỉ có một mà thôi, cái chân-lý ấy có một bản-thể đồng-nhất trong vũ-trụ biến-hóa thiên-hình vạn-trạng. Cái bản-thể ấy là Phật-tính, Bồ-Đề, biểu-hiện ra vô cùng, tràn-ngập không-gian thời-gian, thu lại thì nhỏ cùng-cực như đầu ngọn lông cũng vẫn là bản-thể ấy, tất cả hiện-tượng trong vũ-trụ này đều nương vào bản-thể mà có, như mặt-trời và ánh-nắng vậy. Như thế thì chúng-sinh ai ai cũng có ở tại bản-thân, vì " có thì có tự mảy may, không thì cả thế-gian này đều không ". Cái ấy là minh-châu vì là bản-tính giác-ngộ, Bồ-Đề, ví như bông hoa gập được cơ-duyên như khí dương xuân bèn nở. Chính câu vấn-đáp, giữa Vua Trần-Thái-Tông với nhà Sư Tổng-Đức-Thành trên đây đã được Hòa-Thượng Chân-Nguyên Chính-Giác bình-giải :

180. Đức-Thành lại hỏi căn duyên
Đế Vương ngộ đạo nhân duyên như hà ?
181. Này lời Thái-Tông đưa ra
Lưỡng mộc đồng hỏa đôi ta khác gì ?
182. Dương cơ đối đáp thị thù
Thực tính ứng dụng cùng thì nhất ban .
183. Phóng ra bạc hết càn khôn
Thu lại nhập nhất so đoan cũng là .
184. Ma Ha Bát Nhã Ba La (Mahaprajña prara)
Tam thể chư Phật chứng đà nên công .
185. Bách giang vạn thủy triều đông
Ngộ đạo gia lý thực cùng tề nhau
186. Phật tiền, Phật hậu trước sau
Bát Nhã huyền chỉ đạo mầu truyền cho .
187. Ai ai đạt giả đồng hồ
Mỗi người mỗi có minh châu trong nhà .
188. Mùa xuân vạn thụ khai hoa
Cành cao cành thấp vậy hòa chứng nên .
189. Vì nhất đại sự nhân duyên
Xuất hiện vu thế tam thiên ta bà .

190. Ngai rồng trút để bước ra
Thế phát ở Già, niệm Phật tụng kinh .
191. Khắc nào được xuất kim bình
Vua đi tu hành cứu được vạn dân .
192. Bản lai thanh tịnh pháp thân
Viên dung Pháp-giới đâu gần đâu xa .
193. Có chữ đầu Phật xuất gia
Vì vậy Trẫm phải bước ra chân ngoài .
194. Đức-Thành tôn phục mọi lời
Thật quyền Hoàng-Giác ra đời độ nhân .
195. Đức-Thành vãi tạ Thánh Quân
Thượng Hoàng Phật đạo, hạ cần vương gia .
196. Đức-Thành lễ bái trở ra
Tổn quốc khiêm nhượng nước ta Thánh Hiền .
197. Tuổi Vua sáu mươi đủ niên (1258 - 1277)
Nhượng vì cho con là Trần-Thánh-Tông .

*

TRẦN - THÁNH - TÔNG (1273 - 1279)

Vua Trần-Thái nhường ngôi cho con là Trần-Thánh vào năm 1258 để đi vào sông cuộc sống Thiền ở giai-đoạn xuất-gia, nghĩa là vượt ra ngoài thế-giới những giá-trị ước-lệ của nhân-quần xã-hội mà thâm-nhập vào thế-giới thiên-nhiên " Vô vi nhi vô bất vi " như " *Lưu thủy hạ sơn phi hữu ý, bạch vân xuất tự bản vô tâm* " (Nước chảy xuống khe không cố ý, mây bay hang núi vốn vô tâm) .

Trần-Thánh-Tông làm Vua trị vì trong giai-đoạn lịch-sử gian-nan nhất, vì phải đánh nhau với quân Nguyên hai phen đem đại quân nhất định làm cỏ nước Nam để tràn xuống Đông-Nam-Á. Thế mà hai cha con Thánh-Tông và Nhân-Tông đã làm tròn được nhiệm-vụ vẻ-vang chiến thắng quân Nguyên, bảo-vệ được tổ-quốc. Là vì noi theo tinh-thần vương-đạo, Ngài trị-vì với lòng nhân-ái, coi nước như nhà, đồng-bào như anh em thân-thích, như lời Ngài nói cùng tôn-thất :

" Nước là nước của Tổ-tông, nhận lấy nước của Tổ-tông phải cùng anh em tôn-thất cùng hưởng. Bề ngoài tuy là đem cả nước cung-phụng một người, nhưng bề trong thì ta với các người đều là ruột thịt, vui thì vui cùng, lo thì lo cùng. Các người nên đem lời ấy truyền lại con cháu khiến đừng ai quên, đó là phúc muôn năm của xã-tắc Tổ-tông " .

Thánh-Tông thâm-trầm về đạo-học, xây dựng văn-hóa Đại-Việt rất nhiều với những tác-phẩm bất-hủ, tiếc rằng phần còn lại rất hiếm, nhưng qua đây cũng đủ thấy được Thiền-học của Ngài siêu-việt, như bài " *Hạnh Thiên Trường Hành Cung* " :

" *Cảnh thanh u diệt vật thanh u
Thập nhị thiên chu thử nhất chu
Bách bộ sinh ca cầm bách thiết
Thiên hàng nô bộc quát thiên đầu
Nguyệt vô sự chiếu nhân vô sự
Thủy hữu thu hàm thiên hữu thu*

*Từ hải dĩ thanh trần dĩ tĩnh
Kim niên du thắng tích niên du ."*

Dịch nghĩa : (Theo sử, tác-giả ở đây cảm khái về hai phen chinh-chiến gian-nan với quân giặc dày xéo đất nước, xã-tắc đòi phen nghiêng ngả mà rồi lại thấy quê-hương được bình-an) .

Đại ý :

Cảnh thanh u, vật cũng thanh u
Hơn chục cõi Tiên, đây một khu
Mỗi bước ví von chia mỗi giọng
Hàng hàng cam quýt tựa quân hầu
Trăng bình thản soi lòng bình thản
Nước thu trong phản chiếu giáng thu
Bốn bề sóng yên, như bản sạch
Năm nay xem cảnh khác năm xưa .

Ngô-Thời-Sĩ bình bài thơ trên rằng :

" Từ năm Triệu-Bảo nổi việc binh-đạo, hai lần đánh quân Nguyên, may mà xã-tắc lại yên, giang-sơn như cũ, tuy rằng lòng Trời giúp, nhưng nhân-sự cũng rất gian-nan. Hạp vương hầu ở Bình-Than, đãi phụ-lão ở Diên-Hồng, không hạn người nào không hỏi đến. Khi vào Thanh-Hóa, khi ra Hải-Đông, lúc đi Đại-Bàng, lúc về Thiên-Trường, không đâu không bước chân tới. Nhất đán rửa sạch bụi Hồ, lại yên thế nước, về thăm cố-hương mắt thấy cảnh đẹp, tai nghe chim ca, chén rượu dưới trăng, tiếng đàn trên suối, nghĩ lại khi đi Chí-Linh, Vạn-Kiếp, trận đánh Đại-Than, Bạch-Đằng, những lúc con thuyền lênh-đênh, dùng bát cơm hẩm, Vua tôi, cha con vẫn nhất tâm lo sao qua cơn sóng gió. Sở dĩ vì có hoài cảm ấy mà làm bài thơ trên vậy " .

— (Việt Sử Tiêu Án)

Bài thơ " *Hạnh Thiên Trường Hành Cung* " trên đây của Vua Trần-Thánh-Tông còn ghi nguyên văn khắc vào bức hoành-phi treo ở trên bức Mạc tỉnh Nam-Định, nơi phát-tích của nhà Trần. Văn thơ của Ngài còn lại đủ thấy đượm mùi Thiền-học uyên-thâm .

*Yếu diệu hoa đường trú cảnh trường
Hà hoa sủy khởi bác song lương*

*Viên lâm vũ quá lục thành ác
Tam ngũ Thiên thanh não tịch dương .*

Cảnh mùa hè.
Ngày dài tha thướt cảnh thêm hoa
Thơm mát hương Sen gió thoảng qua
Mưa tạnh cảnh vườn màn xanh phủ
Tiếng ve réo rắt rộn triều ta .

Đây là hồn thơ nhẹ nhàng bàng bạc trong cảnh biểu lộ một tâm-hồn sống động với thiên-nhiên. Nhất là thi-vị Thiên càng tỏ rõ ở bài sau đây một cách bông-bột hồn-nhiên :

*Hạnh an bang phủ
Triều du phù vân kiêu
Mộ túc minh nguyệt loan
Hốt nhiên đắc giai thú
Vạn tượng sinh hào đoan .*

(Sớm ngắm núi mây bay
Tối xem bể trăng chiếu
Chợt hứng niềm mỹ cảm
Muôn hình ngọn thơ gây) .

Đây là vũ-trụ-quan Thiên " *Đồng qui nhi thù đồ* " " L'Unité dans la Diversité " " *Nhất thiết do tâm tạo* " mô-tả một cách linh-động nghệ-thuật vậy.

Tuy đang ngồi ở ngôi Vua, trên ngai vàng trong cung điện, mà lòng tác-giả luôn luôn chuyên chú hồi niệm cảnh-giới thiên-thai lạc-lối trần-gian, ấy là bài " *Cung viên xuân nhật hoài cừ* " :

*" Môn không trần yểm, kính sinh đài
Bách trú trầm trầm thiếu vắng lai
Vạn tử thiên hồng không lạn mạn
Xuân hoa như hử vị thùỵ khai ."*

Vườn Vua ngày xuân nhớ cũ .
(Cửa vắng bụi mờ lối phủ rêu

Im lìm ngày bạc cảnh đìu hiu
Muôn hồng ngàn tiá vườn tươi vắng
Hoa ấy như chờ mở đón ai .)

Hoài-bão qua cảnh thiên-nhiên thấy cái đẹp của tạo-hóa mà mong mỗi tái-ngộ một người bạn tri-âm cũng chính là bản lai diện mục của mình. Muốn có cuộc tái-ngộ ấy, nhà đạo-học Trần-Thánh-Tông phải làm sao vượt qua từ bình-diện ý-thức thông-thường sang một bình-diện ý-thức Thiền (dhyana) như tác-giả đã mô-tả cái thực-nghiệm tâm-linh qua cảnh " *Huyền-Thiên động* " :

*" Vân yểm Huyền-Thiên động
Yên khai Bạch đế gia
Bộ hư thanh tịch mịch
Mã thủ lạc sơn hoa ."*

(Động Huyền-Thiên mây phủ
Khói mờ tường Tây-Thiên
Lần bước trong không tĩnh
Đầu ngựa rung hoa Tiên) .

Đây là ý vị Thiền trong văn thơ của Vua Trần-Thánh-Tông. Không những Ngài có tài văn-chương đạo-học, nhà lãnh-đạo dân-tộc anh-hùng, sau 21 năm trị vì Ngài nhường ngôi cho con là Trần-Nhân-Tông để thế-phát xuất-gia, trụ trì tại chùa Tư-Phúc núi Côn-Sơn tỉnh Hải-Dương, thờ Trúc-Lâm Đại-Đăng, Quốc-sư làm Thầy, tự hiệu là " Vô nhị Thượng Nhân " .

Để có một ý-niệm về trình-độ Thiền-học của Ngài cao đạt thế nào, hãy xem Ngài giới-thuyết về vấn-đề then chốt cơ-bản của triết-học là vấn-đề Động và Tĩnh trong " *Đại Minh Lục* " như ông Hoa-Bằng đã trích-dẫn ở tạp-chí Trí-Tân, mục " Việt-Nam Văn-học Sử " .

*" Động như không cốc phong sao hưởng
Tĩnh nhược hàn đàm nguyệt lậu minh ."*

Nghĩa là : (Dịch Động trong vũ-trụ ví như cái hang trống gió thổi lên âm hưởng vu vu. Yên-Tĩnh khác nào mặt nước lạnh-lẽo ánh Trăng thấu tỏ chiếu sáng) .

Như thế đủ thấy quan-điểm Động, Tĩnh của nhà tâm-lý thực-nghiệm Thiền khác xa với quan-điểm của nhà triết-học trí-thức, coi cái gì Động là không Tĩnh, cái gì Tĩnh là không Động, có cái gì thì không phải không, cái gì không thì không phải có, đối-lập khẳng-định với phủ-định, một cách trừu-tượng suông. Ở đây Động và Tĩnh là hai phương-diện của một quá-trình sinh-thành, trong Động ngụ có Tĩnh, trong Tĩnh ngầm sẵn có Động " Âm trung chi dương, dương trung chi âm ", chính thực-tại sinh-tồn bao-hàm cả Động, Tĩnh, Âm, Dương. Bởi thế nên nhà Thiền-sư Thánh-Tông đã khéo lấy hai hình-ảnh làm mỹ-dụ để giới-thuyết rất thần-tình linh-hoạt rằng Động Tĩnh chỉ là hình-thức tác-dụng của một cái tự-tính bản-lai. Cho nên trong bài Tự-Thuật Ngài có câu :

" Nhận đặc bản lai chân diện mục

Đáo đầu hà xứ bất hưu hưu ."

(Nhận-thức được chân-tính bản-lai của mình vốn có thì ở trường-hợp nào gặp việc gì mà trong tinh-thần chẳng thung-dung .)

Ông Hoa-Bằng trong bài báo trên đây còn viết về Trần-Thánh-Tông rằng:

" Để thuyết minh về chân tâm ấy một cách rõ-ràng hơn, Ngài có nói ở bài " Chân Tâm Chi Dụng " gồm 16 câu, mỗi câu bốn chữ như vậy :

" Cái dụng của chân-tâm nó tinh-táo, nó lặng-lẽ

Không đi, không lại, không bớt, không thêm

Vào lớn được, vào nhỏ được

Xoay thuận được, xoay nghịch được

Động thì như mây bạc

Tĩnh thì như tường vách

Nhẹ như lông, nặng như đá

Sạch lâu lâu, đỏ hơn hồng

Không thể đo lường, không có tông tích ".

Với một nhà Vua lãnh-đạo như thế hèn chi đòi Ngài trong nước chẳng thịnh-trị, nhân-dân các giới đều mộ đạo, như Hòa-Thượng Chân-Nguyên đã tả :
198. Mậu-Ngọ cải hiệu Thiệu-Long (1258)

Trị vì thiên hạ Tây, Đông an nhàn

199. Trần triều dòng đức Vua, Quan

Những Tiên cùng Bụt thế-gian khôn bì

200. Cừu trùng cũng thủ, thùy y
Hưng sùng đạo Bụt, sớm khuya ân cần
201. Trị vì nhị thập nhị xuân
Lại toan học đạo tu thân phát lòng
202. Cho con là Trần-Nhân-Tông
Thay quyền kế vị nối dòng đế-vương
203. Sửa sang quốc chính kỷ cương
Cho cha du thủy, du sơn tu hành
204. Ở chùa Tư-Phúc, An-Sinh
Trì trai thế phát, tụng kinh
205. Đại-Đẳng Quốc-sư là Thầy
Thánh-Tông đắc đạo mừng thay thốt rằng :
206. Tiền đăng lại điểm hậu đăng
Một Bồ Đề nở những lòng ông cha .

Cái đạo-học cao-siêu, uyên-thâm của Trần-Thánh-Tông đã được Tuệ-Trung-Thượng-Sĩ là Thầy của Trần-Nhân-Tông sau này ca-tụng trong bài thơ :
Tụng Thánh-Tông đạo-học.

*" Thánh học cao minh đạt cổ kim
Thiết nhiên long tạng quán hoa tâm
Thích phong ký đắc khai quyền bảo
Tổ ý tương vô lậu thủy châu
Trí bậc Thiên quan thông Thiếu thất
Tình siêu giáo hải khóa Uy âm
Nhân gian chỉ kiến thiên sơn tú
Thùy thích viên đề thâm xứ thâm ".*

(Thánh học cao siêu suốt cổ kim
Kinh tạng thấu hết nghĩa uyên thâm
Hương sen ngát đượm tay nương báu
Ý Tổ thâm sâu tỏ đáy kim
Trí vượt Thánh Thiên vào Thiếu thất
Tình qua bể Giáo, cười Uy âm
Người đời chỉ thấy ngàn non đẹp
Ai lắng nghe tiếng vượn thâm tâm).

TRẦN-NHÂN-TÔNG TÔ THỨ NHẤT,
Thiên-Tông Trúc-Lâm An-Tử

207. Này đoạn Nhân-Tông kể ra
Thánh mẫu là mẹ lòng hòa có nhân
208. Giấc hòe thoát nhập đêm xuân
Chiêm bao xảy thấy, Thần nhân một người
209. Cao cả tượng sứ nhà Trời
Trao cho lưỡng kiếm có lời bảo vay
210. Hoàng-Hậu sức thức đêm chầy
Thấy điềm sự lạ tau bày THÁNH-TÔNG
211. Lòng Vua thấy vậy cực mừng
Bàn mộng thuyết rằng ấy Trời độ ta
212. Từ ngày chiêm bao đã qua
Hoàng-Hậu thụ thai càng hòa tốt tươi
213. Mãn nguyệt no tháng thoát thai
Mình vàng kim sắc tướng tài dạng thay
214. Vua cha thốt bảo rằng vậy
Hay ta có đức sinh nay Bụt vàng
215. Hữu kiến nốt ruồi bên nương
Thuật sĩ xem tướng đoán lường rằng vay
216. Thái-Tử trí cả bằng này
Gánh việc đại khí làm Thày mười phương
217. Cha mẹ dưỡng dụ yêu đương
Đặt hiệu cho chàng là Điều-Ngự Vương
218. Tuổi vừa mười sáu niên phượng
Vua cha định liệu cho thăng trị vì
219. Điều-Ngự hai phen tau quỳ
Khiếm nhường cho em trị vì thay anh
220. Thái-Tử lòng muốn tu hành
Nhận xem phú quý tâm tình nhưng ngưng
221. Tuy ở điện bệ đông cung
Lòng hằng vẫn nhớ tông phong nhà Thiên
222. Sớm khuya bóng nguyệt kê hiên
Chiêm bao đã thấy hoa sen mọc đầy

223. Có người chỉ bảo rằng vay
Ngắm thấy phen này Thái-Tử có duyên
224. Ấy là Phật bảo Hoa Sen
Thái-Tử tự ý những nguyên ăn chay
225. Mặt mũi hình vóc đã gây
Vua cha xem thấy ngày rầy hỏi con
226. Thái-Tử quỳ lạy tâu van
Thánh-Tông nước mắt hòa chan dòng dòng
227. Ai hầu nổi nghiệp Tổ-tông ?
Tuổi cha già cả trong lòng khá thương
228. Thái-Tử nước mắt đượm nường
Phụ tử tình thâm cảm thương hay là
229. Học đạo báo ân mẹ cha
Đêm ấy Thái-Tử thoát ra dữ thành
230. Tìm lên An-Tử một mình
Đến non động Cửu-Thiên minh sáng ngày
231. Giả tướng lộ người thế hay
Vào nằm trong tháp một dây để dừng
232. Tặng tự thấy tướng lạ lòng
Làm bữa cơm thiết cúng dường cho ăn
234. Tìm đôi Thái-Tử chớ chầy
Bắt em thay trị liền tay tức thì
235. Thừa nay Thái-Tử lại về
Vua cha nhường vị cho trì vạn dân
236. Nhị nguyệt vừa năm Mậu-Dần
Cải hiệu Thiên-Bảo Nhân-Tông trị vì (1279)
237. Niệm Bụt Di Đà đêm khuya
Ngày thì xem trị, đêm thì tụng kinh
238. Hương hoa đèn lửa một mình
Chiệu tập Thiên khách vào thành mà tham
239. Huệ-Trung Thượng-Sĩ chỉ nam
Nhân-Tông tác lễ mới tham đạo Thày .

*

TRẦN-NHÂN-TÔNG Với TUỆ-TRUNG THƯỢNG-SĨ . _

Đây là nói về Trần-Nhân-Tông, vị Tổ thứ nhất trong hàng Tam-Tổ của phái Trúc-Lâm An-Tử với Tuệ-Trung Thượng-Sĩ là Thầy của Vua. Theo sách " Thượng-Sĩ hành trạng " trong bộ " Trần Triều Tuệ-Trung Thượng-Sĩ Ngũ-lục ", Tuệ-Sĩ là con đầu của Khâm-Minh Từ-Thiện Thái-Vương, anh cả của Nguyên Thánh Thiên-Cảm Hoàng-Thái-Hậu (con gái An-Sinh Vương Liễu -- Chb. VI, 46). Theo " Hoàng Việt Văn Tuyển " bảo Thượng-Sĩ là con của Hưng-Đạo-Vương. Theo Ngũ-Lục : Buổi đầu khi Thái-Vương mất, Trần-Thái-Tông Hoàng-đế nuôi làm nghĩa-tử, phong tước Hưng-Ninh-Vương .

Thừa nhỏ tư-chất cao sáng, thuần đức nổi tiếng, được ban trấn giữ quân dân hạt Hồng-Lộ (Hải-Dương), hai phen đánh quân giặc Bắc đến xâm-lãng, có công với nước, rồi dần dà thăng lên chức Tiết-Độ-Sứ, trấn giữ cửa biển Thái-Bình .

Về nhân-cách, Thượng-Sĩ có độ-lượng thâm sâu, tinh-thần hòa nhã. Mới đến tuổi để chỏm Ngài đã hâm-mộ Phật-giáo, đến học đạo với Thiền-sư Tiêu-Dao ở Phúc-Đường, lĩnh-hội được tôn-chỉ bèn dốc lòng phụng thờ là Thầy, hàng ngày lấy học luyện Thiền làm vui, không mơ tưởng đến công danh, mới rút lui về phong ấp Tĩnh bang, đổi tên là Vạn-Niên .

Thượng-Sĩ dung-hòa cả Đời với Đạo, đối với sự-vật chưa từng xung-đột bất-bình. Cho nên có thể nối tiếp được dòng đạo pháp, dạy bảo cho người mới học. Có ai hỏi han đều chỉ bảo chỗ cương yếu, khiến cho người ta giữ gìn được tâm tính, tùy theo mà hành vi hay tàng ẩn, không cố chấp vào đâu là danh đâu là thực .

Vua Trần-Thánh-Tông vốn nghe danh từ lâu, sai sứ đến mời vào cung. Trong câu chuyện đối đáp với Vua, Thượng-Sĩ đều siêu tục, nhân đấy nhà Vua tôn Thượng-Sĩ lên hàng sư-huynh, tặng danh hiệu này, sắp sửa vào hàng Thị học. Một hôm Thái-Hậu mở tiệc thịnh-soạn, Ngài gắp gì ăn nấy, gắp thịt cũng cứ ăn. Thái-Hậu thấy lạ hỏi :

_ Anh thuyết Thiền-học mà ăn thịt sao có thể thành Phật được ?

Thượng-Sĩ cười đáp :

_ *Phật tự Phật, huynh tự huynh. Huynh đã bắt yếu tố Phật, Phật đã bắt yếu tố huynh. Bất kiến có đức đạo : " Văn Thù tự Văn Thù, giải thoát tự giải thoát ? "*

Nghĩa là :

_ Phật là Phật, anh là anh. Anh không đòi làm Phật, Phật chẳng đòi làm anh. Chẳng thấy bậc đạo đức xưa nói : " Văn-Thù là Văn-Thù, giải-thoát là giải-thoát đó sao ? "

Đến khi Thái-Hậu qua đời, Thánh-Tông thiết lễ chay ở trong cung, khi mở lễ, Vua xin các vị danh tăng các nơi đến, mỗi người làm một kệ ngắn để trình-bày quan-điểm của mình hiểu về đạo. Kết quả hết thấy còn chưa thoát, đang vương vís không thấu đạt. Nhà Vua bèn trao quyền cho Thượng-Sĩ. Thượng-Sĩ viết một hơi bài tụng tự thuật rằng :

*Kiến giải trình kiến giải
Tự niết mục tác quái
Niết mục tác quái liễu
Minh minh thường tự tại .*

Nghĩa là :

Kiến giải bày kiến giải
Tự trợn mắt làm ma
Trợn mắt làm ma rồi
Sáng lạn vẫn tự tại .

Nhà Vua vừa đọc xong bèn phê tiếp theo sau :

*Minh minh thường tự tại
Diệt niết mục tác quái
Kiến quái bất kiến quái
Kỳ quái tất tự hoại .*

Nghĩa là :

Sáng lạn vẫn tự tại
Cũng trợn mắt làm ma
Có với Không kiến giải
Ma kia thấy tự hoại .

Thượng-Sĩ rất phục ý-nghĩa câu kệ của Vua. Sau Vua không được khỏe, Thượng-Sĩ có thư đến hỏi thăm bệnh tình sức khỏe. Đọc thư Vua trả lời bằng bài kệ rằng :

*" Viêm viêm thử khí hãn thông thân
Vị tăng uyển ngã nương sanh khóa " .*

Nghĩa là :

Hơi nóng bừng bừng mồ hôi thấm suốt mình
Chưa hề thấm ướt cái khó Mẹ sinh ta (Bản lai diện mục) .

Thượng-Sĩ đọc kệ bùi ngủi giờ lâu. Đến khi nhà Vua bình nạng, Thượng-Sĩ sắp sửa về kinh-đô nhưng Vua đã băng hà mất rồi .

Sư Pháp-Loa sau này là đệ nhị Tổ dòng Trúc-Lâm Yên-Tử, khi chưa xuất-gia, có hỏi Thượng-Sĩ rằng :

_ " Chúng sinh dĩ ẩm tửu thực nhục vi nghiệp, như hà hoạch miễn tội báo ?"
_ (Chúng sinh quen cái nghiệp ăn thịt uống rượu, làm thế nào thoát khỏi tội báo ?)

Thượng-Sĩ dạy bảo rằng :

_ " Thiết hữu nhân yên bối lập, hốt hữu nhân vương tòng bỉ bối qua, kỳ nhân bất giác hoặc trịnh thập vật, xúc ú vương thế, kỳ nhân bố phủ ? Thị vương xuân phủ ? Như thị dương tri, bỉ nhị bất tương can dã. Nãi thuật nhị kệ dĩ thị : Vô thường chư pháp hành " .

*" Tâm nghi tội tiêu sinh
Bản lai vô nhất vật
Phi chủng diệt phi sanh
Nhật nhật đối cảnh thời
Cảnh cảnh tòng tâm xuất
Tâm cảnh bản lai vô
Xứ xứ Ba La Mật ."*

Nghĩa là :

_ Ví phỏng có người đứng xoay lưng lại, chợt có nhà Vua đi qua sau lưng y, y không biết hay là cầm vật gì ném vào nhà Vua. Như thế người kia có sợ không ? Nhà Vua có giận không ? Như vậy nên biết rằng hai việc ấy không liên quan gì với nhau cả. Rồi Thượng-Sĩ đọc cho nghe hai bài kệ này :

(Các hiện tượng đổi thay
Lòng ngờ tội có ngay
Vốn xưa không có vật
Mầm giống chẳng mảy may
Đổi mặt cảnh ngày ngày
Theo lòng cảnh phô bày
Cảnh, lòng vốn chẳng có
Ba La Mật khắp đâu đây .)

Tôi (Pháp-Loa) lĩnh ý hồi lâu lại bạch :

_ " *Tuy nhiên như thế, tranh nại tội phúc dĩ chương ?*"
_ (*Tuy nhiên như thế, tội phúc đã tỏ rõ thì làm sao ?*).

Thượng-Sĩ lại dùng lời kệ để giảng dạy :

*" Khiết thảo dữ khiết nhục
Chúng sinh các sở thuộc
Xuân lai bách hoa sinh
Hà xứ kiến tội phúc ."*
(Ăn chay cùng ăn thịt
Chúng sinh ai nấy thuộc
Xuân lại trăm hoa nở
Đâu nào thấy tội phúc ?)

Tôi nói :

_ Thế như giữ giới luật nhà Phật công-phu không chút sao lãng thì để làm gì ?

Thượng-Sĩ mỉm cười không đáp. Tôi (Pháp-Loa) cố xin Thượng-Sĩ lại ấn chứng thành hai câu kệ rằng :

*Tri giới kiêm nhĩn nhục
Chiêu tội bất chiêu phúc
Dục tri vô tội phúc
Phi trì giới nhĩn nhục .*

Hựu vân :

Như nhân thượng thụ thì
An trung tự cầu nguy
Như nhân bất thượng thụ
Phong nguyệt hà sở vi ?

Nghĩa là :

Giữ giới cùng nhân-nhục
Chuộc tội không được phúc
Muôn biết không tội phúc
Chẳng giữ giới nhân nhục .

Lại nói :

Kìa như người leo cây
Đương yên đi tìm nguy
Ví bằng người không leo
Trăng gió có hề chi ?

Rồi Ngài lại bảo kín tôi rằng :

_ Chớ bảo cho người không ra gì biết đây ! Tôi vốn biết tác-phong môn Thiền của Ngài cao siêu. Một hôm tôi hỏi Ngài nguồn-gốc tôn-chỉ Thiền, Ngài liền dạy :

_ " *Phản quan tự kỷ bản phận sự, bất tòng tha đắc !*

_ (Quay về xét nguồn-gốc của chính mình, không thể theo tìm ở vật khác được) .

Tôi bỗng thấy được lối vào đạo, bèn khếp áo thờ Ngài làm Thầy. Hình dung thái độ ngay thẳng làm sao ! Ngài nói về lý huyền-diệu sáng sủa như trăng soi, nhẹ nhàng như gió mát. Đương thời các bậc thạc đức khắp nơi đều bảo Thượng-Sĩ có đức tin thâm sâu hiểu biết sáng tỏ ngược xuôi, thực khó mà lường được .

Sau, nhuộm bệnh ở nhà riêng trang Dưỡng Châu. Ở đây Ngài không ở phòng riêng, kê giường ở giữa nhà trống, nằm theo phép kiết tường, nhắm mắt mà hóa. Người nhà thê thiếp khóc thương thảm thiết. Thượng-Sĩ mở mắt ngồi dậy, sai lấy nước súc miệng rửa tay, xong sẽ trách mắng rằng :

— "*Phù sinh tử lý chi thường nhiên, an đắc bi huyền, nhiều ngô chân dã !*"
— (Ôi, sống chết là cái lý thông thường, sao được đau thương luyến tiếc, quấy rối bản tính chân-thật của ta thế !)

Nói xong yên lặng mà mất, thọ sáu mươi hai (62) tuổi, niên hiệu Trung-Hung thứ 7 Tân-Mão (1291) triều Trần-Nhân-Tông, ngày 1 tháng 4 .

Tôi nay được làm đệ-tử thân-cận của Thượng-Sĩ, có bài đốt nhang báo ân tụng, không ghi ở đây .

Sau khi được truyền nối dòng Thiền của Thượng-Sĩ, hàng ngày mỗi lên đàn khai giảng thuyết pháp nghĩ đến bốn ân, sa đạo khó đền, bèn bảo thợ họa chân-dung Ngài để cúng dường, tự mình làm bài ca-tụng như sau :

*" Giá lão cổ chùng
Nhân nan danh mặc
Lương hoàng khúc xích
Thái đế đặc lịch
Năng phương năng viên
Năng hậu năng bạc
Pháp hải độc nhãn
Thiền lâm tam giác . "*

Nghĩa là :
Bậc thâu đạo xưa ấy
Người khó gọi tên xa
Sà lớn với thước nấc
Chuông xe Vua Thái-Đế
Vuông được tròn cũng được
Dây cũng hay mỏng hay
Bể đạo có một mắt
Rừng Thiền là ba góc .

Trên đây là sự-tích chính-xác về Tuệ-Trung Thượng-Sĩ, do Pháp-Loa là đệ-tử thân-cận ghi lại. Pháp-Loa là Tổ thứ II dòng Thiền Trúc-Lâm Yên-Tử. Dưới đây là những bài thơ kệ tán-dương và ca-tụng tinh-thần nhân-cách vị Cư-sĩ khai-sáng ra dòng Thiền Trúc-Lâm Yên-Tử. Trước hết là Trần-Nhân-Tông

Hoàng-đế, là đệ-tử nói Pháp tu hạnh Đại Đầu Đà phái Trúc-Lâm, tức là Tổ thứ I. Tĩnh-Tuệ Điều-Ngự Giác-Hoàng có bài tụng như sau :

" *Vọng chi di cao
Tán chi di kiến
Hốt nhiên tại hậu
Chiêm nhiên tại tiền
Phù thị chi vị
Thượng-Sĩ chi Thiên* ".

(Ngó lên càng cao
Khen vào càng bền
Chợt thấy đằng sau
Ngắm thấy trước mặt
Ôi thế mới là
Thiền của Thượng-Sĩ !)

Trên đây Vua Trần-Nhân-Tông dùng luận-diệu của Tư-Mã-Thiên xưng tụng Không-Tử, coi như " Vạn thế sư biểu " để tán-dương tinh-thần Thiền của Thượng-Sĩ vì Thượng-Sĩ là sư-phụ của nhà Vua, đã truyền cho nhà Vua cái đạo-lý Thiền cao siêu thâm trầm để nhà Vua khai sáng ra dòng Thiền Trúc-Lâm Yên-Tử mà chính mình là vị Tổ thứ I .

Tổ thứ II là Pháp-Loa cũng lại có bài kệ tán tụng tinh-thần Thiền của Thượng-Sĩ như sau :

" *Á!
Thuần cương dã tự
Sinh thiết chú thành
Xích thiên thôn địa
Nguyệt bạch phong thanh
Đốt !* "

(Á !
Sắt luyện đã xong
Thép sống đúc nên
Trời đất nhỏ bé
Gió mát trăng thanh
Ôi !)

Ở đây Pháp-Loa muốn tán dương công-phu biến-hóa khí chất của Thượng-Sĩ trong khoa Thiền đến trình-độ con người vũ-trụ-hóa như Trang-Tử quan-niệm :

" Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, vạn vật dữ ngã vi nhất."

(Trời đất cùng ta cùng xuất hiện, muôn vật với ta là một thể) .

_ (Tề Vật Luận)

240. Huệ-Trung trở bảo liền tay

Tức tâm thị Phật xưa nay Bụt truyền

241. Tâm là bản thể căn nguyên

Tâm là nhất tự pháp môn thượng thừa

242. Tâm bao bọc hết Thái Hư

Tâm năng ứng dụng tùy cơ trong ngoài

243. Tâm hiện con mắt lỗ tai

Hay ăn hay nói mọi tài khôn ngoan

244. Tâm năng biến hóa chư ban

Vạn pháp cụ túc lai hoàn như như

245. Nhân-Tông Hoàng-Đế Điều Ngự

Nghe Huệ-Trung thuyết ngộ đà viên thông .

Trên đây Thượng-Sĩ đã thuyết cho Trần-Nhân-Tông về giáo-lý cốt-yếu của Thiền là thực-hiện cái Tâm, nguồn-gốc bao-hàm cả Thể hay Bản-thể lẫn Dụng hay Tác-dụng, tức là cái vừa Một vừa Nhiều, cái Tâm "*Đông qui nhi thù đồ*", nghĩa là tồn-tại và sinh-thành đều do một nguồn mà ra, cái nguồn ấy là Tâm-linh vũ-trụ, như bài ca Phật Tâm của Thượng-Sĩ dưới đây đã mô-tả :

" Phật, Phật, Phật ! Bất khả kiến

Tâm, Tâm, Tâm ! Bất khả thuyết

Nhược Tâm sinh thời thị Phật sinh

Nhược Phật diệt thời thị Tâm diệt

Diệt Tâm, tồn Phật thị xứ vô

Diệt Phật, tồn Tâm hà thời yết ?

Dục tri Phật Tâm sinh diệt Tâm

Trực đãi dương lai Di Lặc quyết

Trích vô Tâm, kim vô Phật

Phàm, Thánh, Nhân, Thiên như diện phát

Tâm thể vô thị, diệt vô phi

Phật tính phi hư diệt phi thực
 Hốt thời khí, hốt thời chỉ
 Vãng cổ lai kim đồ nghĩ nghĩ
 Khởi duy mai một Tổ tông thừa
 Cánh khởi yên ma tự da tuý
 Dục cầu Tâm, hư ngoại mịch
 Bản thể như nhiên tự không tịch
 Niết bàn, sinh tử mạn la lung
 Phiền não, Bồ-Đề nhân đối địch
 Tâm tức Phật, Phật tức Tâm
 Diệu chỉ linh minh đạt cổ kim
 Xuân lai tự thị, xuân hóa tiểu
 Thu đáo vô phi thu thủy thâm
 Xã vọng Tâm, thủ chân tính
 Tự nhân tâm ảnh nhi vong kính
 Khởi tri ảnh hiện kính trung lai
 Bất giác vọng tông chân lý bính
 Vọng lai phi thực, diệt phi hư
 Kính thọ vô tà diệt vô chính
 Dĩ vô tội, dĩ vô phúc
 Thổ tử ma ni kiêm bạch ngọc
 Ngọc hữu hà hề, chân hữu loại
 Tính để vô hồng diệt vô lục
 Diệt vô đắc, diệt vô thất
 Tứ thập cửa lai thị thất thất
 Lục độ vạn hành hải thượng ba
 Tam độc cứu tình không lý nhất
 Mặc, mặc, mặc! Trầm, trầm, trầm !
 Vạn pháp phi tâm tức Phật tâm
 Phật tâm khước dữ ngã tâm hợp
 Pháp nhĩ như nhiên cang cổ kim
 Hành diệt Thiên, tọa diệt Thiên
 Nhất đóa hồng lô hỏa lý liên
 Một ý khí thời thêm ý khí
 Đắc an thiện xứ thả an tiện
 Đi, đi, đi! Đột, đột, đột !
 Đại hải trung ân nhân xuất một
 Chú hành vô thường nhất thiết không

*Hà xứ Tiên sư mệnh linh cốt
Tĩnh, tĩnh, trước; trước, tĩnh, tĩnh
Tứ lạng đập địa vật y khuynh
A thùy ư thử tín đăác cập ?
Cao bộ Ti lô đính thượng hành
Hát ! "*

Nghĩa :

(Phật, Phật, Phật, mãi không thấy
Tâm chân Tâm, không thiết giải
Hề Tâm sinh Phật liên sinh
Phật biến đi Tâm cũng đình
Tâm hết Phật còn không có nơi
Phật tắt Tâm còn không có thời
Muốn biết Tâm Phật, Tâm sống chết
Hãy đợi Di-Lặc đến giải-quyết
Xưa không Tâm, nay không Phật
Phàm Thánh, Người, Trời như điện chớp
Thể Tâm không phải cũng không sai
Tính Phật như hư, lại như thật
Chợt hiện lên, rồi chợt dừng lại
Xưa nay, qua lại phỏng theo mãi
Tổ-tông truyền nói há mất đi
Lại hiện yêu ma tự mình quái
Muốn tìm Tâm chớ kiếm ở ngoài
Bản thể như nhiên tự vắng lặng
Niết-bàn, sinh tử ngập lười lòng
Phiền não, Bồ Đề thời đối đãi
Tâm tức Phật, Phật tức Tâm
Lý diệu minh linh suốt cổ kim
Xuân về tự nhiên hoa xuân nở
Thu đến nước thu khắp nẻo thâm
Bỏ vọng Tâm, giữ chân tính !
Như người tìm bóng bóng mất gương
Chẳng biết trong gương mới hiện hình
Nào hay trong vọng tàng chân tính
Vọng kia chẳng thật cũng không hư
Gương nhận không tà cũng không chính

Vẫn không tội, vẫn không phúc
 Lâm sánh Ma-ni với ngọc-bạch
 Ngọc có vết, chân có tì
 Tính vốn không hồng cũng không lục
 Cũng không được, cũng không mất
 Bốn mươi chín cũng là bảy bảy
 Lục độ, muôn hành biển sóng cao
 Tam độc, chín tình giữa trời vàng nhạt
 Lặng, lặng, lặng, chìm, chìm, chìm !
 Tâm muôn pháp tức Phật Tâm
 Phật Tâm hợp với ngã tâm
 Hiện tượng như nhiên suốt cổ kim
 Đi cũng Thiền, ngồi cũng Thiền
 Giữa lò lửa đỏ một bông Sen
 Ý khí mất thời thêm ý khí
 Được nơi an tiện đây là yên
 Chao, chao, chao, Ối, ối, ối !
 Biển cả bọt bèo thôi chìm nổi
 Hiện tượng vô thường hết thấy không
 Tiên Sư linh cốt tìm uổng công
 Tĩnh, tĩnh dậy, dậy, tỉnh, tỉnh !
 Đạp đất bốn bề chớ ngã nghiêng
 Đố ai ở đây tin được kịp
 Cao bước leo lên đỉnh Ti-Lô
 Hô !)

Trên đây là yếu-chỉ Thiền-học Tâm-tông mà Tuệ-Trung Thượng-Sĩ đã giảng cho Trần-Nhân-Tông, bấy giờ còn tại ngôi vị nghe. Và sau khi lĩnh hội thì Nhân-Tông bèn thoái vị mà xuất-gia theo hạnh "Đầu-Đà" .

246. Thừa ầy con là Anh-Tông
 Nhường cho tức vi Hưng-Long hiệu này
247. (1299) Kỷ-Hợi Nhân-Tông ra ngoài
 Quyết lên Yên-Tử tu chùa Hoa-Yên
248. Quần thần nghĩa sĩ dưới trên
 Đưa Vua tu đạo thoát duyên phàm trần
249. Đến chùa Long-Động mới phân
 Dứt trừ phiền não ái ân phát nguyện

250. Nhân-Tông khẩn khẩn lòng tin
Thành tâm trai giới bước lên chiến già
251. Cung tần thể nữ bước ra
Người về phối sắt, kẻ ra kinh kỳ
252. Ai ra kẻ chợ về quê
Canh nông buôn bán làm chi mặc lòng
253. Thế gian vạn sự của chung
Sinh không, tử lại hoàn không những là
254. Rầy Trẫm đầu Phật xuất gia
Trăm đường rũ hết lòng hòa tiếc chi
255. Thị hầu, bà mụ, cung phi
Một đạo chẳng về cảm đức ở đây
256. Lòng Vua thấy vậy thương thay
Phán rằng cho ở một nơi lâm-tuyền
257. Cho nên tích để lưu truyền
Làng Nương, làng Mụ phúc duyên đã chầy
258. Vua ngự Yên-Tử bằng nay
Tụng kinh Thiên định đêm ngày cầu tu
259. Thiên hạ phủ, huyện, lộ, châu
Hung sùng đạo Bụt thành đô trong ngoài
260. Thiên hạ học đạo mọi nơi
Trai tăng kiến Phật nói đời Thiên-tông
261. Thời vừa Giáp-Thìn niên trung (1304)
Đầu Đà hành hóa thăm lòng thế gian
262. Du phương sơn thủy mọi ngàn
Người tôn kẻ báng thế gian sự thường
263. Dân thường chẳng biết Đế-vương
Thế phát học đạo chẳng phương thân mình
264. Dầu ai dễ dãi nhiều hành
Chứng được pháp nhãn, tâm tình vui thay
265. Giảng pháp Nam, Bắc, Đông, Tây
Anh-Tông có biểu thỉnh nay vào thành
266. No mặt trăm quan triều đình
Cùng thụ giáo pháp tu hành làm ni
267. Tại gia tiệm giới tiệm trai
Tác phúc niệm Phật thương loài chúng sinh
268. Khoan nhân mẫu tuất dân tình
Phúc truyền con cháu hiển vinh muôn đời

269. Ngày rằm, một một chớ nguôi
Tiên dâng lục cúng Bụt Trời chứng minh
270. Tây phương cũng được thượng trình
Di-Đà tiếp dẫn hóa sinh liên đài
271. Hoặc người giải-thoát trần ai
Chẳng tham phú quý lẫn tiền lợi danh
272. Xuất gia đầu Phật tu hành
Quả chứng công thành cứu được Tổ-tiên .

Chiếu theo chính sử, thời Vua Trần-Nhân-Tông (1279 - 1292) là thời vận nước ngả nghiêng vì hai phen quân Nguyên đem toàn lực sang xâm chiếm trả thù kỳ đầu thất-bại. Nhưng hai kỳ sau này chúng cũng lại bị đại bại với sức mạnh toàn dân kháng chiến. Vua Nhân-Tông họp Hội-nghị Diên-Hồng (1284), rước Thượng-Hoàng, tự làm tướng đánh giặc, chém Toa-Đô, Nhật-Duật đánh thắng trận Hám-Tử Quan, Hưng-Đạo đánh bại ở Vạn-Kiếp. Lần thứ hai quân Nguyên lại sang với bọn Thoát-Hoan (1287) bị Khánh-Dur đánh bại ở Vân-Đồn, Hưng-Đạo bắt sống Ô-Mã-Nhi, Thoát-Hoan chạy trốn ở trận Bạch-Đằng. Năm 1290 , sau khi toàn thắng quân Nguyên ở phương Bắc, Trần-Nhân-Tông tự làm tướng đánh Ai-Lao ở phương Nam .

Năm 1293, Nhân-Tông nhường ngôi cho con là Anh-Tông để sửa soạn rút lui về núi Yên-Tử sống đời sống xuất-gia. " Việt-Sử Tiêu-Án " của Ngô-Thời-Sĩ viết về Trần-Nhân-Tông rằng :

" Vua Nhân-Tông 16 tuổi làm Thái-Tử đã có chí đi tu, xin nhường ngôi Vua cho em. Vua Thánh-Tông không nghe. Đến khi nhận truyền ngôi, ban ngày thì làm việc nước, ban đêm vẫn tụng kinh, đến đây lại cùng các vị Tăng Pháp-Loa (Đông-Kiên-Cương), Huyền-Quang (Lý-Đạo-Tứ), vân du các núi Yên-Tử, Lô Âm, giảng cứu nội-diễn nhà Phật ...

" Thượng-Hoàng (tức Nhân-Tông) đi tu hành ở Long-Động núi Yên-Tử, từ biệt các cung tần, cho được tự tiện hoặc đi hoặc ở lại, người nào không muốn về quê thì cấp cho nhà ở và ruộng ở chân núi để sinh nhai ..." Thượng-Hoàng học thức uyên bác rất thâm đạo Phật, có làm ra sách : Thiết Chử Ngữ Lục, Tăng-Già Toái Sự, Thạch Thất Ngự Ngữ, còn truyền ở đời ."

— (Việt Sử Tiêu Án)

Cứ như đoạn sử ca trên đây của Chân-Nguyên Hòa-Thượng thì xã-hội Việt-Nam thời bấy giờ từ trên xuống dưới, trong triều ngoài dã không khí sùng tín Phật-giáo cực thịnh, nhờ ở Trần-Nhân-Tông nêu gương chói lọi của người anh-hùng dân-tộc đã hy-sả ngôi Vua mà sống hạnh " Đâu Đà ", thực-hiện tinh-thần Thiền Việt-Nam, hợp-nhất con đường sùng-bái của tình-yêu với con đường thực-nghiệm tâm-linh, tức là Tịnh-độ với Thiền-tông .

273. Lại thuyết sự Tổ nhân duyên
Đầu Đà vãng giác kinh quyền bốn phương
274. Thời vừa khai tuyên Phật tràng
Linh-sơn cảnh giới Thiền đường mọi nơi
275. Đến chùa Sùng-Nghiêm đỗ ngòi
Mở hội thuyết-pháp có lời cho tham
276. Vậy có kệ rằng :

*" Thân như hô hấp tự trung khí
Thế tự phong hành lĩnh ngoại vân
Đỗ quyền đề đoạn nguyệt như họa
Bất thị tâm thường không qua xuân ."*

(Thân như hơi thở mũi ra vào
Đời tựa mây bay thoáng núi cao
Quốc kêu dứt tiếng, trăng như vẽ
Chẳng phải xuân thường bỏ uổng sao ?)

277. Ai ai đã đề cửa nhà
Tìm đi học đạo xuất gia tu hành
278. Chớ còn tham lợi tham danh
Chấp cảnh, chấp giới tranh hành làm chi
279. Vô thường sinh tử bất kỳ
Đạo đức chẳng có ở thì sao an ?
280. Đạo tràng thỉnh vấn hỏi han
Điều-Ngự giảng hết Thiền quan mọi lòng
281. Thị tăng lại hỏi cánh chung ?
Điều-Ngự phó chúc tâm tông cho rầy
282. " Bát tự " đã khai bằng nay
" Tứ mục tương cố " lộ bày viên dung

283. Ấy là mật ẩn tâm tông
Tổ đã truyền lòng chớ có hồ nghi
284. " Bát thức " không tịch vô vi
Chuyển thành " Tứ trí " hỏi thì đã khai
285. " Tam thế " chư Phật Như-Lai
" Tứ mục tương cố " muôn đời chứng chân
286. Tự ý đắc đạo lần lần
Ai ai lĩnh chỉ tu thân độ người
287. Bảo Sát gián Tổ mọi lời
Tôn đức niên lão mạ đời đường xa
288. Nhân-Tông mỉm cười thốt ra
Tứ, Đại, Thủy, Hỏa dầu là có tan
289. Giá cả bản lai bất can
Có đâu sinh diệt hòa toan nhọc mình
290. Lòng ta quảng độ chúng sinh
Đầu Đà khổ hạnh giáo thanh truyền đời
291. Xuân thu vãng giáo mọi nơi
Hạ đông yên tọa lại ngồi non xanh
292. Thập nguyệt, ngũ nhật bình minh
Thiên Thụy công-chúa trong mình phải đau
293. Gia đồng Chiêu Bản lên tâu
Đến Tử-Tiêu am khấu đầu lễ Vua
294. Công-chúa bệnh độc chẳng qua
Nhân-Tông thấy thuyết nói ra lời này
295. Nhân duyên thời tiết vạy vạy
Có sinh có tử xưa nay hằng lẽ
296. Nhân-Tông chống gậy ra đi
Hành giả hộ trì một người chân tay
297. Ba ngày đến kinh-đô rầy
Lập đàn phó chúc một ngày tái quy
298. Đến chùa Cổ-Châu một khi
Cất bút bài đề một kệ chẳng vay :
299. *Thế số nhất tức mặc*
Thời tình lưỡng hải ngân
Ma cung hồn quản thậm
Phật quốc bất thắng xuân

(Đòi người một giây thờ
Tình đời hai bể ngân
Cung ma vây bủa khắp
Nước Phật bốn thời xuân)

300. Ngày sau đến chùa Sùng-Nghiêm
Tuyên từ Thái-Hậu thiết miên thời trai
301. Về đến Hương-Lâm khóa này
Nhức đầu khí liệt chân tay ngại kẻ
302. Tình cò đi qua hai thầy
Tử-Doanh, Hoàn-Trung sức thì mừng thay
303. Nhân-Tông thuyết bảo rằng vay
Lòng ta khóa này muốn đến Ngọc-Vân
304. Hai thầy chấp tay đến gần
Chúng tôi cam lòng hộ niệm đường xa
305. Tu du xảy lên đến Già
Nhân-Tông thuyết bảo mạ qua lời này
306. Chúng bay học đạo chớ chầy
Vô thường hai chữ kíp thay nan ngoài
307. Gọi lần Bảo-Sái cho tao
Có lời như được tiêu hao mọi lòng
308. Hành giả tên là Pháp-Không
Đến Vân-Tiêu tự trong lòng thương thay
309. Nói trình Bảo-Sái cho hay
Tôn Đức thời tiết khóa này chẳng qua
310. Bảo-Sái lòng thương sót sa
Tay cầm kinh giáo xuống tìm mà đi
311. Đường trường lặn lội sơn khê
Đêm đến phải tới một khi nằm rừng
312. Coi thấy hắc vân bài không
Bảo-Sái ngấm được trong lòng biết hay
313. Lên đến Ngọa-Vân khóa này
Điều-Ngự thuyết bảo muợn chầy tao mong
314. Vạn pháp bản lai Chân-Không
Chẳng mặc mỡ pháp mới thông lòng Thiền
315. Một là pháp tính tự nhiên
Bất sinh bất diệt bản nguyên lâu lâu

316. Chư Tổ phó chúc bấy lâu
Ý nghĩa mặt hậu để sau mà dùng
317. Pháp-Loa tao đã truyền lòng
Làm đệ nhị Tổ nối dòng Như Lai
318. Đèn Bụt như lửa mặt trời
Hỏa tinh vô tận mỗi người mỗi cho
319. Bảo-Sái hỏi chúng môn đồ
Ai ai cũng có mình chu trong mình
320. Pháp thân nghiêm hỷ trường linh
Tỳ lô đỉnh thượng tung hoành Thái Hư
321. Thánh phàm, vô hiểm vô dư
Đường đường đối diện, như như thể đồng
322. Giảng hết Thiên chỉ, Tâm tông
Thiên Địa chấn động hư không khóa này
323. Phó chúc ngô thử hình hài
Tượng pháp muôn đời công án độ sinh
324. Thế thế Thích tử tu hành
Điều-Ngự thụ ký công thành nhiều thay
325. Thập nhất nguyệt, mỏng một nay
Tý thời Phật tổ quy Tây Niết-bàn
326. Bảo-Sái phụng phó chúc ngôn
Trà tì phân hóa, hỏa quang ngát trời
327. Pháp-Loa, Bảo-Sái mỗi người
Thu thập ngọc cốt thương ôi những là
328. Tổ đã một ngày một xa
Ai hầu giáo hóa chúng ta sau này ?
329. Dòng dòng nước mắt chảy ngay
Rước về Yên-Tử tháp xây làm tầng
330. Một phần xây tháp Phổ-Minh
Ấy là Phật cốt uy-linh nước này
331. Đòi đòi vua chúa kính thay
Để dân tạo lệ xưa nay phụng thờ
332. Thực dân Tam bảo hoàng nô
Trung lương Nam vực tích xưa Trần triều
333. Quan sang thiên hạ thương yêu
Vì chúng thừa trước đã nhiều nhân duyên
334. Cúng tăng, sự Phật lòng tin
Coi sóc chùa chiền kỳ lạ hương hoa

335. Muôn đời diễm tô quốc gia
Nước có Phật cốt sinh ra Thánh Hiền
336. Nước Nam đẹp được bốn bên
Vì có Phật bảo, Hoàng Thiên hộ trì
337. Đời đời Phật đạo quang huy
Quốc gia đỉnh thịnh càng thì tăng long
338. Nhân-Tông gặp Thầy Tuệ-Trung
Làm đệ nhất Tổ Nam cung nước này
339. Đệ nhị Pháp-Loa bằng nay
Lập đời Anh-Tông đêm ngày yêu đương
340. Đệ tam Tổ sư Huyền-Quang
Truyền cho Minh-Tông lại càng từ bi
341. Dầu ai xem đây xá nghị
Năm Vua, ba Tổ đều thì chứng nên .

Trên đây là kế tiếp cuộc đời thành đạo của Vua Trần-Nhân-Tông, Đệ nhất Tổ trong hàng Tam-Tổ Trúc-Lâm Yên-Tử là Pháp-Loa và Huyền-Quang. Lại chiếu theo chính sử bình-luận về Nhân-Tông :

" Thượng-Hoàng mất ở am Ngọa-Vân, tự hiệu là Trúc-Lâm Đầu-Đà Điều-Ngự Giác-Hoàng. Xưa kia Thượng-Hoàng xuất-gia ở ngọn Tử-Tiêu trong núi Yên-Tử, tự hiệu là Trúc-Lâm Đại-Sĩ, chị gái là Thiên-Thụy đau nặng, Ngài tự đi xuống thăm và nói, nếu chị ở côi âm, xin hãy đợi em. Rồi Ngài về núi đem hậu sự dặn Pháp-Loa, rồi ngồi yên lặng mà hóa. Quả nhiên mất cùng ngày với bà Thiên-Thụy. Pháp-Loa rước lên hỏa-đàn, chấy còn lại 1000 hột xá-lị rước về kinh-đô, Vua (Anh-Tông) lấy làm ngờ, quần-thần xin bắt tội Pháp-Loa. Thái-Tử Chiêu (9 tuổi) hầu ở bên, hốt nhiên trong bọc có vài hạt xá-lị đưa ra xem, kiểm lại trong hộp thiếu chính số hạt ấy. Vua cảm-động khóc, không có ý nghĩ gì nữa .

" Thượng-Hoàng học-thức uyên-bác, rất tinh-thâm đạo Phật. Có một hôm, ở am Ngọa-Vân giục triệu ngay Bảo-Sát. Khi Bảo-Sát đến Doanh Tuyền thấy hai con rồng vàng, lấy làm lạ. Vua nói : “ Ta sắp đi đây, sao ngươi lại đến muộn thế ? ” Ngày sóc trăng 11 trời đất tự nhiên u ám, mưa to, vượn kêu gào, chim hót thảm thương, đến nửa đêm sao sáng vàng vạc, Vua hỏi giờ gì ? Thừa là giờ Tý. Vua nói đây là giờ ta đi, lấy tâm ấn trao cho Pháp-Loa, liền nằm hóa ở am Ngọa-Vân .

" Lại trong năm Trùng-Hung, tạc bia ghi chép các việc, thế là qui mô đi tu đã có ước định sẵn xếp đặt yên cả. Và trong văn bia nói tiên thế nhà Trần vốn người An-Sinh, huyện Đông-Triều, sau di cư đến Tức-Mặc (Nam-Định) cho nên lấy đất An-Sinh làm nơi tu-hành, đó là tâm pháp truyền đời của nhà Trần .

" Vua Nhân-Tông lấy thân người ta là hình-thể của Trời Đất tạo cho, không luyến-tiếp gì nên lúc sắp hóa, mọi việc giao-phó cho các tăng, không một lời nào nói về Tư-Hoàng. Lại có chỗ nói : " Vị Chân Nguyên Thượng Nhân xếp hạng ba vị Tổ là :

Vua Nhân-Tông là Thích-Già tái thế
Pháp-Loa là Ca-Diếp
Huyền-Quang là A-Nan

" Điều-Ngự (tức Nhân-Tông) trút áo rồng, bỏ ngai vàng mà thế-phát tu-hành ở trên núi, tịch tĩnh mà chứng được Chân thừa, dứt trần-tục mà chứng được Chính-giác. Cùng Pháp-Loa có duyên từ mấy đời, từ khi được gặp nhau ở Nam-Sách, rồi cho tên là Thiện-Lai, đi theo thụ-giới và thuyết-pháp tham Thiền, vắng cảnh ở các nơi Linh-Sơn, Long-Động, Sùng-Nghiêm, Vân-Mộng, thoát hết phiền-não mà đến cõi thanh-tịnh, giữ được phẩm-hạnh cao, ngộ được chân-lý. Hết thấy vinh-hoa, phú-quý ở đời không vật gì làm cho động tâm. Thế cho nên Vua Nhân-Tông xuất-gia lên ở trên núi, vui vẻ tự hóa thân ở am Ngọa-Vân. Pháp-Loa thì quên hết thế lợi, nhận lời di chúc, hỏa hóa rồi mới tâu Vua biết, người đời đều khen là đạo-đức cao mà tin lòng. Vua Anh-Tông cũng phải kính-trọng mà không nỡ bắt tội....

" Khi rước di hài Vua Nhân-Tông về táng ở Đức-Lăng, lúc tử-cung (quan-tài) sắp đưa ra, người xem đông chật cả cung, lấy roi mà mở lối đi cũng không được. Vua sai Trịnh-Trọng-Tử dẹp đường. Trọng-Tử đến sân rồng gọi đạo quân Long-Dực hát khúc Long-Ngâm, dân-chúng kéo đến đó xem, cung điện mới rộng chỗ đi được. Lại lấy những câu hát ở dọc đường phổ vào khúc hát, làm cho có tiếng hát liên mãi không cần phải truyền bảo gì, mà khi đi lên, đi xuống, quanh chuyển, không còn lo nghiêng lệch nữa. Người đời bấy giờ khen là có xảo tứ .

" Xá-lị của Vua Nhân-Tông chia làm hai phần :

" Một đưa về táng ở Đức-Lăng, một thì để ở tháp Yên-Tử. Có thầy tăng chùa Siêu-Loại là Trí-Thông, trước kia đốt tay cháy từ bàn tay đến cánh tay, cứ ngồi nghiêm-nhiên không đổi sắc mặt, Vua Nhân-Tông hỏi thì tâu rằng " Thần đốt đèn đó ! ", lửa tắt rồi về tăng-viện ngủ kỹ, đến khi thức dậy, chỗ phỏng lên đều khỏi cả. Đến lúc ấy xá-lị Vua đưa lên để ở Bảo- tháp, thầy tăng ấy liền lên núi hầu hạ . "

_ (Ngô-Thời-Sĩ - " Việt Sử Tiêu Án ")

Trên đây, chính sử cũng như sử ca đều ca-tụng cái thời thịnh-trị của Trần-Nhân-Tông, nhờ có một lớp người lãnh-đạo có thực đức nhân-đạo vì thực-hành đạo Phật Thiên-tông đắc đạo. Bởi thế nên " *Nhất gia nhân nhất quốc hưng nhân* " (Một nhà có đức nhân thì cả nước hưng khởi về đường nhân-đạo). Câu phương-ngôn truyền-tụng trong giới bình-dân Việt-Nam xưa nay " Tam Tổ Thánh Hiền " có lẽ là để nói ca ngợi " Ba Tổ trong Thiên-Tông Trúc-Lâm Yên-Tử " trên đây vậy. Nhưng ngoài vai-trò anh-hùng dân-tộc của Trần-Nhân-Tông, ngoài tấm gương Thánh Chúa của Ngài trong lịch-sử Việt-Nam, còn cái con người nhân-bản toàn-diện mà Ngài đã thực-hiện được với đạo Thiên uyên-thâm, Ba con người làm Một, con người xã-hội, con người thiên-nhiên và con người tâm-lý, cái tâm-hồn ấy đã phản-chiếu rất rõ rệt hiển nhiên vào cái hồn thơ Thiên của Ngài như chúng ta thấy sau đây :

Trong tập " Thiên Tông Bản Hành " có chép bài " Cư Trần Lạc Đạo Phú " bằng quốc-âm của Ngài dài 10 hồi, tưởng nên dẫn cả ra để thưởng-thức hồn thơ Thiên siêu-việt của một vị Đệ Nhất Tổ Trúc-Lâm An-Tử :

Cư Trần Lạc Đạo Phú . -- Thập hội dụng diễn ca quốc ngữ . _

I. _

" Mình ngồi thành-thị, nét tụng sơn lâm
Muôn nghiệp lặng, an nhàn thể tính
Nửa ngày rồi tự tại thân tâm
Tham ái nguồn đình, chẳng còn nhớ châu
Yêu ngọc quý
Thị phi tiếng lắng, được đầu nghe yển thốt canh ngâm
Chơi nước biếc, ăn non xanh, nhân gian có nhiều người đắc ý
Biết đào hồng, hay liễu lục, thiên hạ năng mỡ chúa tri âm
Nguyệt bạch vàng xanh, soi mỗi tổ Thiên hà lai láng

Liều mềm hoa tốt, ngắt con sinh tuệ nhật sơn lâm
Lò hoán cốt, ước phi thăng, đan thần mới phục
Nhắm trường sinh, về thượng giới thuốc quý còn
Sách để xem chơi, yêu tính sáng yêu hơn châu báu
Kính nhàn đọc sách, trọng lòng rồi, trọng nữa hoàng kim ."

II._

" Biết vậy, miễn được lòng rồi chẳng còn phép khác
Gìn tính sáng, tính mới hầu an
Nặng niềm vọng, niệm đành chẳng thối
Dứt trừ Nhân-Ngã, thì ra tướng thực kim cương
Đình hết tham sân, mới liễu lòng mâu Viên-Giác
Tĩnh thổ là lòng trong sạch, chớ còn hỏi đến Tây-phương
Di Đà là tính sáng soi, mưa phải nhọc tìm về Cực-lạc
Xét thân tâm, tuyển tính thức
Khá rằng mong quả báo phô khoe ?
Cầm giới hạnh, địch vô thường
Nào có xá cầu danh bán giáo ?
Ăn rau ăn lạt, nghiệp chẳng hiềm thừa đắng cay
Vận chỉ vận thôi, thân căn có ngại chi đen trắng ?
Nhược chín vui bề đạo đức, nửa gian lều quý nữ thiên cung
Dù hay mến thừa nhân nghĩa, ba phiền ngôi yêu hơn lầu các ."

III._

" Nếu mà cốc, tội ắt đã không
Phép học lại thông, gìn tính sáng mưa lạc tà đạo
Sửa mình học cho phải chính tông
Chỉ Bụt là lòng, sá ám hỏi đòi cơ Mã-Tổ
Vong tài, đổi sắc, ắt tìm cho phải thói Bàn-Công
Áng tư tài, tính sáng chẳng tham
Há vì ở cánh điều Yên-Tử ?
Răn thanh sắc, niệm đành chẳng chuyển
Lọ chi ngồi am sạn non đông
Trần tục mà nên, phúc ấy càng yêu hết sức

Son lâm chẳng cốc, họa kia thực cả nhiệm công
Nguyễn mong thân cận mình sư
Quả Bồ Đề một đêm mà chín
Phúc gặp tình cơ tri thức
Hoa Ưu-Đàm mấy kiếp đâm bông ."

IV._

" Tín xem, miễn cốc một lòng, thời rồi mỗi hoặc
Chuyển Tam độc mới chứng Tam thân
Đoạn Lục căn nên trừ Lục tặc
Tìm đường hóa cốt, chửi sá hay phục được luyện đan
Hỏi pháp Chân Không, hề chi lánh ngại thanh chấp sắc
Biết Chân-Như, tin Bát-Nhã, chớ còn tìm Phật-Tổ Tây, Đông
Chứng thực tướng, ngổ vô vi, nào nhọc hỏi kinh Thiên Nam, Bắc
Xem Tam-Tạng giáo, ắt học đòi Thiên-Uyển thanh quy
Đốt Ngũ phần hương, chẳng tốn đến Chiền đàn đạm bạc
Tích Nhân Nghĩa, tu đạo-đức ai hay này chẳng Thích-Già ?
Cầm giới hạnh, đoạn ghen tham, chửi thực ấy là Di-Lặc ."

V._

" Vậy mới hay, Bụt ở cùng nhà, chẳng phải tìm xa
Nhân khuy bán nên ta tìm Bụt
Đến cốc hay chửi Bụt là ta
Thiền ngổ năm câu, nằm những trong quê Hà hữu
Kinh xem ba biên, ngồi nghe mấy quốc Tân La
Trọng đạo nghĩa, khoáng cơ quan
Dù đột lẩn trường kinh của Tổ
Lánh thị phi, ghê thanh sắc
Ngại chơi bởi dấm liễu đường hoa
Đức Bụt từ bi, mong nhiều kiếp nguyện cho thân cận
Ân Nghiêu khoáng cả, trút toàn thân bỏ việc đã tha
Áo chần miễn đầm ẩm qua mùa
Hoặc kim, hoặc chỉ, cơm cùng gạo đói no đòi bữa
Dù bạch dù xoa, ngăn Bát thức, nặng Bát phong, càng dè càng bội

Lấy Tam huyền, nồng Tam yếu, một cắt một ma
Cầm bản thiếu huyền, sá đàn sách xoang vô sinh khúc
Dịch không có lỗ, cũng phiếm chơi xướng thái bình an
Lấy cội tìm cành, còn khá tiếc Cu Đê trưởng lão
Khua đầu chấp bồng, ắt tham cười Diễn Nhược Đạt Đa
Trút quyền Kim-Cương há mặt hầu thông nên nóng
Nói bồng lật cực, nào tay phải xước tượng đa ."

VI._

Thực thay ! Ai sả vô tâm tự nhiên hợp đạo
Đình Tam nghiệp mới sáng thân tâm
Đạt một lòng thời thông Tổ giáo
Nhận văn giải nghĩa, lạc loài nên Thiền khách bơ vơ
Chúng lý tri cơ, cứng cỏi phải nạp Tăng khôn khéo
Than hữu lậu, than vô lậu
Bảo cho hay
Hỏi Đại Thừa, hỏi Tiểu Thừa
Thừa thẳng dứt rồi tiền tơ gao
Nhấn biết lâu lâu lòng bản
Chẳng ngãi bề thời tiết nhân duyên
Chùi cho vặc vặc tính gương
Nào có nhiễm căn trần huyên não
Vàng chưa hết khoáng
Sá tu chín phen đúc, chín phen rèn, lộc chẳng còn tham
Miễn được một thời trai, một thời chúc
Sạch giới lòng, chùi giới tướng
Nội ngoại nên Bồ-Tát trang nghiêm
Ngay thờ chúa, thảo thờ cha
Đi đố mới trượng-phu trung hiếu
Tham Thiền kén bạn, nát thân mình mới khá hồi âm
Học đạo chờ Thầy, dệt xương óc chưa thông của báo .

VII._

Vậy mới hay ! Phép Bụt trọng thay !
 Luyện mới cốc hay
 Vô minh hết Bồ Đề thêm sáng
 Phiền não rồi đạo-đức càng say
 Xem phỏng lòng kinh, lời Bụt thuyết dễ cho thấy dấu
 Học đòi cơ Tổ, đã Thiên không khôn xét biết nơi
 Cùng căn bản, tả trần duyên
 Mà đề Mỗ hào ly đương mặt
 Ngã thẳng tràng, viễn tri kiến
 Chữa cho còn họa giữa lòng tay
 Bông lửa giác ngộ, đốt hoại bỏ rừng tà ngày trước
 Cầm kiếm trí tuệ, quét cho không tính thức khóa này
 Vâng ân Thánh, Luật Mẹ Cha, thờ Thầy học Đạo
 Mến đức cũ, kiêng bụi ngọt, cầm giới ăn chay
 Cảm đức Từ Bi để nhiều kiếp nguyện cho thân cận
 Đội ơn cứu độ, nát muôn thân thì chịu đắng cay
 Nghĩa hãy nhớ, đạo chẳng quên
 Hương hoa cúng xem còn nên thảo
 Miệng rằng tin, lòng lại rồi
 Vàng ngọc thờ cúng chữa hết ngay .

VIII._

Chùng ấy, chín sá tu luyện, chớ nên tuyệt học
 Lạy ý thức chớ chấp chùng chùng
 Nặng niềm vọng mà còn xúc xúc
 Công danh màng đấm, ấy toàn là những đũa ngậy thơ
 Phúc tuệ kiếm no, chín mới khá nên người thực cốc
 Dựng kiêu độ, xây chiến tháp
 Ngoài trang nghiêm sự tướng hãy tu
 Cương hỷ xả, nhuyển từ bi
 Nội tự tại, Kinh lòng hằng đọc
 Luyện lòng làm Bụt, chín sá tu một sức dùi mài
 Đãi cát thấy vàng, còn lại phải nhiều phen lựa lọc
 Xem Kinh, đọc Lục, làm cho bằng sở thấy sở năng

Trọng Bụt, tu thân dùng mà lỗi một tơ một tóc
 Cũng nơi ngôn cú, chửi chẳng hề một phút ngại lo
 Lật thừa cơ quan, mà còn để tâm hơi đột lục .

IX._

Vậy cho hay !

Cơ quan Tổ giáo tuy khác nhiều đường
 Chẳng cách mổ cương, chửi sá nói tự sau Mã tổ
 Ất đã quen khóa trước Tiêu Hoàng
 Công đức toàn vô, tính chấp si càng thêm lỗi
 Khuyết nhiên bất thức, nghe ngu mắng ắt còn vang
 Sinh Thiên Trúc, chết Thiếu Lâm
 Chôn đôi chân non Hùng nhĩ
 Thân Bồ-Đề, lòng mình kính
 Bia gờ mặt vách hành lang
 Vương lão trăm miếu, lật lay lòng ngự thủ tòa
 Thầy Hồ khu vắng, trở xem trí nhĩ còn sàng
 Chợ lo lắng my mặt quá ưa, chẳng cho mà cả
 Thửa Thạch Đầu đá lạn hết sức, khôn đến sơ đang
 Phá Táo cát cờ, đập xuống đầu thiêng thần vật
 Câu Đề đời ngón, dùng đôi nhịp lũ Ông ương
 Lưỡi kiếm Lâm Tề, nang bí ma
 Trước nạp tăng nô dầu tự tại
 Sư tử ông Đoan, trâu thầy Hựu
 Rắn Đàn Việt liềm sá nghênh ngang
 Đưa phiên tử, cất trúc bệ (lược bí)
 Nghiệm kẻ học cơ quan nhĩ nhần
 Sô hoàn cầu, cầm mộc thược
 Bạn Thiên hòa chúc mộc khoe khoang
 Thuyền Tử Gia chèo dòng xanh, chưa cho tiên tầy
 Đạo Ngô múa hốt càn ma
 Hoàng thế quái quang, Rồng Yên lão nói càn khôn
 Ta xem chửi lệ
 Rắn ông Tồn ngang thế-giới, người thấy ắt dương
 Cây Bách là lòng, thác ra trước phải phương Thái-Bạch
 Bính, Đinh thuộc hỏa, lại lựa sau lối hướng Thiên cương

Trà Triệu lão, bánh Thiền dương, bầy Thiền tử hãy còn đói khát
Ruộng Tào-Khê, vườn Thiếu-Thất, chúng nạp tăng những đồ lưu hoang
Đeo bó củi, nơi bóng đèn nhân mang mãi nét
Lộc đào hoa, nghe tiếng trúc mặc vẻ mà sang

X._

Tượng trúng ý, cốc một Chân Không
Dùng đôi căn khí, nhân lòng ta vương
Chấp khôn thông, há cơ Tổ nay còn sở bí
Chúng Tiểu thừa cốc hay chưa đến
Bụt sá ngăn báu sở hóa thành
Đấng Thượng-sĩ chứng thực mà nên
Ai chia có sơn lâm, thành thị
Núi hoang, rừng quạnh, ấy là nơi dật sĩ tiêu dao
Chiều vắng am thanh, chỉ thực cảnh đạo nhân du hý
Ngựa cao tán cản, Diêm Vương nào kể đũa nghênh ngang
Gác ngọc lâu vàng, ngực tốt thiếu chi người yêu quý
Trang công danh, lòng Nhân Ngã, thực ấy phạm ngu
Say đạo đức, rời thân tâm, định nên Thánh Trí
Mày ngang mũi dọc, tướng tuy lạ, xem ắt vững nhiều
Mặt Thánh lòng phạm, thực cách nhân muôn vàn thiên lý .

Kệ rằng :

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc sơn hê, khôn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tâm mịch
Đối cảnh vô tâm mặc vấn Thiền*

(Trong đời vui đạo sống tùy duyên
Đói tìm ăn mệt ngủ yên
Nơi mình sẵn ngọc tìm đâu nữa
Trước cảnh vô tâm chớ hỏi Thiền) .

Qua bài phú trên đây của Đệ Nhất Tổ Trúc-Lâm Yên-Tử, chúng ta đã có thể thấy được cái tâm-hồn Thiền của Vua Trần-Nhân-Tông, đặc-biệt Việt-Nam ở chỗ thực-hiện Phật ở trong đời sống thực-tế quốc-gia xã-hội, sống hàng ngày

trong từng nhất cử, nhất động, nhất ngôn nhất niệm không rời tâm đạo, đồng-nhất đạo với đời một cách tự nhiên, không chút gò bó gắng gượng, như " đối ăn một ngủ ". Bởi vì đạo Thiền của Ngài là một tôn-giáo hoàn-toàn nhân-bản, lấy sự vô tâm mà hành-động không vì sợ hãi hay là cầu xin Thượng-Đế như một đối-tượng bên ngoài tâm-linh. Giáo-lý hay yếu-chỉ Thiền-Tông ấy đã được Tổ toát-yếu vào đoạn vấn-đáp ngắn đẽ vào giữa hồi thứ IV trong bài phú " Cư Trần Lạc Đạo ", như sau :

Vấn : _ Hà giả thị chân như ?

Thị vấn : _ Trăm tịch viên minh trước Thái Hư !

Hữu vấn : _ Như hà thị Bát Nhã ?

Thị vấn : _ Căn nguyên trí tuệ tự kỳ đã

Hữu vấn : _ Như hà thị Chân Phật ?

Thị vấn : _ Đương cơ đối đáp thị thù vật ?

Hữu vấn : _ Như hà thị Chân Kinh ?

Hữu vấn : _ Đương cơ cử khởi thái phân minh

Hữu vấn : _ Như hà thị truyền phó ?

Thị vấn : _ Sư đệ tử mục giao tương cố

Hữu vấn : _ Như hà thị lĩnh chỉ ?

Thị vấn : _ Phản bản trực nguyên vô nghĩ nghĩ, nhược sinh nghĩ nghĩ, ta qua liễu đã .

Kệ vấn :

Cử kim chính thị ngã

Ngã kim bất thị cử

Nhược năng như thị hội

Phương đắc khế Chân Như

Ngộ tự tâm thị Phật

Cố danh liễu đạt Chân Như

Ngộ tự tâm thị pháp

Cố danh nhất tự pháp môn

Vạn pháp qui nhất

Cố danh nhất thể Như Lai .

Kệ vấn :

Nhất thiết vạn pháp Giai tông tâm sinh

Tâm vô sở sinh

Pháp vô sở trụ

*Nhược đạt tâm địa
Ứng dụng vô ngại
Phi ngộ thương căn
Thân vật khinh hĩa*

Hựu kệ :

*Chân Như Bát Nhã Tông
Nhân Không, ngã diệt không
Quá, hiện, vị lai Phật
Pháp tính bản nguyên đồng*

Hựu vấn :

*Đường đường chân diện mạo
Lộ lộ chủ nhân ông
Bao hàm Thiên Địa ngoại
Quán triệt sát hải trung
Dụng thời thành diệu hữu
Tĩnh xứ thái hư không
Nhân, nhân giai cụ túc
Vật, vật tổng viên thông
Tòng ti linh ngộ đắc
Liêu, hữu tẩu Tây, Đông*

Nghĩa là :

- " Hỏi : _ Chân Như là gì ?
" Dạy rằng : _ Thăm thăm yên lặng sáng soi tràn ngập cả vũ-trụ không " hư vô biên.
" Lại hỏi : _ Bát Nhã như thế nào ?
" Dạy rằng : _ Trí tuệ gốc lớn của tự mình vậy
" Lại hỏi : _ Chân thật như thế nào ?
" Dạy rằng : _ Đương đối đáp về cơ quan là vật gì ?
" Lại hỏi : _ Kinh điển chân thật như thế nào ?
" Dạy bảo : _ Đương nên hỏi về cơ quan rất phân minh
" Lại hỏi : _ Truyền phó giáo lý như thế nào ?
" Dạy bảo : _ Thầy trò bốn mắt nhìn nhau trao đổi
" Lại hỏi : _ Lĩnh hội giáo lý như thế nào ?
" Dạy bảo : _ Quay về gốc tìm theo dễ lớn không suy

" Tính luận bàn, hễ bắt đầu có suy tính luận bàn thì sai lầm quá mất rồi .

" Kệ rằng :

" Nay hấn chính là ta, nay ta chính là hấn, nếu hiểu được như thế thì mới hợp được với Chân Như. Giác ngộ ở tâm mình là Phật, cho nên gọi là đạt thấu Chân Như. Giác ngộ ở tâm mình là pháp, cho nên bảo là muôn pháp chữ Một, thì vạn pháp quy về Một, cho nên gọi là Nhất-thể Như Lai .

" Kệ rằng :

" Hết thấy muôn pháp đều do ở tâm sinh ra. Tâm mà không có cái sinh ra thì pháp không có chỗ căn cứ. Hễ đạt tới bản-thể của tâm thì ứng dụng không có trở ngại. Chẳng gặp bậc có căn cao thì cẩn thận không được nhẹ dạ truyền bảo .

" Lại kệ rằng :

" Đầu mối dòng Chân Như là Bát Nhã. Không có Người thì Ta cũng không có. Quá-khứ, Hiện-tại, Vị-lai Phật, tính pháp gốc nguồn giống nhau, đồng nhất .

" Lại nói :

" Đường đường mặt chân thật, lồ lộ là chủ nhân, bao hàm ngoài cả trời đất, thông suốt vào trong bể xát xát. Khi tác dụng thì thành hiện hữu huyền diệu, đến khi hư tĩnh thì suốt hết hư không vô biên. Người người ai nấy đều đầy đủ, mà muôn vật, vật nào cũng đều thông suốt tràn đầy. Theo đây mà lĩnh ngộ được hết, thôi đừng chạy tìm bên Đông, bên Tây nữa ."

Đây là truyền-thống Thiền Yên-Tử từ Vô-Ngôn-Thông truyền cho Cảm-Thành rồi đến Lý-Thái-Tông đã thực-hiện nối tiếp trong dòng Trúc-Lâm Yên-Tử thích-ứng với tinh-thần dân-tộc là làm việc đời mà tâm hồn vô tư hóa đến giải-thoát vào siêu nhiên " bao hàm ngoài trời đất " " thông suốt trong xát hải vi trần số ", thể dụng hợp-nhất trong quá-trình biện-chứng biến hóa khí-chất như là một lò " hoàn cốt " .

Nhà Vua còn bài ca quốc-âm đề cực tả cái tâm-hồn Thiền một khi đã phối hợp với Thiên-nhiên sau đây :

Đắc Phú Lâm Tuyền Thành Đạo Ca .

" Sinh có nhân thân
Ấy là phúc cả
Ai hay cớ được
Mới rằng là đã
Câu này mà ngâm
Ta lại sá ta
Đắc ý trong lòng
Cười riêng ha hả
Công danh chẳng trọng
Phú quý chẳng màng
Tần Hán xưa kia
Xem đà nhàn hạ
An bề phận khó
Kiếm chốn nương thân
Khuất tích non cao
Nấu mình sơn dã
Vượn mừng hú hý
Làm bạn cùng ta
Vắng vẻ ngàn kia
Thân lòng hỷ xả
Thanh nhàn vô sự
Quét tước đài hoa
Thờ phụng Bụt Trời
Đêm ngày hương hỏa
Tụng Kinh niệm Bụt
Chúc Thánh khấn cầu
Tam hữu, tứ ân
Ta nguyện được cả
Niệm lòng vặc vặc
Giác tính quang, quang
Chẳng còn bỉ thử
Tranh nhân chấp ngã
Trần duyên rũ hết
Thị phi chẳng hề
Luyện một tấm lòng
Đêm ngày đon đả
Ngồi trong trần thế
Chẳng quản sự đời

Văng vẳng ngàn kia
Dầu lòng thông thả
Học đòi như Phật
Cho được viên thành
Xướng khúc vô sinh
An thiên tiêu sái
Ai ai sá cốt
Bằng ảo chiêm bao
Sẩy tỉnh giấc hòe
Chân rơi lã chã
Cốc hay râu ảo
Chẳng khác phù vân
Vạn sự giai không
Tựa đường bọt bã
Dem mình nấu đến
Cảnh vắng ngàn kia
Dốc chí tu hành
Chỉ lời bố bả
Lành người chẳng chứa
Dữ người chẳng hay
Ngậm miệng đắp tai
Hè chi phúc cả
An thân lập mệnh
Thời tiết nhân duyên
Cắt thịt phân cho
Dầu là chim cá
Thân này chẳng quản
Bữa đói bữa no
Địa, Thủy, Hỏa, Phong
Dầu là biến hóa
Pháp thân thường trụ
Phổ mãn Thái Hư
Hiển hách mục tiền
Viên dung khóa khóa
Thiền-tông chỉ-thị
Mục cử đạo tồn
Không cốc truyền thanh
Âm hưởng ứng đã

Su người học đạo
Vô số nhiều thay
Trúc hóa nên rồng
Một hai là họa
Bởi lòng phơ phất
Trở Bắc làm Nam
Nhất chí đầu Thiền
Sát na hết cả .

Kệ rằng :

*" Cảnh tịch an cư tự tại tâm
Lương phong súy đệ nhập tùng âm
Thiền sàng thụ hạ nhất kinh quyển
Lưỡng tự thanh nhàn thẩn vạn kim "*
_ (Trần-Nhân-Tông)

Nghĩa là :

(Lòng thỏa mãn yên nơi cảnh vắng
Gió thoảng đưa vào rặng thông xanh
Ngồi Thiền dưới gốc xem Kinh
Thanh nhàn đôi chữ, xem khinh bạc vàng .)

Thơ Chữ Hán của Trần-Nhân-Tông .

Trên đây, Trần-Nhân-Tông đã mượn tiếng mẹ đẻ để diễn-tả ý vị đạo Thiền qua những trạng-thái kinh-nghiệm trong núi non trời biển Yên-Tử là nơi (Quý địa thứ bốn của Giao-Châu) "*Giao Châu đệ tứ phúc địa*" như sách Tàu đã xưng tụng .

Qua lời ca thành đạo, chúng ta đã hiểu được cái đạo Thiền của Ngài nhằm thực-hiện tâm-hồn vũ-trụ-hóa, không còn phân-biệt sống chết, coi sống chết là thời-tiết nhân duyên, một nguồn sống sinh sinh bất tuyệt. Nguồn sống ấy liên-tục bất phân, là bản-thể quán-thông thế-giới hiện-tượng, tinh-thần cũng như

vật-chất, vừa nội-tại vừa siêu-nhiên (immanent-transcendant) cho nên Một mà Nhiều (L'Unité dans la Diversité). Cho nên đạt đến cái tâm Thiên " một ngón tay, sát na tất cả " tức là đạt tới cái ý-thức " Hiện tại vĩnh cửu " (L'Eternel présent) như " Vạn Hạnh dung tam tế " không còn quá-khứ, hiện-tại, vị-lai nữa vậy. Đến đây là :

*" Xương khúc vô sinh, an Thiên tiêu sái !
An thân lập mệnh, thời tiết nhân duyên ! "*

Trên đây là văn Nôm, chắc làm vào lúc Ngài đã xuất-gia, sống với thiên-nhiên. Nhưng về văn thơ chữ Hán của Ngài lại cũng thâm thúy, nhẹ nhàng hay hùng hồn khi Ngài cùng Vua cha bốn ba chiến đấu quân Nguyên. Trong khi quân Nguyên hùng mạnh rồn rập tiến xuống kinh-đô Thăng-Long, Vua Nhân-Tông phải đi chiếc thuyền nhỏ chạy về Hải Đông. Bấy giờ Quốc-Tuần thống-lĩnh các đạo quân Hải Đông. Ngài khích lệ quân sĩ bằng hai câu lịch-sử :

*" Cối kè cự sự quân tu ký
Hoan, Ái do tồn thập vạn binh "*

(Cối kê nhục cũ ông nên nhớ
Hoan, Ái ta còn mười vạn quân) .

Cái tinh-thần ấy là tinh-thần của một chiến-sĩ dân-tộc, không phải là lãnh-đạm với việc đời. Sau khi Ngài và Thượng-Hoàng dẹp xong giặc, trở về bãi yết Chiêu Lăng, thấy ngựa đã lâm bần, Ngài ứng khẩu mấy câu thơ lịch-sử :

*" Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã
Sơn hà thiên cổ điện kim âu " .*

Đây là khẩu khí của một nhà ái-quốc, tha-thiết với sơn-hà xã-tắc, hành-động phụng-sự dân-tộc, biết nghĩ đến nguồn đến gốc, có thủy có chung, cho nên gặp ngày xuân tiết, Ngài cùng triều thần đến yết Chiêu lăng, nơi yên nghỉ ngàn thu của Trần-Thái-Tông, đề tỏ lòng nhớ ơn Tiên-Đế khai sáng ra nhà Trần, Ngài có bài " Ngũ ngôn " :

*" Trượng vệ thiên môn túc
Y quan thất phẩm thông*

*Bạch đầu quân sĩ tại
Vãng vãng thuyết Nguyên Phong."*

(Ngày xuân yết Chiêu lăng
Nghỉ vệ bày rằm rắp
Mũ áo phẩm chạt đông
Quân sĩ đầu tóc bạc
Luôn miệng nhắc Nguyên Phong .)

Nguyên Phong là niên-hiệu triều Vua Trần-Thái-Tông, mà Vua Nhân-Tông nhắc đến ở đây là có ý nhớ đến công lao Tổ-tiên vậy. Và Ngài cũng không quên nghĩ đến công lao người lính già tóc bạc, đã từng tham-gia vào những chiến-công bình Chiêm, kháng Nguyên trong khoảng những năm Nguyên-Phong. Rồi lại trải qua những năm về sau (1383 - 1387), hai phen quân Nguyên sang trả thù, đầy xéo đất nước đến ngựa đá cũng phải lao đao, đến nay một vài quân-sĩ già nua còn sống sót, khiến Ngài trông thấy mà ngậm ngùi thay .

Thế rồi đến niên hiệu Hưng-Long (1294) Ngài nhường ngôi để xuất-gia đầu Thiền, thỏa mãn tâm-hồn Thiền-sur hằng ấp ủ, như ngụ trong các bài thơ Hán Việt sau đây :

*Xuân vãn .
" Niên thiếu hà tăng liễu sắc không
Nhất xuân tâm sự bách hoa trung
Như kim khám phá Đông hoàng diện
Thiền bản bờ đoàn khán trụy hồng ."*

Chiều xuân .
(Tuổi trẻ sao thông suốt có không ?
Một xuân tâm sự đoá trăm bông
Đến nay thấy rõ xuân trước mặt
Ngồi chiếu Thiền nhìn rụng cánh hồng) .

Nhà Vua sau khi từng-trải thế-sự núi xương sông máu, tuy vào sinh ra tử để bảo vệ giang-sơn một cách anh-dũng để chiến-thắng, nhưng ngấm lại đất nước tuy nguyên vẹn bờ cõi mà không khỏi đau lòng vì tan tành đổ nát, vì nhân-dân điêu-linh. Một buổi chiều xuân, nhà Vua ngồi nghĩ lại những năm đã

qua, có ý hồi tiếc bỏ phí thời-gian hướng ngoại vào đời trần-tục, theo đuổi cuộc đời ảo-hóa mê vọng. Nhưng rồi lại tự tha-thứ cho tuổi trẻ chưa có thể nào ý-thức được nghĩa Sắc Không của nhà Phật, quá tiêu-cực đối với tuổi niên-thiếu. Tuy nhiên tuồng ảo-hóa cũng là cái máy huyền-vi nó từng mở đóng rồi mới hiểu rõ cơ quan, cho nên nhà Vua, sau khi từng trải việc đời, nhận thức đích-xác bộ mặt thật của chúa xuân bấy giờ thực sự mới giải-thoát, không còn thắc-mắc, đứng núi nọ nhìn núi kia, mà thả-nhiên vô-tư ngồi trên chiếu cỏ của nhà Thiền để nhìn sự đời diễn ra trước mắt, không tiếc không thương, không vui không buồn mà tự hiện như nhiên. Đây cũng là thái-độ của ông khách mới xuất-hiện, trong bài " Cảnh Xuân " sau đây :

Xuân Cảnh.

*" Dương liễu hoa thâm diệu ngữ trì
Họa đường thêm ảnh mộ vân phi
Khách lai bất vấn nhân gian sự
Chỉ bạn lan can khán thúy vi ".*

(Liễu biếc hoa đua chim thông thả
Trước thêm mây nổi bóng phát-phơ
Bạn thân hiện đến lãng thế sự
Chỉ tựa bao lơn ngắm trời xa) .

Ông khách hiện đến chẳng phải ai xa lạ mà chính là một Nhân-Tông đã biến-hóa hay là một ý-thức khác của Nhân-Tông, khác với cái ý-thức niên thiếu đã khai phóng khỏi sự đời, tìm hướng lên ý-nghĩa cao siêu của sinh-tồn. Qua mấy câu thơ giàu hình-ảnh nhẹ-nhàng thanh-tú, chúng ta thấy được cái tâm-trạng nhà Vua luôn luôn khao khát cảnh tiên phong đạo cốt, hoài bão bản lai diện mục của mình, không mãn-nguyện với thân thế hiện tại .

Thực vậy, cái tâm hoài niệm bồng-lai tiên cảnh không ở đâu xa bên ngoài mà chính ở tại trong tâm mình, nhà Vua đã mô tả ở bài " Đăng bảo đài sơn " :

*" Địa tịch đài dũ cổ
Thời lai xuân vị thâm
Vân sơn tương viễn cận
Hoa kính bán tình âm
Vạn sự thủy lưu thủy
Bách niên tâm ngữ tâm*

*Ỗ lan hoành ngọc địch
Minh nguyệt mãn hung khâm "*.

Đối cảnh sinh tình, quá-trình biện-chứng Giác-ngộ càng ngày càng tỏ rõ rệt một cách cụ-thể :

(Chón hẻo-lánh làm cho ngôi đèn thêm cổ kính
Bảy giờ mùa xuân chưa muộn, vũ-trụ còn đầy sinh khí
Kìa núi mây phủ ngọn gần, ngọn xa, chập chờn huyền ảo
Đường núi đầy hoa, nửa ánh sáng chiếu lẫn bóng râm che, ẩn ẩn hiện hiện
Đối cảnh phản tỉnh thấy sự đời trôi chảy tựa làn nước, làn sau theo làn trước,
không để lại dấu vết
Cuộc đời người trăm năm lòng tự hỏi lòng, lòng nào là lòng còn mãi, ta nào là ta thật ta ?
Nghĩ tới đây liền tựa bao lon thổi lên tiếng sáo vọng vào núi non mây khói như
hỏi vũ-trụ vô biên
Chợt trong lòng bừng sáng một thứ ánh sáng mát dịu như trăng sáng ngập cả
tâm hồn .)

(Cảnh vắng đèn thêm cổ
Thời qua xuân chưa nồng
Gần xa mấy núi lẫn
Nắng râm đường hoa thông
Sự đời giòng cuộn cuộn
Trăm năm lòng hỏi lòng
Tựa lan thả tiến sáo
Bừng sáng ánh trăng trong .)

Tràn ngập tâm-hồn ánh trắng sáng của Bát Nhã, đúng hơn của Bi-Trí (Prajñā-Karimā) như mỹ-nhân của Tô-Đông-Pha, ngưỡng vọng trên sông Xích-Bích, khác nhau ở chỗ đối với họ Tô thì mỹ-nhân là vàng trắng sáng còn tại một phương trời, mà ở Nhân-Tông thì tràn ngập tại hung khâm, tại chính tâm-hồn mình. Đủ tỏ tín-ngưỡng tâm-linh của vị Tổ Trúc-Lâm Yên-Tử còn cao hơn một bậc so với tín-ngưỡng của đạo-sĩ Tô-Đông-Pha vậy. Ở đây nhà Vua, nhân leo núi thăm ngôi đèn cổ kính, tưởng như đang trải qua lịch-trình biện-chứng Bát Nhã, nhìn ngắm cảnh mây núi trong sương chiều, ánh nắng lồng bóng râm, hoa chen đá, mây với núi ẩn hiện. Từ từ phương Đông trăng lên đỉnh núi, bất giác nhà Vua thấy bừng sáng trong lòng, cảnh với tình, vật với người

đều biến mất chỉ còn lại tâm-hồn trong suốt như gương, lằng lằng vô cánh lên Tiên .

342. Truyền cho thiên hạ bốn bên
Người ta đắc đạo thiên thiên, vàn vàn
343. Nhớ ơn Hoàng Giác Vua qua
Phát lòng tu trước dân gian học cùng
344. Đòi đòi nối đạo Thiên-Tông
Chính pháp truyền lòng, ai được thời hay
345. Tổ đã đắp nôm trồng cây
Mộng Bồ Đề nở sau này càng cao
346. Khai hoa kết quả xao xao
Dõi truyền đất Việt tháp cao trùng trùng
347. Ai không có trí có công
Tu hành ngộ được Tâm tông mới mau
348. Nhân duyên có trước có sau
Ai ai cũng có tính thâm Bồ Đề
349. Hay ăn, hay nói khác chi
Mày ngang mũi dọc xem thì bằng nhau
350. Phật tiên, Phật hậu, trước sau
Bát Nhã huyền chỉ đạo mau Ma-Ha
351. Mệnh mông bề Thích tuy xa
Biết đường vượt tắt đến nhà một giây
352. Lòng Bụt thương chúng sinh thay !
Bách ban phương tiện mở ngay để thờ
353. Bằng người cao trí quán cơ
Thông sao một hộp cạn bờ sông Tây
354. Bảo thực cứu cánh cho hay
" Tứ mục tương cố " thực đầy ân tâm
355. Bụt truyền tự cổ chí kim (căn)
Ai tin giáo-lý tri âm thực thà
356. Xem Thánh đăng lục giảng ra
Khêu đèn Phật-Tổ sáng hòa tám thiên
357. Việt-Nam thắng cảnh Hoa-Yên
Xét tiêu Cực-lạc TâyThiên những là
358. Vĩnh trần cửu phẩm Di Đà
Phản hương chúc Thánh quốc-gia thọ trường

359. Đồi đồi tượng pháp hiển dương
Thiên-long Tam-bảo Tây-phương Phật đường
360. Điều-Ngự, Pháp-Loa, Huyền-Quang
Tam vị Phật-Tổ Nam-bang Trần-triều
361. Hoa-Yên, Long-Động, Vân-Tiêu
Quỳnh-Lâm tượng pháp độ siêu vô cùng .

Trên đây là thành-tích lịch-sử dòng Thiền danh tiếng của Việt-Nam, được nhân-dân truyền-tục qua ba vị Tổ hiển-hách, tục gọi là " Tam-Tổ Thánh Hiền", tức là một Vua Thánh Trần-Nhân-Tông với hai vị Hiền là Pháp-Loa và Huyền-Quang. Trong dòng Thiền Trúc-Lâm Yên-Tử người ta còn tin mà ví Trần-Nhân-Tông như Đức Thích-Ca, nên xưng là Điều-Ngự Giác-Hoàng Tổ Phật, Pháp-Loa như Ca-Diếp và Huyền-Quang như A-Nan .

*

PHÁP-LOA TỔ THỨ HAI dòng Trúc-Lâm Yên-Tử

Tiểu-sử Pháp-Loa có vẻ ly kỳ như có tiền-duyên định trước với nhà Vua Trần-Nhân-Tông, niên-hiệu Hưng-Long thứ 12 (1305), Sư 21 tuổi, Vua Nhân-Tông xuất-gia hạnh Đầu Đà đi ra các miền, dẹp mê-tín nhảm, đem thuốc giáo-lý Phật cứu chữa kẻ có bệnh tinh-thần, cũng để tìm người nối truyền Thiền-học của mình. Khi đến sông Nam-Sách, tỉnh Hải-Dương thì gặp Pháp-Loa đến lễ xin xuất-gia. Vua lần đầu thấy lấy làm lạ bảo : Đứa trẻ này có mắt đạo, về sau ắt có pháp khí, nhân mừng thấy Sư tự đến mới cho tên là " Thiện Lai " bảo theo Hòa-Thượng Tính-Giác học đạo. Nhưng Tính-Giác không giải được cho Sư hết thắc-mắc mới tự mình tìm hỏi vào Kinh Hải-Nhãn, nghe đến : (Bấy nơi chứng thực của Tâm sau hiểu bụi trần là khách) " *Thất xứ chứng tâm hậu khách trần du* ", Sư suy đi nghĩ lại rất lâu, chợt như có chỗ hiểu. Một bữa kia Sư từ nơi Tính-Giác về tham yết Nhân-Tông, gặp khi Điều-Ngự lên giảng đường nêu câu tụng " *Thái dương ô kê* ", Sư như có tỉnh ngộ. Điều-Ngự biết thế mới bảo Sư ở lại bên mình hầu hạ. Một đêm kia, nhân Sư trình lên Điều-Ngự câu tụng Tam yếu, bị Điều-Ngự sỗ toẹt một nét bút. Sư bốn lần xin lời chỉ bảo, Điều-Ngự chỉ dạy tự tìm lấy mà hiểu. Sư vào trong phòng tâm trí đảo điên suy tư đến giờ Tý canh khuya, nhân thấy hoa đèn rụng xuống thành linh giác-ngộ, bèn đem chỗ giác-ngộ trình lên, Điều-Ngự rất khen. Từ đây Sư thệ-nguyện theo hạnh " Thập Nhị Đầu Đà " .

Niên hiệu Hưng-Long thứ 16 (1308) ngày 1 tháng 1 Sư phụng-mệnh trừ trì nối pháp ở chùa Siêu-Loại, mở giảng đường làm lễ các Tổ truyền pháp, họp đại-chúng. Bấy giờ có Vua Anh-Tông, là con Vua Nhân-Tông nối ngôi, ngự đến chùa ấy. Vua Anh-Tông đứng ở vị-trí người khách đàn việc cao nhất ở tại pháp đường, các quan trong triều đứng ở dưới sân chùa. Điều-Ngự lên đàn thuyết pháp. Thuyết xong, Ngài đi xuống mời Sư lên đàn, đứng đối diện chấp tay hỏi Sư. Sư ứng đối xong lễ bái nhận lấy áo cà-sa mặc. Điều-Ngự bèn ngồi xuống giường Thiền, hướng mặt về đại-chúng nghe Sư thuyết pháp, và mệnh Sư nối đời ở chùa Siêu-Loại thuộc sơn môn An-Tử, làm Tổ thứ II dòng Trúc-Lâm. Lại lấy Kinh Sự Ngoại Thư và Kinh Đại-Tạng viết bằng máu giao cho Sư để mở rộng cái học về Đạo và Đời, gọi là " Nội ngoại học ". Năm ấy Sư ở tại

chùa Siêu-Loại phụng sắc nhà Vua truyền thụ cho Hoàng-Thái-Hậu Tuyên Từ cùng Công-chúa trưởng là Thiên-Trình xuất-gia giới Bồ-Tát .

Vua Trần-Anh-Tông sai quan Trung-Thư Thị-Lang Nguyễn-Công-Trứ cấp cho Sư giấy đô điệp " Tăng Thường tùy " (không câu nệ vào luật thông thường), đại khái rằng : Chọn Phật tràng cần nên chọn cho tinh khiết, tìm nơi Phật không tìm ở bên ngoài. Ví như làm Tăng, đã thừa tự đội ơn đạo lớn, kìa sao xếp hàng vào quần-chúng còn nệ vào quy tắc thông thường v.v....

Năm ấy, tháng 11 Vua Nhân-Tông nhập-tịch ở am Ngọa-Vân, Sư hộ-tổng xá-lị về cung an-trí, làm sách " Thạch Thất my ngữ " là tác-phẩm của Vua Nhân-Tông khi về am trên núi đã sáng-tác .

Niên-hiệu Hung-Long thứ 17 (1309) phụng chiếu đến lễ Vu-Lan cho Nhân-Tông, lên đàn thuyết pháp. Tháng ấy Sư tiếp Huyền-Quang và bảo rằng : " Lời di chúc của Điều-Ngự con quên rồi sao ? ". Từ đấy Huyền-Quang theo hầu bên Sư để tham học không rời .

Niên-hiệu Hung-Long thứ 19 (1311) Sư trụ-trì ở chùa Siêu-Loại giảng sách "Truyền Đăng " (Lên thêm vào nhà), Huyền-Quang trình Sư kiến giải, Sư đều bằng lòng. Sư tu sửa thêm 800 ngôi già-lam để phụng-sự Phật pháp, các Vương-công tranh nhau cúng dâng ruộng đất vàng bạc. Từ đó cứ ba năm một lần phổ độ Tăng chúng có tới hơn ngàn. Trong thời kỳ này có cả Đức Bảo Từ Hoàng-Thái-Hậu cùng quan Tư-đồ Văn-Huệ-Vương cũng đều xuất-gia thọ giới. Vua Anh-Tông mỗi khi viết thư đến Sư cũng xưng là đệ-tử, đủ tỏ uy-tín của Thiên-Sư Pháp-Loa mà Nhân-Tông đã chọn làm thừa-tự dòng Thiên Trúc-Lâm Yên-Tử là Tổ thứ II. Ngoài Huyền-Quang là cao đệ của Sư, các đệ-tử danh-tiếng còn có Cảnh-Nguyên, Cảnh-Huy, Huệ-Nhiên, Huệ-Chúc và Hải-Ấn. Nhân đấy Sư sáng-lập ra Quỳnh-Lâm viện và Hồ-Thiên Chân-Lạc am để các cao đệ trụ-trì. Ngoài các cảnh ấy, Sư còn mở thêm các cảnh ở Côn-Sơn và Thanh-Mai-Sơn, đến đâu cũng thành danh lam thắng cảnh. Sư có bài thơ yêu núi Thanh-Sơn rằng :

" *Sơ cầu cùng thu thủy
Sám nham lạc chiếu trung
Ngang đầu khán bất tận
Lại lộ hiệu trùng trùng* " .

(Thừa mông làn thu thả
Vòi vọi trong ánh tà
Ngẩng nhìn tâm vô tận
Trùng trùng đường lại qua) .

Niên hiệu Đại-Khánh thứ V , Vua Anh-Tông xuống chiếu cho Sư giảng " *Tuyệt Đâu Ngữ Lục* ", Vua hạ bút đặc ban cho Sư hiệu Phổ Tuệ Tôn Giả. Từ đây về sau Vua Anh-Tông đối với Sư xưng là đệ-tử, có viết bài tụng trình Sư kiến giải, Sư ấn-chứng cho được. Năm ấy có Trưởng-lão Vô-Phương ở Hồ-Nam là Trí-Tuệ đến, Vua mời Sư đến thù tạc tiếp đãi .

Năm Đại-Khánh thứ VI (1319) Sư mộ Tăng tục thích huyệt viết Đại-Tạng hơn 5000 quyển đặt tại viện Quỳnh-Lâm, sai sa-môn Thiệu-Tử cầu đảo, Sư giảng Kinh " Đại Tuệ Lục " .

Năm Đại-Khánh thứ VIII (1321) viết hậu bạt cho Kinh Đại-Tạng, giảng Kinh Hoa-Nghiêm tại chùa Linh-Sơn Sùng-Nghiêm, cho tô tượng " Đại Bi ngàn tay " .

Năm Đại-Khánh thứ IX (1322) lại giảng Kinh Hoa-Nghiêm chín hội, và Vua Anh-Tông bấy giờ là Thái-Thượng-Hoàng mời Sư soạn sách " Tham Thiền Yếu Chỉ " lại thêm cho tên hiệu là Giác-Minh. Giảng Kinh " Thủ-Lăng-Nghiêm " cho Văn-Huệ-Vương là chức Kiểm Hiệu Tư-đồ lúc bấy giờ. Soạn bổ-túc Trí-Phân-Luật cho ấn-hành và thí-phát gồm 4000 quyển. Văn-Huệ-Vương khi mới xuất-gia, thờ Sư hết lễ đệ-tử .

Năm Đại-Khánh thứ X lại giảng Kinh Hoa-Nghiêm tại chùa Siêu-Loại, Báo-Ân, Quỳnh-Lâm, soạn có chú-thích Kinh Kim-Cương, Trường Đà-La-Ni, định khóa giảng Kinh Đại Niết-Bàn, Pháp-Hoa Kinh, Lăng-Già Kinh và soạn diễn nghĩa " Bát Nhã Tâm Kinh Khóa Sớ ", dịch " Pháp Sư Khóa Văn ", tập " Độ Môn Trợ Thành " .

Năm Khai Thái thứ II (1325) giảng Kinh " Kim Cương Niệm Tụng ", giảng " Tuyệt Đâu Lục ", giảng " Hoa-Nghiêm ". Đại khái công-đức của Sư rất nhiều, uy-tín của Sư rất lớn trong triều cũng như ngoài dã, từ Vua đến các quan và thứ dân, ai nấy đều sùng mộ Sư ở địa-vị Tổ thứ II của dòng Trúc-Lâm Yên-Tử .

Năm Khai-Hựu thứ II (1330) Sư 47 tuổi, đệ-tử có hơn 3000 người đặc pháp, hàng Pháp-sư có 6 người như Tuệ-Nhiên, Tuệ-Chúc, Hải Ấn, đều thực-hành pháp có hiệu-nghiệm cả, còn Hoàng-Tế, Huyền-Giác, Hiện-Kim hầu Sư ở tháp. Năm ấy Sư thọ bệnh nặng suốt bảy tám bữa . Đến ngày thứ 11, ban đêm Huyền-Quang thăm bệnh, Sư đang ngủ say, có một tiếng chú Phạn-ngữ HUM (hoặc là phiên âm Sanscrit cho Uhm), coi như Bồ-Đề toàn tri của chư Phật .

Huyền-Quang nói : _ Ngủ say và giác có thể là một được chăng ?
" *An đắc thụ dã giáo nhất ?* "

Sư đáp : _ Ngủ say với giác là Một, trở về khi cái Ấy không có bệnh .
" *Thụy dã giác nhất, hoàn tha bất bệnh thời !* "

Huyền-Quang thưa : _ Có bệnh với không bệnh có thể là Một được chăng?
" *An đắc bệnh dã bất bệnh nhất ?* "

Sư đáp : _ Có bệnh cái Ấy không liên can, không bệnh cái Ấy không liên can !
" *Bệnh dã bất can tha, bất bệnh dã bất can tha !* "

Huyền-Quang thưa : _ Làm saoặng một khi đã có tiếng nói ?
" *Tranh nại ký hữu ngữ thành hà ?* "

Sư đáp : _ Để ý làm chi gió thổi cây ra tiếng !
" *Quản thậm ma phong thụ thanh !* "

Huyền-Quang thưa : _ Gió thổi qua cây có tiếng, người thì không mê-hoặc. Trong ngủ say nói mê thì có thể làm cho người mê-hoặc. Hoặc nhà Phật cho chúng-sinh đối với các pháp, các hiện-tượng không hiểu tự-tính là Không, mới sinh ra chấp mê. Có hai sự mê-hoặc chính là Kiến-hoặc, như đời là vô-thường lại nhận là thường, và Tư-hoặc, là giác-quan mê say, mắt thấy sắc thì đắm sắc, tai nghe tiếng thì say tiếng, " *Phong quá thụ thanh nhân tắc bất hoặc, thụy trung my ngữ năng hoặc nhân* "

Sư đáp : _ Người ngu si cũng có mê-hoặc tiếng cây !
" *Ai nhân diệc hữu hoặc ử thụ thanh giả !* "

Huyền-Quang nói : _ Chỉ có một cái tật ấy đến chết không khỏi !
" *Chỉ thử nhất tật bất tử nhất liệu !* "

Sư bèn bảo đi đi ! Huyền-Quang bèn ra đi. Từ đây bệnh hơi bớt. Đến ngày 13 Sư về viện Quỳnh-Lâm, nằm ở nhà tịnh cũ. Ngày 19 giữa đêm bệnh lại nặng. Sư bèn lấy áo cà sa Vua Nhân-Tông truyền cho với bài kệ tả tâm giao cho Huyền-Quang bảo phải giữ-gìn lấy. Lại tự tay viết kệ ban cho Cảnh-Nguyên, Cảnh-Huy, Vô-Tế ... Các đệ-tử trước sau vào xin thị kệ hàng ngày, Sư đều viết cho cả, và giải đáp lời hỏi không mõi. Đến ngày 1 tháng 3 , Thượng-Hoàng đến Đền xem bệnh, khi ra bảo :

_ " Làm Tổ Sư tự tại, muốn đi thì đi ngay, muốn ở liền ở, không biết được, còn như xét tới ngôn-ngữ thì chưa phải thấy chứng chết ! "

Mới gọi quan Thái-y đến chữa. Sư cũng chịu uống thuốc không từ chối. Được hai ngày là ngày 2, Sư sai đem Tủ sa-môn cho Thiếu-Tử đến thuyền Vua trình Pháp kệ. Ngày 3 quan Thượng phẩm Phụng ngự vào chận mạch cũng bảo chưa thấy chứng chết ngay. Đến đêm hôm ấy, bệnh trở nên nặng, Huyền-Quang thưa :

_ Xưa nay đều nói chia buồn đau thương, bỏ đi được, giữ lại được .
" Cổ kim đao ngôn ai, phóng hành hảo, bả trụ hảo " .

Sư nói : _ Tất cả đều không liên can .
" Tổng bất can "

Huyền-Quang lại thưa lại : _ Tất cả đều không liên can, bấy giờ như thế nào ?
_ " Tổng bất can thời như hà ? "

Sư đáp : _ Tùy nơi Tát Bà Ha !
" Tùy xứ Tát Bà Ha ! " Nghĩa là chỗ nào cũng toàn trí .

Bấy giờ đệ-tử đến xin rằng : _ Người xưa khi sắp đi hẳn đều có kệ dạy bảo, Thầy sao không có ?

Sư mắng. _ Hồi lâu lại ngồi dạy cầm bút viết :

" Vạn duyên tiệt đoạn nhất thân nhàn
Tứ thập dư niên mộng ảo gian
Trân trọng chủ nhân hưu tá vấn
Nà biên phong nguyệt cách mẫn khoan " .

(Muôn duyên cắt đứt một thân nhân
Hơn bốn mươi năm mộng trần hoàn
Trân trọng các người đừng hỏi nữa
Bên kia trăng gió cảnh thênh thang .)

Viết xong đặt bút xuống yên lặng mà mất vào chính giờ Tý, tuổi 47.
Môn-đồ khâm liệm đem về núi Thanh-Mai, theo lời chúc lúc bình sinh đặt vào
khảm an trí. Thái Thượng-Hoàng ngự bút ban cho Sư hiệu " Tĩnh Trí Đầu Đà
Tôn Giả ", và có thơ vãn rằng :

*" Thuyền thủ trần hoàn dĩ liễu duyên
Giác Hoàng kim lữ đắc nhân truyền
Thanh sơn mạn thảo quàn tàng lý
Bích thụ thâm sương sắc thiếu thiếu
Dạ yếm giảng đường kim cổ nguyệt
Hiếu mê trượng thất hữu vô yêu
Tương đầu trầm giới ta phí tích
Trắc tịu ai chường thê lệ huyền ."*

(Thẳng tay rũ sạch cuộc đời hệ-lụy .
Vua Nhân-Tông đã tìm được người để truyền cho sợi dây vàng của dòng Thiền
Trúc-Lâm Yên-Tử.
Áo quan giấu chiếc dép của Tổ Thiền Đạt Ma còn để ở núi Thanh-Mai cỏ mọc
lan phủ, cây ngọc trong sương dày, con ve đã lột xác.
Giảng đường ban đêm vàng trắng kim cổ bị che lấp.
Nhà tịnh thất soi mê còn đầy mà không khỏi
Ném hạt cải vào đầu kim, khó khăn ôi chẳng tiếc vì đã mấy khi có được vị Phật
trên đời.
Giọt thành bài văn bi thương này, nước mắt ròng ròng !)

Vua Anh-Tông còn đặc biệt đề cao Tổ Pháp-Loa bằng hai câu thơ vãn :

*" Tự tông Pháp Loa khứ thế hậu,
Thiên hạ Thích tử không vô nhân " .*

Và ông Á-Nam Trần-Tuấn-Khải mới đây dịch :

(Pháp-Loa từ bỏ cõi đời

Khấp trong thiên hạ ai người chân tu) .

— (" Tam Tổ Hành Trạng ", bản dịch của Á-Nam Trần-Tuấn-Khải, xb.1971)

Sư thường ngày đêm trì chú, lễ Phật không nghĩ có làm bài nguyện văn vào nghi lễ sáu kỳ, đại ý rằng :

" Chư Phật Bồ-Tát sở hữu hành nguyện, giải nguyên học chi. Nhất thiết chúng sinh hoặc tán hủy, hoặc kính mạn, hoặc thi dữ, hoặc xâm đoạt, xúc mục văn danh giai vô chi, lệnh đẳng Bồ Đề ."

Nghĩa là : (Các Phật và Bồ-Tát có chỗ đức hạnh và thệ nguyện xin nguyện học lấy, hết thấy chúng sinh, hoặc khen hoặc chê, hoặc kính hoặc lòn, hoặc cho đi hoặc chiếm đoạt, tất cả đều chạm vào mắt, nghe thấy tên đều độ cho để được lên cõi Bồ Đề .)

Sư còn làm ra sách " Tham Thiên Chỉ Yếu ", và chú giải các bộ Kinh như: Kim-Cương, Trường Đà-La-Ni, Pháp-Hoa Kinh Khóa, Bát Nhã và Hữu Tâm Kinh Khóa .

Hiện nay di-tích của Tổ Pháp-Loa dòng Trúc-Lâm Yên-Tử ở tại chùa Hương-Hải .

— (Thuật theo " Tam Tổ Thực Lục và Tam Tổ Hành Trạng ")

Trên đây là tiểu-sử và phong thái Tổ thứ II Pháp-Loa Tôn Giả. Trước khi nhập tịch Pháp Loa có đem bộ Pháp-y, của Vua Nhân-Tông là Tổ thứ I trao cho mình ngày trước, trao lại cho Huyền-Quang với bài tâm kệ để nối dòng là Tổ thứ III .

*

HUYỀN-QUANG Tổ Thứ III

Huyền-Quang vốn dòng họ Lý, khi Tổ-phụ là Lý-Tuệ-Tổ còn thời đi học gặp Chiêm-Thành vào xâm-lãng, bèn theo quân nhà Vua đi đánh lập được công, được bổ làm mục dân, ông không nhận chỉ vui thú điền viên, thanh thoi ngày tháng, ham đọc các sách lạ, truyện kỳ .

Huyền-Quang khi mới sinh ra đã có vẻ lạ, dáng mục khôi ngô, cha mẹ rất yêu báu, lo dạy con văn học. Ông học một biết mười có tài á-thánh. Cha mẹ mới đặt tên cho là " Tái Đạo ". Năm 19 tuổi bắt đầu học Phật, rồi thi đậu Tam Giáo Đại Tỉ khoa triều nhà Trần. Từ đấy luôn luôn theo hầu Vua, chuyên việc văn thư trao đổi với sứ Tàu. Một hôm theo Nhân-Tông đến huyện Phương Nhõn, chùa Vĩnh-Nghiêm, thấy Quốc-sư Pháp-Loa thuyết pháp, liền tỉnh ngộ tiền duyên, bèn than :

*" Vi quan đăng bông đảo
Đắc đạo đáo Phổ Đà
Chân thượng nhân gian Tiên dã !
Tây thiên cảnh giới Phật da!
Phú quý vinh thích
Đãi nhược thu thiên hồng diệp
Hạ nhất bạch vân
An đắc cứu mô luyến da ?"*

(Làm quan lên cõi Bông Lai
Đạt đạo thì đến Phật Đà
Ở trung châu là Tiên nhân thế
Đất Tây-Trúc có cảnh giới Phật
Phú quý vinh hoa, chẳng qua lá úa mùa thu,
Sao được luyến ái mãi ta ?)

Dịch vận :

(Làm quan lên đảo Bông-Lai
Phổ-Đà đắc đạo ấy ai sánh cùng

Trung châu trần thế Tiên ông
 Tây thiên cảnh Phật mới mong phỉ nguyện
 Vinh hoa phú quý làm nên
 Thu sang lá úa, bạch vân trời hè
 Sao còn luyến ái làm chi ?)

Nhân đây, hai ba phen dâng biểu lên Vua xin từ chức để xuất-gia tu-hành học đạo. Bấy giờ Phật-giáo đang được nhà Vua sùng mộ nên ông được Vua ưng cho như nguyện. Ông bèn theo học Thiền-sư Pháp-Loa, lấy pháp-hiệu là Huyền-Quang. Vua thường khen : " Ông này có mắt đạo, có thể thành pháp khí được, thật là một Thánh-tăng vậy ! "

Vua bảo đến trụ trì ở núi An-Tử chùa Vân-Yên. Sư học rộng, xem nhiều, rất tinh thâm đạo-lý, tăng ni theo học có tới ngàn người. Từ đây, Vua là Điều-Ngự cùng với Pháp-Loa, Huyền-Quang, ba Thiền-Sư đi khắp trong nước hóa đạo, tục truyền là " Tam Tổ Thánh Hiền " .

Trần-Nhân-Tông, Điều-Ngự Giác-Hoàng Phật, Pháp-Loa Tôn-Giả 1 Bồ-Tát ví với Ca-Diếp, Huyền-Quang Tôn-Giả 2 Bồ-Tát ví với A-Nan .

Nhà Vua sắc chỉ cho Huyền-Quang tu sửa các phẩm Kinh cùng làm các công văn, có ngự bút phê : " Các khoa-giáo Phật từng qua tay Huyền-Quang, một chữ cũng không có thể thêm hay bớt được ", Vua bèn sai cho ấn-hành để truyền lại đời sau. Năm Quý-Mão (1303) Sư đến chùa Báo-Ân giảng Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm, tới về phòng Thiền-định, chợt thấy một đôi chim sẻ trắng đến đậu trên cây trong sân chùa, vừa bay vừa kêu hai, ba lần như có điều gì mừng vui vậy. Sư cho là điềm Trời Đất Cha Mẹ " *Phụ Mẫu đa nương chi Phật* " (Cha Mẹ là Bà Phật Mẹ). Rồi Sư xin về quê thăm Mẹ, nhân dịp dựng chùa, phía Tây là nhà, ở phía Đông, Ngọc-Hoàng đặt tên là chùa Từ-Bi, lấy nghĩa ở chữ Đại Từ Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát, cứu được cha mẹ trở về đạo Phật, nên Sư đặt tên cho chùa này. Đủ tỏ tinh-thần Phật-giáo Thiền đến Huyền-Quang càng hợp chặt chẽ với tinh-thần sùng-bái vậy .

Theo " Tam Tổ Hành Trạng " thì " Năm thứ I niên-hiệu Khai-Thái (1324) sau khi Vua Anh-Tông (không phải Dụ-Tông) nhập diệt, Huyền-Quang liền vâng di giáo sang trụ trì bên cạnh Sơn Viện, dựng lên am Quỳnh-Đông, phỏng theo lối Đức Điều-Ngự đã làm ngày trước. Sau những khi thuyết pháp có thì giờ rỗi, Sư thường ngụ tình vào những bài ngâm vịnh. Khi tịch rồi,

có để lại tập " Ngọc Tiên Tập " do Sư đã soạn ra, song, vì thất lạc không còn giữ được, hiện nay chỉ thấy còn lại một bài làm theo lối cổ-thi và 20 bài theo lối cận-đại ."

_ (Theo " Tam Tổ Hành Trạng " -- bản dịch của Á-Nam Trần-Tuấn-Khải, Saigon 1971)

Trong các bài thơ còn lại của Huyền-Quang, bài ngũ-ngôn chữ Hán " Am Tử-Son Am Tác " đã dẫn dịch ở trên, còn bài đường-luật vịnh chùa " Một Cột " đề là " Diên Hựu Tự Tác ", cho ta thấy được cái ý-thức biện-chứng toàn-diện của nguồn cảm hứng nghệ-thuật Thiền đặc-biệt của vị Tổ thứ III trong phái Trúc-Lâm Yên-Tử, chứng minh sự nối liền hai khuynh-hướng Thiền Việt-Nam là Thiền Thảo-Đường với Thiền Yên-Tử .

Âm :

Diên Hựu Tự Tác

*" Thượng phương thụ dạ nhất chung lan
Nguyệt sắc thu ba phong thụ đàn
Chi vãn đảo diên phùng kính lãnh
Tháp quang song trĩ ngọc tiêm hàn
Vạn duyên bất nhiễm thành già tục
Nhất điểm vô ưu nhãn phóng khoan
Tham thấu thị phi bình đẳng tướng
Ma cung Phật quốc hiếu sinh quan "*

Dịch nghĩa :

Làm ở chùa Diên-Hựu tức Một Cột

(Điện trên chuông vắng tiếng dài lâu,
Ngọn lá bàng son, ánh trăng thâu.
Cu nắp trong mê, gương lộn bóng,
Song song ngọc tháp lạnh nhìn nhau.
Nhân duyên hết quấy, tâm ngăn tục,
Nửa niệm khôn lo, trí rộng sâu.
Thống tỏ thị phi bình đẳng tướng,
Hiếu sinh, Ma, Phật một tình yêu .)

Trong tám câu thất ngôn trình-bày cả một quá-trình biến-chứng của thực-nghiệm sinh-lý, tâm-lý Thiền. Nhà ngòi Thiền trên chùa Một Cột như là ở phương trượng trên cái cột đá đứng giữa hồ nước vuông, trong tựa như tấm gương sáng tượng-trung cho cái Tâm. Cái Tâm ấy đem sức chú ý trở về bản thân nội-hướng. Ngoại-giới hình sắc mờ dần theo tiếng chuông canh khuya tan chìm vào không-trung trời thu trắng sáng. Đây là thế-giới của giác-quan, thế-giới hình-danh sắc-tướng, biến ảo thiên hình vạn trạng, chung qui do một Tâm biểu hiện ra. Chúng do nhân duyên nhau mà có, có một cách tương-đối, nửa thực nửa hư, như bóng con chim cu ngủ mê phản chiếu dưới hồ nước vuông lạnh, trong như tấm gương sáng. Thực-tại, ngoại-giới tuy có mà không thật, như ngọn tháp đối đãi nhau, có không, không có .

Nhà ngòi Thiền cứ trầm-tư nội hướng vào trong bản-thể của Tâm, vào cái " trung " chưa phát động như sách Trung-Dụng của Nho-gia nói : " *Hỷ nộ ai lạc chi vị phát vị chi trung* ", nghĩa là : (Những động-tác của Tâm như mừng, giận, thương, vui chưa phát thì gọi là trung), ví như nước biển với sóng biển. Sóng biển thiên hình vạn trạng, nhưng nước biển chỉ có một, mà hai đàng không rời nhau .

" Thí như bóng biển lớn
Là do gió nổi mạnh
Sóng lớn dậy biển cả
Không có thời đoạn tuyệt
Biển tạng thức thường trụ
Gió cảnh giới khuấy động
Các sóng thức lớp lớp
Xao xuyến và chuyển sinh "
_ (Kinh Lăng Già)

Nhà ngòi Thiền rời khỏi bình-diện giác-quan, đến bình-diện của ý-niệm tư-tưởng, nào nhân quả, nào thị phi, để rồi vượt khỏi bình diện hình danh sắc tướng mà nhập vào nguồn tâm-linh sáng tạo, sinh thành của tình yêu đại-đồng, của đức hiếu-sinh, của Quan-Âm Nữ mà chùa Một Cột với ý-nghĩa Diên-Hựu là tượng-trung cụ-thể cho cái triết-lý " Bất Nhị Pháp " siêu lên trên quan-điểm trí-thức danh-lý Có, Không, Phải, Trái, thiện, ác lưỡng nguyên đối-đãi tương đối vậy. Qua bài thơ trên đây chúng ta thấy Ngài Huyền-Quang đã vào tới cái tâm tục-tồn, vô thời-gian để được nguồn khởi-hứng mỹ-cảm thuần-túy, hợp-nhất cả lý-trí lẫn tượng-tượng, bởi vì cái Tâm Citta của nhà Phật " giống như

một nghệ-sĩ, bởi vì nó tạo nên nghiệp thiên hình vạn tượng " (Citta is like an artist, because it effects manifold Karma) _ (Kasyapaparivarta, 99)

Với cái Tâm Citta nghệ-sĩ ấy, Thiền-sư Huyền-Quang đã mượn thiên-nhiên An-Tử để khai-phóng tâm hồn, tự giải-thoát khỏi vòng tục lụy vào nguồn mỹ-cảm kinh-nghiệm như bài " Hoa-Yên tự phú " chữ Nôm sau đây mà Tổ Chân-Nguyên (1646 - 1726) còn truyền lại của Ngài .

" An-Tử Sơn, Trúc-Lâm Đệ Tam Tổ Huyền-Quang Tôn Giả vịnh Hoa-Yên tự phú. Bát vận thể :

" Bể niêm trần tục
Náu đến Hoa Yên
Chim thụy đội ca chim thụy
Gió Tiên đưa dỗi bước Thần Tiên
Bầu đủng đỉnh giang hòa thế-giới
Hải thông thả dạo khắp sơn xuyên
Đất phúc địa nhận xem luống kẻ
Kể bao nhiêu dư trăm phúc địa
Trời Thiên thiên thập thu thừa lạ
Lạ hơn ba mươi sáu Thiên thiên
Thấy đây đất tựa hoàng liên
Cảnh bằng ngọc đức
Mây năm thức che phủ điện Nghiêu
Núi ngàn tầng quanh co đường Thục
Là đá tảng thê
Đúc một hòn quán bên một hòn
Nước suối chảy lan
Sâu đòi khúc nhưng dò đòi khúc
Cổ miếu gió lọt đàm vui vui
Non tạnh mưa đượm màu thức thức
Ngàn cây phơi cánh phượng
Vườn thượng uyển đoá tốt dòn dòn
Hang nước, miệng hàm rồng
Dạ li châu hột mau mạt mạt
Mùa đông hồ phách sáng khắp rừng thông
Da điểm đồi mồi đồng hòa vườn trúc
Các vẻ tiếng bồ trao thóc

Gió vật đình đình
 Điện ngọc phiến bồi diệp che
 Mưa tuôn rờn rờn
 Cảnh tốt hòa lành
 Đồ tựa vẽ tranh
 Chín ấy trời thiêng mở khéo
 Nhân gì Vua Bụt tu hành
 Hồ sen trưng tán lục
 Suối trúc phiếm đàn tranh
 Ngự sử Mai hai hàng châu lập
 Trượng phu Tùng mây chạnh phù vinh
 Phỉ thúy quây hai hàng loan phụng
 Tử vi bày liệt vị công khanh
 Chim chóc bận cấm hoa dâng cúng
 Vượn bông con kê cửa nghe kinh
 Nương am vắng Bụt hiện từ bi
 Gió hiu hiu
 Mây nhè nhẹ
 Ghé song thưa, Thày ngồi Thiên-định
 Trắng vằng vặc,
 Núi xanh xanh
 Huống chi
 Vân thủy bằng lòng
 Yên hà phải thú
 Vui thay cảnh khác cảnh hoàng kim
 Trọng thay đường hơn đường cẩm tú
 Phân ân ái, am Nào, am Long
 Dứt nhân duyên làng Nương, làng Mụ
 Mặc cà sa, nằm trước giấy
 Màng chi châu đầy lấm, ngọc đầy dương
 Quên ngọc thực
 Bỏ hương dao
 Cấp nạnh cà một thấu, tương một hũ
 Chuân tiết dương tiếng nhạc dôi truyền
 Voi là đá, tính từ chẳng đồ
 Xem phong cảnh hơn cảnh Bà Lôi
 Quây tay kéo chung kéo Thượng ngụ
 Bao nhiêu phong nguyệt về cõi vô tâm

Chơi dẫu nước non, dưỡng đời thánh thọ
 Ta nay ngồi đỉnh Vân-Tiêu
 Cưỡi chơi cánh diều
 Cõi Đông Sơn tựa hòn Kim Lộc
 Xem Nam Hải tựa miệng con ngao
 Nức đài lan nghĩ hương đàn quế
 Nghe Hằng-Nga thét khúc tiêu Thiều
 Quan Thất bảo vẻ bao Bụt hiện
 Áo Văn-Thù tiếng gió Tiên phiêu
 Thầy tu trước đã nên Phật quả
 Tiểu tu sau còn vị Tì khuru
 Thấy đây hồ Thiên lẻ tẻ
 Xem lâu có lẽ
 Tuy rằng học đạo hư vô
 Ngậm một hòn Thiên ngôn nghĩ
 Mở một tấm lòng xét chẳng cùng
 Động tất bông ngàn vàng còn rẻ
 Hẹn đến lâm-tuyền làm bạn
 Bảo rằng ở ai
 Đua khoái lạc chân bước làm kim
 Nhiễm phồn hoa đầu đà bạc tử
 Chẳng những vượn hạc thốt thề
 Lại phải cỏ hoa cười thuy
 Tự đến đây
 Non nước đà quen
 Người từng mấy phen
 Đầu khách dễ lên biển bạc
 Mặt non hé một xanh đen
 Hồ nước giá lựa là lọc nước
 Cửa dậu cây phen trúc cài then
 Đàn khúc nhạc tiếng không tiêu đình
 Vỗ tay ca các lễ lạ liền
 Lạ như ôi !
 Tây trúc nhường nào
 Nam châu có mấy ?
 Non Linh Thứu ai đem về đây
 Cảnh Phi Lai mặt đã thấy đây
 Vào chung cỏi thành thên thên

Thoát lầy lòng phàm thân thấy
Bao nhiêu phong nguyệt
Thề thốt chẳng cùng
Hể cảnh giang sơn
Ai nhận thấy đây !
Từ trước nhãn sau
Thấy sao chép vậy !

Qua bài phú Nôm cổ trên đây, có nhiều tiếng lạ tai, nhưng đại khái chúng ta ngày nay cũng có thể hiểu được địa-vị thiên nhiên núi An-Tử rất trọng đại cho dòng Thiền Trúc-Lâm vì :

" Bao nhiêu phong nguyệt về cõi vô tâm ".

Vô tâm chính là cái đích thực-hiện của nhà Thiền, qua hình ảnh thiên nhiên " *vô sở vi nhi vi* " (không vì cái gì để làm mà làm) như Trần-Thái-Tông đã giải-thích chữ Đạo :

*" Lưu thủy hạ sơn phi hữu ý
Bạch vân xuất tụ bản vô tâm ".*

(Nước chảy xuống khe không cố ý
Mây tuôn hang núi vốn vô tâm) .

Cái vô tâm ấy chính là cái Tâm vũ-trụ (conscience cosmique), cái " *Thiên Địa chi tâm* " mà nhà tu Thiền thực nghiệm tại bản tâm cá-nhân mình. Nhưng để khỏi rơi vào cái không tưởng trừu-tượng hư vô, nhà tu Thiền :

" Ghé song thưa, Thầy ngồi Thiền-định ! "

Thầy mượn cảnh thiên nhiên để trực giác hình tượng trong mỹ cảm kinh-nghiệm ngộ hầu khai phóng cái Tâm cá-nhân vào cái Tâm vũ-trụ vậy .

Tuy rằng học đạo hư vô
Ngậm một hòn Thiền ngôn ngữ
Mở một tấm lòng xét chẳng cùng
Động tác bỗng ngàn vàng còn rẻ

Đây là lấy thiên nhiên để cụ-thể-hóa cái Không Hư (Sunyata) ngõ hầu theo thiên nhiên mà hành động vô cầu, nảy sinh cái Tâm không chấp, vô hạn, cũng như thi-sĩ đạo-học Đồ-Chiêu cận-đại ở miền Nam viết :

" Nước trong rửa ruột sạch trơn
Một câu danh lợi không sòn lòng đây " .
_ (Lục Vân Tiên)

Có rửa ruột, khai phóng ý-thức theo như phong cảnh thiên nhiên và qua thiên nhiên, thì mới nối liền nhất quán Người với Trời, như nhà Thiền đã hiểu tượng-trung bằng chữ Phật = Thiên + Nhân, mà đời sau đã xưng tụng Huyền-Quang .

" Đại giác nhân thiên
Nam độ tam truyền
Khế ngộ Không Hư
Huyền chi hựu huyền " .
(Phật là đại giác Trời Người
Truyền sang Nam Việt ba đời Tổ Sư
Tâm tông hợp nhất Không Hư
Lý Thiền huyền diệu hai bờ vượt qua) .
_ (Tam Tổ Hành Trạng)

*

KẾT-LUẬN CỦA TỔ CHÂN-NGUYỄN

Đến đây là kết-luận bài sử ca dòng Thiền " Trúc-Lâm Yên-Tử " của Tổ Chân-Nguyên .

- 362. Kính khuyên Nam, Bắc, Tây, Đông
Muôn được nên Bụt phát lòng xuất-gia
- 363. Trước là độ lấy thân ta
Sau là cứu được Mẹ, Cha, Tổ, huyên
- 364. Vua Trần tước lộc binh quyền
Người còn thoát để tu Thiền lo xa
- 365. Cứu liên đài thượng khai hoa
Những người niệm Bụt Di Đà Phật danh
- 366. Cùng về Cực-Lạc hóa sinh
Mình vàng vóc ngọc quang minh lâu lâu
- 367. Tiêu dao khoái lạc chẳng ầu
Bất sinh bất diệt ngồi lâu tòa sen
- 368. Hành nơi cổ-tích Thánh Hiền
Đời đời san bản để truyền lưu thông
- 369. Hậu lai ai có hiếu trung
Dầu là ngộ được Tâm tông hạnh này
- 370. Báo ân Phật Tổ mai ngày
Thiệu Long tượng pháp san lai truyền đời
- 371. Công thành quả mãn làm nơi
Vì hay hà đảm Như Lai tông Thiền
- 372. Niêm hoa đã lại khêu đèn
Công ấy muôn ngàn thắng quả cao thay
- 373. Tuệ sách, Như xiển thừa này
San Thiền Tông lại để nay lưu truyền
- 374. Phổ độ pháp giới hữu duyên
Cùng thành chính giác quả viên Bồ Đề
- 375. Mùa xuân đượm ướm vương lê
Cành cao, cành thấp đều thì nở hoa .

Câu này đề minh giải câu vấn đáp ở " Khoá Hư Lục " của Trần-Thái-Tông với Thiền-sư Đức-Thành nước Tống bên Tàu .

Đức-Thành hỏi : _ " *Cổ kim vô dị lộ, đạt đạo cộng đồng đồ. Bệ hạ tương vị đắc đạo độc Thế Tôn ma ?* "

_ (Xưa nay không có khác lối, đạt tới đạo chung cả một đường. Nhà Vua chỉ bảo một mình Đức Thế-Tôn đạt đạo hay sao ?)

Trần-Thái-Tông đáp : _ " *Xuân hữu vô cao hạ, hoa chi hữu đoản trường* "

_ (Mùa xuân không có cao thấp, cành hoa có ngắn dài) .

_ (Khoá Hư Lục " Ngũ Lục Vấn Đáp Môn Hạ ")

Ý nghĩa hàm súc câu vấn đáp Thiền trên là nói đạo Chân Như ví như mùa xuân, không phân biệt giá-trị cao thấp, cao thấp là tự ở chúng-sinh có chí tu đạo hay không. Dù sinh ra có căn cơ dày mỏng khác nhau, nhưng hễ có chí muốn thành Phật thì ai nấy đều thành cả .

- 376. Cho hay Đức Bụt Thích Già
Hóa thân bách ức khắp hòa mười phương
- 377. Hiện ra làm quyền Đế-Vương
Chí Tôn Phật Tổ, Giác Hoàng quốc trung
- 378. Cơ duyên ứng xuất Vương cung
Cơ duyên, mãn hựu hội đồng Linh-Son
- 379. Chân Phật nào có Niết-Bàn
Nghiêm chứng không tịch phục hoàn bản xuyên
- 380. Hóa Phật phụ ký vô biên
" Tứ mục tương cổ " mật truyền Tâm tông
- 381. Ai khôn chớ chạy Tây, Đông
Bôn trì Nam, Bắc luống công mê hôn
- 382. Liễu Ngộ Bất Nhi Pháp Môn
Chân Không, Tự Tính chẳng còn vắng ai
- 383. Điều Ngự cổ Phật tái lai
Tôn giáo trong ngoài phó chúc tôn y
- 384. Thực dòng Lâm-Tế tông chi
Pháp hái vĩnh thùy An-Tử Thiền Lâm
- 385. Đạo truyền tự cổ chí kim
Thánh đăng, Ngũ lục ấn tâm trường tồn

386. Phật đạo vô thượng chí tôn
Quốc gia hữu vĩnh càn khôn vững bền
387. Phổ nguyện pháp giới hữu duyên
Đồng đang cứu phẩm Tây thiên Di Đà
388. Vậy có kệ rằng :

" Tính vốn lâu lâu tri bất tri
Đêm ngày bảo nhậm chữ vô vi
Bụt chử là Vua, Vua là Bụt
Tung hô vạn tuế thọ tăng kỳ "

_ (Trần triều Thiên-Tông Chỉ Nam Truyền tâm Quốc-ngữ Hành)

Trên đây kết thúc sử ca dòng Thiền Việt-Nam " Trúc-Lâm -- Tam Tổ " của Hòa-Thượng Chân-Nguyên Chính-Giác, muốn làm sống lại cho đời sau cái triết-lý sống động của Đạo-học triều nhà Trần, đủ thấy cái sức ảnh-hưởng sâu rộng của Thiền-học trong tư-tưởng truyền-thống Việt-Nam, nhất là Thiền-học " Trúc-Lâm Yên-Tử ". Để chứng-minh điều ấy, xin dẫn bài " Thiền Tịch Phú " sau đây của chính tác-giả Chân-Nguyên, mô tả linh-động cảnh sống Thiền của Hòa-Thượng tại chùa Long-Động trên núi An-Tử .

(Thiền Tịch Phú . _ Chân-Nguyên Tổ-sư trụ-trì An-Tử Sơn Long-Động trú tác.)

Vui thay tu đạo Thích !
Vui thay tu đạo Thích !
Lọ phải thành đo, nào nề truyền thạch
Dù ngôi nơi cảnh trí danh lam
Hoặc ở chốn chùa chiền cổ-tích
Đâu cũng dòng phúc đức trang nghiêm
Đây cũng vốn tu công Thiền tịch
Trước án tiên đăng kinh ba bức
Tô khảm mã não sà cừ
Trên thượng điện Thánh tượng mấy tòa
Vẻ vang san hô hổ-phách
Thần Bát Bộ Kim Cương đứng khắp
Trần phù Vua ai thấy chẳng kinh
Tượng Tam Thân bảo tướng ngồi bày
Ứng hộ chúa cõi nào dám địch

Tả A-Nan Đạo-sĩ vận sa hoa sắc sở vân vi
 Hữu Thổ Địa Long Thần mặc áo gấm lỗ lang xóc xếch
 An thờ Tổ ngói lợp cỏ rom
 Nhà trú Tăng vách vôi tường đá
 Máy bức kẻ chữ triện mực lơ
 Bốn bên điều câu lơ xóc xách
 Góc rộng thềm, chuông đưa vài nhịp
 Niệm Nam Mô nhẹ tiếng boong boong
 Lầu cao tốt, trồng dấy mấy hồi
 Đọc thần chú khua tang cách cách
 Phướn tràng phan nhuộm vàng khè
 Lúc gió đưa phấp phới nhơn nhơ
 Dù phòng bóng rạng đen sì
 Khi chậm mở nhập như thời thích
 Sư quân tử cây trúc ngô đồng
 Độ trượng phu trồng thông trồng bách
 Trăm thức hoa đua nở kẻ hiên
 Bảy giống báu chất đầy kẻ ngạch
 Ngào ngạt mùi sa lan
 Thơm tho hương trầm bạch
 Sãi chung nay
 Mộ đạo tu hành
 Sả đường kinh lịch
 Chí đồ nên Phật Tổ siêu thăng
 Lòng nguyện độ chúng sinh trầm nịch
 Đêm đông trường
 Khi mật niệm
 Gióng tiếng chuông thánh thót leng keng
 Ngày hạ tiết
 Lúc tụng kinh
 Nện dùi mõ khoan mau lịch kịch
 Trân trọng một bề đạo lớn
 Miệng chẳng hiềm ăn đắng, ăn cay
 Vốn yêu hai chữ Từ Bi
 Thân nào quản mặc lành, mặc rách
 Khi diêu dâm chua lòn
 Bữa canh xương lạt thếch
 Mũ viền xô nhuộm mực đen sì

Quần áo vải nàu sòng cũ rách
 Tham tài ái sắc
 Chẳng bao màng thói tục kiêu ngạo
 Cầu đạo sả thân, vốn giữ nét nhà Thiền cực kịch
 Túi để đựng kinh chứa sách
 Túi nào dùng buộc cởi móng rồng
 Dép đi đã bụi cách trần
 Dép chẳng trọng da tàu, hàm ếch
 Gậy nương chống đi dong dăm tuyết
 Gậy chẳng cầu khúc khuỷu cong queo
 Bầu để đựng chứa nước cam lồ
 Bầu lọ phải không khèo ngốc nghếch
 Quây bồ tre
 Cầm quạt trúc
 Nào có hiềm nan cật to đề
 Ngồi chiếu lác
 Tựa giường song
 Cũng chẳng quản dất ken thừa thếp
 Chơi rừng Nho len lỏi suối khe
 Đạo bề Thích luôn tuôn ngòi lạch
 Trà bát đất sẵn đà lưu loát
 Chẳng phải lo củi nấu kỳ cầm
 Bách Tam Thừa vốn đã chứa chan
 Nào có nhọc bột đậm thì thạch
 Quả Bồ Đề ăn ngọt sớt
 Muôn kiếp hằng no
 Hoa Ưu-Bát mùi thơm tho
 Ngàn đời chẳng dễ
 Sang Tây phương bệ ngọc đứng chơi
 Về Đông thổ tòa vàng ngồi trịch
 Bè Từ Bi thânh thânh rộng rãi
 Mặc sức chở người
 Thuyền Bát Nhã thăm thăm bao la
 Giàu lòng độ khách
 Sãi chung nay !
 Khuyên Đấng Đại Thừa
 Bảo loài tiểu chích
 May được gặp mình sư đạo đức

Một phen liền biết
Nào hề chi chữ nghĩa tìm đòi
Phúc lại thấy tri thức bạn lành
Mây chốc mà nên
Lọ là phải văn chương ngóc ngách
Thích Già Phật Tổ năng kiến tính
Ngồi Tuyết Sơn khô khăng gầy gò
Di Lạc tiêu quang bởi vô tâm
Đi vân thủy dầy dà phục phịch
Đức Huệ Nang bát nguyệt thung phường
Tổ Đạt Ma cửu niên điện bích
Thần Quang đoạn tỵ
Lúc còn mê mặt khó dăm dăm
Ca Diếp nhõn đồng
Thoắt chốc ngộ miệng cười khích khích
Dầu người quyết lòng học đạo
Hỏi cho hay sùng thờ lông rùa
Hoặc kẻ dốc chí chân tu
Xem cho biết đầu sỏ thức ếch
Khuyên người ở đời đừng bắt chước sự đời
Trước ra không sau lại về không
Nửa luống công nghĩa tiếc khoan khoan
Bảo kẻ có chí phải theo đời Thánh Trí
Nhân đã tỏ quả càng thêm tỏ
Rồi đắc ý cười riêng khích khích .
_ (Tò Sư Chân Nguyên Chính Giác)

*

TỔNG - LUẬN .

TRIẾT-LÝ THIỀN TRÚC - LÂM AN - TỬ

Thuyết lời, Nguyên Thanh hay là Đại Chân Viên Giác Thanh, lấy làm nguyên-lý sáng-tạo, vốn thuộc về tất cả các đại truyền-thống Tôn-giáo, đặc-biệt là truyền-thống Veda, nghĩa đen là cái Biết Vĩnh-Cửu do Lời, biểu lộ chính là sự biểu-diễn của bản tính tạo-vật .

Khởi ký thủy là thực-hữu (Etre) vô hạn thuần túy bất phân (indifférencié) rồi tự động phân hóa ra thiên hình vạn trạng sự vật cụ-thể .

(In the beginning was the Word, and the Word was with God, and the Word was God. He was in the beginning with God, all things were made through him, and without him was not anything made that was made. In him was life, and the life was the light of men. The light shines in darkness, and the darkness has not overcome it .)

" Ban đầu là Lời, Lời thì cùng với Trời, và Lời là Trời. Lời ban đầu cùng với Trời, muôn vật do Lời Trời tạo nên. Không có Ngài thì chẳng có vật gì được tạo nên cả. Nơi Ngài là sự sống, là Ánh-sáng của loài người. Ánh-sáng soi chiếu vào trong đêm tối, và đêm tối đã không bao trùm được Ánh-sáng ."

Đây cũng như thiên mở đầu sách Lão-Tử :

*" Đạo khả đạo phi thường đạo
Danh khả danh phi thường danh
Vô danh thiên địa chi thủy
Hữu danh vạn vật chi mẫu "*
_ (Lão-Tử)

Nghĩa là : (Chân-lý có thể chỉ dẫn ra được thì chẳng phải cái chân-lý vĩnh cửu. Cái tên thật có thể gọi lên được, thì không còn là cái tên thường còn mãi mãi.

Không có tên là khởi thủy của Trời Đất, không biết từ bao giờ, nghĩa là không có bắt đầu. Có tên gọi là Mẹ đẻ ra muôn vật, vật nọ, vật kia) .

Kinh Dịch luận về nguyên lai của vũ-trụ sinh thành còn rõ rệt hơn, khi qui nguyên vào sự vận động phân hóa .

(易有太極, 是生兩儀,)

" Dịch hữu thái cực, thị sinh lưỡng nghi " .

Biến dịch là vận hành có điều lý vì có nguyên-lý duy-nhất là Thái-cực hay là cái Một vô cùng tuyệt-đối, thế mới sinh ra hai chiều hướng Âm, Dương, lên xuống như sóng nước, như ba động. Cái Một bản-thể ấy là Nguồn Sống không gián-đoạn " Sinh sinh chi vị dịch " (生生之謂易) .

Cái khuynh-hướng vận-động ấy ví như trên mặt nước đang phẳng lặng thuần nhất bất nhị của bản-thể sinh sinh, chưa phân-hóa, tự nhiên nổi lên các làn sóng, phân-hóa ảo-ảnh đa-thù sai-biệt về hình-tượng. Do đấy nổi sinh các bình diện tư duy .

" Hỷ nộ ai lạc chi vị phát vị chi trung "

Các tác-dụng tâm-lý chưa phát-động thì là trạng-thái " trung " của tinh-thần, như trong giấc ngủ say. Ở trạng-thái " trung " ấy thì chưa có cái gọi là tinh-thần và vật-chất, Tâm và Vật, mới ở trạng-thái năng động còn tiềm phục như những mầm chủng-tử ba-động vô giới-hạn của nguồn sinh sinh, chưa phân-hóa, như là thực-thể đồng-nhất của vũ-trụ biểu-hiện .

Năng-động khởi thủy là nguyên lai của vận-động ấy là Khí hay Sinh-khí (Prana hay Shakti) về phương-diện vũ-trụ-luận (cosinologie), mà về phương diện siêu-hình Bất Nhị Pháp thì gọi là Maya : Ảo-hóa Âm, Dương lưỡng nghi, bởi vì năng lực ảo-hóa ấy đã tự tạo ra thế-giới từ cái Bất Nhị, không phải là hai biến thành thiên hình vạn trạng huyền ảo .

Về phương-diện sinh-thành thì ba-động Âm, Dương khởi thủy nhìn ở toàn-thể như là một hình tượng bất phân, tương đương với một ý-niệm, một hình-ảnh tinh-thần. Ý-niệm về mặt biểu-hiện là một liên-hệ của vận-động, nhưng các thành-phần hợp nên một toàn-thể bất phân thuần nhất. Chính những

thành-phần ấy khi được tri-giác, thì hiện ra là hình tướng thể-chất chứ không còn là ý-niệm nữa. Do đây người ta có thể coi tư-tưởng như là nguyên-lý hay là một tổng-hợp các phương-diện lên xuống khác nhau của sự biểu-hiện .

Ở cái thân tiểu thiên địa " *Linh khâm bảo hợp thái hòa* " thì tư-tưởng trở nên sự tổng-hợp của giác-quan trong phạm-vi ngũ-uẩn (5 quan năng). Ở con người thì tri-giác, cũng như ở Hóa-Công, quan-niệm khi nào ba-động thần-kinh ngừng lại thì thể-giới Tâm, Vật lưỡng nguyên cũng tắt, bởi vì trạng-thái không ba-động, trong đó ba-động tinh-thần hay là ý-niệm chìm lắng vào cái " trung ", là bản-thể bất nhị. Ba-động tinh-thần biểu-hiện ra thể-giới hiện-tượng là nguyên do, mà Tự-Tại phản tính có vẻ như khoắc lấy tất cả hình tướng, còn Tự-Tại bất động của ý-niệm đứng chứng kiến một cách khách-quan như Nguyễn-Công-Trứ, trong một lúc phản-tĩnh đã linh-cảm :

" Ngàn muôn năm âu cũng thế ni
Ai hay hát mà ai hay nghe hát ? "

Theo quan niệm ấy thì thiên hình vạn trạng đa thù của thể-giới hiện-tượng chỉ là ý-niệm-hóa nghĩa là ba-động tinh-thần .

" *Tam giới duy tâm vạn pháp duy thức* " .

Nhưng ba-động ấy chỉ là tư-tưởng thì không thể không có một cơ bản nền-tảng để tạo nên ba-động, như nước với sóng vậy. Cơ-bản ấy là thật hữu không lưỡng nguyên mà tự-tại " *Sinh sinh chi vị dịch* " (生生之謂易). Chính trong cái Sinh sinh bất nhị tính ấy mà ba-động tinh-thần, tư-tưởng đã tạo ra đa-nguyên-tính, và chính theo quá-trình ấy mà lưỡng-tính Âm, Dương bắt nguồn trong bất nhị tính .

Nguyên-Nhân Khởi Thủy .

Vận-động đầu tiên bắt buộc phải là vận-động tuần-hoàn, ba-động lên xuống có tiết điệu nhịp nhàng, bởi vì chỉ có vận-động nhịp điệu đi lại *vãng lai* mới quyết-định được chính tiết-độ của nó và mới có thể tự nó có được tự-động, vì chỉ có nó lệ-thuộc vào sự tương-quan của các yếu-tố khác nhau của chính nó

" Âm trung chi Dương, Dương trung chi Âm ". Vậy tất cả các vận-động căn-bản của vũ-trụ đều là những vận-động tuần-hoàn " *Nhật vãng nguyệt lai nhi minh sinh yên* ". Đây là ba-động có thể phô diễn bằng tiết điệu thứ tự hay là bằng quan-hệ của hàng liệt số " *nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật* ".

Chúng ta có thể coi mỗi yếu-tố khác nhau của vận-động nguyên-thủy như là nguyên-nhân đầu tiên của biểu-hiện. Bởi thế mà chúng ta có thể gán vai-trò ấy cho cái tồn-tục hay liên-tục bất nhị sinh sinh, tính tồn tồn, tính thiên-mệnh (Brahma) hay khí-lực, năng-lực (shakti) " *Khí vận sinh động* " hoặc cho những con số nguyên-lý tiết điệu, hoặc cho tư-tưởng nguyên-lý hình tướng, hoặc cho ba-động, hoặc cho không-gian (Akaşa) trong đó phát-triển vận-động kia. Tất cả đường lối cận đạo khác nhau ấy (Darşana) đã đẻ ra các môn-phái, các quan-điểm siêu-hình-học Ấn-Độ .

Ba Hình-Thức Ba-Động .

Sự biểu-hiện tự bản-tính của nó bắt đầu bằng một vận-động có tiết-điệu, nhịp-điệu hay là ba-động. Vận-động ấy có ba phương-diện :

- 1/_ Ba-động Ý-niệm
- 2/_ Ba-động Thể-chất
- 3/_ Ba-động Âm-thanh .

Ba-động Ý-niệm ở tư-tưởng truyền-thống Ấn-Độ là một vận-động điều-tiết của Brahma, của Ý-thức tĩnh, vận-động toàn-thể vị phân có thể tri-giác được như là một hình-ảnh, một ý-tưởng. Ở Kinh Dịch Trung-Hoa ấy là " *Tại thiên thành tượng tại địa thành hình* ", khi ở trong cái " *Tâm thiên địa* " chưa phân-hóa " *Thái cực vị phân* " .

Ba-động Thể-chất tựa như vận-động Ý-niệm mà nó là phóng chiếu đa-thù trên bình-diện có thể tri-giác được, là bình-diện các yếu-tố và giác-quan " *Tại địa thành hình* " .

Thể-chất vũ-trụ thực ra chỉ là ảo-ảnh cụ-thể-hóa của ý-niệm thành một vai-trò ba-động. Ngoài ý-niệm vốn là tri-giác về toàn-thể vị-phân, chúng ta tri-giác qua năm giác-quan riêng biệt, năm phương-diện phân-hóa khác nhau của

sự biểu-hiện. Đây là phạm-vi của ngũ-uẩn. Nhưng cũng còn có những giác-quan khác nữa để tri-giác những phương-diện khác của sự biểu-hiện .

Ba-động Âm-thanh là một liên-hệ hay là vận-điệu vừa ý-niệm vừa hình-tượng cụ-thể. Nó là liên-lạc để hợp-nhất tư-tưởng với thể-chất cụ-thể-hóa của nó. Đây là công-thức bằng toán-số để phân-tích ý-niệm và thể-chất. Và có thể đạt tới về mặt nọ cũng như mặt kia, đặc-biệt như ở âm-thanh của Nhạc có thể tri-giác được như là biểu-diễn ý-niệm hay là biểu-diễn những liên-hệ ba-động vật-lý .

Ba phương-diện ấy của ba-động khởi thủy thì tương-đương với ba yếu-tố bất phân, hợp thành bản-tính của Brahma : Sat = Có thật ; Chit = Ý-thức ; Ananda = Hoan-hỷ, lạc lạc .

Phương-diện Thực-tại (Sat) xuất-hiện ba-động ý-niệm.

Phương-diện Ý-thức (Chit) xuất-hiện ba-động thanh-âm.

Phương-diện Hoan-lạc (Ananda) xuất-hiện ba-động thể-chất .

Theo truyền-thống Trung-Hoa Ba phương-diện của vũ-trụ ấy được toát-yếu ở đầu sách " Trung Dung " như sau :

喜怒哀樂之未發謂之中 發而皆中節謂之和 中也者
天下之大本也 和也者天下之達道也 致中和天地位焉
萬物育焉

" Hỷ nộ ai lạc, chi vị phát vị chi Trung, phát nhi gia trung tiết vị chi Hòa. Trung dã thiên hạ chi đại bản dã. Hòa dã giả thiên hạ chi đạt đạo dã. Trí Trung Hòa, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên " . _ (Trung Dung).

(Những tác-dụng của tâm như mừng, giận, thương, vui, chưa nổi dậy gọi là " Trung ". Nổi dậy mà điều hợp với tiết-điệu thì gọi là " Hòa ". Trung ấy là gốc lớn của thế-giới. Hòa ấy là kết-quả tối cao về đạo-lý của thế-giới. Trọn vẹn đến mức Trung Hòa thì Trời, Đất an vị, muôn vật sinh nở) .

Cái không biểu-hiện (Vô cực 無極) với cái điểm cùng cực (Thái-cực 太極).

Sự hợp-nhất của (Khí : 氣 Prana) hay là Năng-lực với cơ-bản liên-tục bất-dịch thành ra tính-dục sáng-tạo, nó làm nảy-sinh ra cái vũ-trụ tiềm-tàng hay

là " *Thái cực vị phân* ". Vũ-trụ là một điểm cùng-cực " *Thời Không* " (空時) như truyền-thống Á-Đông đã định-nghĩa :

" *Tứ phương thượng hạ vị chi vũ, cổ vãng kim lai vị chi trụ* " (Bốn phương và trên dưới gọi là không-gian, xưa đi nay lại gọi là thời-gian). Điểm chung phân-giới giữa cái chưa biểu-hiện và cái biểu-hiện, đây là điểm Thái-cực gặp gỡ giữa hai bình-diện của sự-vật tất nhiên phải có hai phương-diện. Nhìn ở Nguyên-nhân thì nó là chủng-tử nguyên-thủy, là nguyên-lý. Nhìn ở thành quả thì nó là điểm chung cực " *Nguyên thủy yếu chung* ". Và nó là khởi-điểm của Ba-động đầu tiên, là Nguyên thanh, Nguyên-nhân nội-tại của vạn-vật " *Hữu danh vạn vật chi mẫu* " Sự hợp-nhất hay là đồng-nhất hai phương-diện chưa phát và đã phát của thực-tại sinh-tồn thì ở Trung-Hoa gọi là *Thái-cực*, ở Ấn-Độ gọi là *Bindou*, ấy là nguyên-lai của tiết-điệu, khởi-điểm cho Ba-động đầu hay là Nguyên thanh, Nguyên-nhân nội-tại chủng-tử của tất cả sự-vật. Ấy là thanh-âm siêu-việt, nguyên-lý của Thanh-âm, Thời-gian và Không-gian .

Sự biểu-hiện của Thế-giới cụ-thể bắt đầu với sự xuất-hiện của Thời-gian và Không-gian. Thực-chất của thế-giới biểu-hiện là Ba-động, nghĩa là vận-động thuần-túy trong không-gian và thời-gian. Trên bình-diện " *vị phát chi trung* " thì cơ-bản của vận-động chính là *Tính* (性 : Brahman) ở bình-diện đã phát-động, phát-xuất biểu-hiện thì cơ-bản của vận-động là một Tục-tồn (Continuum) bất-dịch, tịch-tĩnh của Khí Sinh Sinh, Prana, mà bản-chất là Không-gian (Akaśa). Không-gian là cái gì trong ấy một vận-động, một Ba-động có thể triển-khai. Ở đâu một Ba-động, một vận-động không có thể thành được thì không có Không-gian. Cho nên không có Không-gian nào mà không có Khí (氣) cũng như không có Khí nào không có Không-gian, vì rằng thiếu Khí thì không có gì có thể rung-động nên Ba-động, thiếu Không-gian thì không có chỗ để cho Khí Ba-động, không diên trường (extension) nữa .

Thời-gian, theo triết-học gia Ấn-Độ là một phẩm-tính, một diện-tích của Không-gian thì có hai loại : Thời-gian tuyệt-đối bất-phân như chính Không-gian vậy, vì Không-gian trong cái bình thì tự nó không phân-cách với Không-gian bao quanh bên ngoài. Cũng như thế mà Thời-gian vô hạn tự nó không bị ảnh-hưởng bởi sự phân-chia tạm thời do một vòng tuần vận nào tạo ra. Thời-gian tương-đối là một đoạn Thời-gian tuyệt-đối bị giới-hạn trong một vòng tuần vận nào trong một thế-giới nhất-định do vận-hành tinh-tú tạo ra có ngày,

đêm, năm, tháng, thời-đại. Nhưng một khi vũ-trụ hành-tinh bị thiêu hủy thì Thời-gian tương-đối hết còn, và trở về Thời-gian bất-phân, cũng như Không-gian trong cái bình khi bình vỡ lại tan hòa vào Không-gian vô hạn mà nó vốn là một thành-phần .

Vậy nên chúng ta thấy rằng trong cái cơ-bản nền-tảng tồn-tại của Thời-gian không vũ-trụ bất-phân vô-hạn, chính là một vận-động tuần-hoàn hay là Ba-động sẽ quyết-định cho Không-gian và Thời-gian tương-đối. Cái vận-động ấy là mực-thước và cũng là tính-chất của tất cả sự-vật. Đi đâu, mãi vào cơ-cấu vũ-trụ hay là nguyên-tử, hay là những ý-niệm, chúng ta đều thấy cái vận-động mà thôi. Không một thực-chất nào khác, chỉ thấy có tiết-điệu, không còn một hình-thức nào khác nữa .

Nguyên - Thanh Hay Ba - Động Tổ._

Cơ-bản vô-định và bất-định của vũ-trụ hay Thời Không là cái Toàn-Nhất hay Thái-Cực (太極) biểu-hiện phân-hóa ra Âm, Dương, Thời-gian và Không-gian trong đó vận-động điều tiết tuần hoàn nhịp-điệu thành Ba-động khởi thủy gọi là Nàdà : Nguyên Thanh .

Cái Ba-động đầu tiên khởi thủy ấy được coi như tương-tự với một thanh-âm, lấy làm nguyên-nhân khởi-thủy của thế-giới tri-giác. Nhưng cái nguyên thanh ấy không những chỉ là một Ba-động mà nó cũng còn là một Năng-lực, một Xu-thế hay là một Tỉ-lượng những xu-hướng, cũng là một Ý-dục (Volonté désir) nổi lên trong cái ý-thức đại-đồng như một sóng nước trên mặt biển lặng. Đây là tinh-túy của Lời, của Ngôn, vừa là Năng-lực vừa là Ý-niệm, vừa là Ba-động tinh-thần (Vritti) như ở âm-nhạc hay là tiếng phát-âm tức là ngôn-ngữ vậy .

Mỗi vật trong thế-giới hữu-hình đều là cụ-thể-hóa của Ý-niệm " Hữu danh vạn vật chi mẫu " (有名萬物之母) _ (Lão-Tử) (Có tên gọi là Mẹ đẻ của tạo-vật). Cái bình có trong tư-tưởng người thợ Gốm trước khi y nặn đất. Vũ-trụ tạo-vật này cũng thế, có sẵn trong tư-tưởng sáng-tạo trước khi hiện ra cụ-thể để người ta tri-giác được. Ở trường-hợp người thợ Gốm, sự quan-hệ giữa thực-chất và ý-niệm thì ngẫu-nhiên và tạm-thời, còn như trong cuộc tạo

hóa đại đồng thì quan-hệ ấy thường tồn mãi mãi. Ý-niệm và thực-chất xuất-hiện và đồng-thời trong nguyên-lý, và chỉ phân-hóa tùy theo quan-điểm về trình-độ biểu-hiện, nghĩa là thực-chất và ý-niệm là cùng một duy-nhất được tri-giác ở hai phương-diện khác nhau. Lời hay Danh, thanh-âm đại-biểu cái hàm-số chung cho cả hai phương-diện ấy, cho nên có một tiếng, một tên, tên gọi tự-nhiên phù-hợp với mỗi vật hay là mỗi phương-diện biểu-hiện. Cái Danh, tên tự-nhiên, thường danh của vật là hình-thức ba-động thành tiếng của tinh-thần, của ý-tưởng mật-thiết quan-hệ với thực-chất và hình-tượng của vật, cả hai đều là thể-thức và những tỉ-lệ hay tiết-điệu của cùng một ý-tưởng, ý-niệm (Idée).

Triết-lý chân ngôn : Ý nghĩa của tiếng Um : Hum : A-U-M .

Trong truyền-thống cổ-hữu xa xưa Ấn-Độ sự trọng-đại của Lời được phô-diễn trong Upanisat (Ảo-nghĩa-thư) .

Tinh túy của Đất là Nước

Tinh-túy của Nước là Cây cỏ

Người là tinh túy của Cây cỏ

Tinh túy của Người là Lời

Tinh túy của Lời là Lục-vệ-đa (Rig - Veda)

Tinh túy của Lục-Veda là Sammaveda

Tinh túy của Sammaveda là Udgitha

Cái Udgitha ấy là tối hoàn-hảo, tinh túy tối cao, và xứng-đáng ở ngôi vị cao nhất, là ngôi thứ III (Chandogya-Upanisad) .

Ngụ ý câu Kinh trên đây là những năng-lực và tính-chất tiềm-tàng của Đất và Nước. Thổ và Thủy đều được tập-trung và biến-hóa trong cơ-thể cao hơn của cây cỏ thảo-mộc. Những năng-lực thảo-mộc lại được tập-trung và biến-hóa vào Người hay Nhân-loại. Những năng-lực của Nhân-loại đều tập-trung vào năng-khiếu suy-tư trí-thức và khả-năng biểu-diễn ra Ngôn-ngữ Âm-thanh, hợp-nhất hình-thức nội-giới với hình-thức ngoại-giới, *Tư* với *Thính* theo trình-tự kinh-nghiệm sinh-lý tâm-lý Đông-phương :

Mạo	Cung	Túc
Ngôn	Tòng	Nghệ
Thị	Minh	Triết
Thính	Thông	Mưu
Tư	Duệ	Thánh

Do đây sinh ra Lờì, Ngôn, Danh mà Nhân-loại đã tự phân-biệt với chúng-sinh thấp kém hơn .

Sự phát-biểu quý-giá nhất của khả-năng trí-thức tổng-cộng kinh-nghiem nhân-loại là khoa-học thiêng-liêng Veda ở hình-thức thi-ca Lục-Veda và Ca-tụng Veda (Sammaveda). Thi-ca vượt xa hơn văn xuôi nhờ tiết-điệu của nó tạo ra một nhất-quán tối cao sâu rộng và giải-phóng tinh-thần khỏi tất cả ràng buộc. Nhưng âm-nhạc lại còn tế-nhị hơn cả thi-ca vì nó làm cho ta vượt khỏi ý-nghĩa của Lờì, đặt ta vào trạng-thái tinh-thần thông-cảm trực-giác .

大樂與天地同和

" Đại nhạc dữ thiên địa đồng hòa " _ (Lễ Ký)
(Bản nhạc tối cao cùng hòa điệu với vũ-trụ)

Vậy thi-ca và âm-nhạc cũng như vận-điệu và hòa-điệu tổng-hợp và thành-tựu trong những Ba-động thâm-trầm và thông-suốt của Nguyên-Âm thiêng-liêng là Um - Hum - A.U.M. Nguyên-âm AUM là thực-nghiem thuần-túy tối-cao của ý-thức từ giác-quan thô-sơ tiến lên, thống-nhất vào tâm-linh trải qua tất cả các tầng lớp trung-gian như một chủng-tử, một hạt giống vùi dưới đất dần dần vượt tất cả trở-ngại để ngoi ra ánh-sáng mặt-trời. Như thế thì Nguyên-Âm là tinh-hoa, là mầm mống chủng tử Thần-chú của Vũ-trụ, coi như trường Ba-động năng-lực đại-đồng, ý-thức vũ-trụ, " Thiên địa chi tâm " (天地之心) . Sự đồng-nhất-hóa Lờì linh-thiên với Vũ-trụ khiến cho Lờì, Danh là Mẹ đẻ ra tạo-vật .

(無名天地之始有名萬物之母)

" Vô danh thiên địa chi thủy. Hữu danh vạn vật chi mẫu " _ (Lão-Tử)

(Nguyên-lý khởi thủy của tạo-hóa không có tên gọi, siêu hình danh sắc tướng. Bắt đầu có tên gọi, với thanh-âm ba-động, là Mẹ đẻ ra tất cả hiện-tượng vạn-vật có hình sắc) .

Theo Lão-Tử thì thế-giới biểu-hiện bắt đầu với Ba-động Âm, Dương như trên mặt bể có ngọn sóng lên xuống nhấp-nhô, lên là Dương, xuống là Âm của một thể Nước.

(萬物負陰而抱陽冲氣以為和)

" Vạn vật phụ Âm nhi bảo Dương, sung khí dĩ vi hòa "

(Muôn vật biểu-hiện đều đội khí Âm, ôm khí Dương, hợp lại để làm nên hòa-điều) .

_ (Đạo-Đức Kinh -- Lão-Tử)

Âm, Dương là vận-động tuần-hoàn, nhịp điệu như những đợt sóng trên mặt nước. Nước tượng-trung bản-thể nội-tại, sóng là hiện-tượng ngoại biểu. Nhịp-điệu vận-hành đơn thuần nhất là Nguyên-thanh là chủng-tử ba âm. Lời thần-chủ chân ngôn như Saint Jean trong Thánh-kinh Thiên-Chúa nói :

" *In the beginning was the word, and the word was with God, and the word was God* "

(Khởi-thủy là Lời, và Lời ở bên Thượng-Đế, và Lời là Thượng-Đế)

Lời, le Verbe, the Word, ấy là Nguyên-thanh vậy .

Trong Mandukya Upanisad, có bài tụng :

" 1./ OM (AUM) : Lời là tất cả cái này (thế-giới biểu-hiện). Đây là ý-nghĩa cái đã có, và sẽ có (quá-khứ, hiện-tại, vị-lai, Tam Tế) tất cả thực-sự chỉ là OM, và hơn nữa cái gì vượt cả ba quan-niệm về thời-gian, cái ấy đích thật là OM .

" 2./ Tất cả cái này (vũ-trụ quanh mình) thực là Brahman. Cái Atman (nội-giới mình) cũng là Brahman. Và cái Atman (Nhân Thân) này có (4) bốn phần .

" 3./ Phần gốc thứ nhất là Vaicra nara (Người trong vũ-trụ) mà phạm-vi của nó là trạng-thái Thức, nó ý-thức về sự-vật ngoại-giới (nhờ có các cửa giác-quan. Nó có (7) bảy chi : Đầu là vòm-trời, Mắt (mặt-trời), Hơi thở (gió), Thân-thể (không-gian), Thận (nước), Chân (đất), Miệng (lửa) để thở. Và nó có (19) mười chín cửa : (5) năm Tri căn, (5) năm Tác căn, (4) bốn Uẩn, (1) một Khí : (Mat na) : Tinh-thần, Buddhi : Quyết-định, Ahamkara : Ngã mạn ái, Citta : Thức . Nó thực-nghiệm vật thô, phác nghiệm vật lý .

" 4./ Phần thứ hai của thực hữu là Taijasa là Đức-Sáng , Minh-Đức. Đại bản của nó là trạng-thái Mộng. Ý-thức quay vào trong. Nó có (7) bảy chi và (19) mười chín cửa. Nó thực-nghiệm những vật tế vi .

" 5./ Bây giờ đến trạng-thái Ngủ say, Thụy-Miên, trong đó kẻ ngủ không đòi một đối-tượng nào nữa, và cũng không có mộng nào nữa .

" 6./ Trạng-thái này là Tối-cao. Người biết toàn-thể Người chủ-động bên trong. Nguồn gốc của tất cả hiện-hữu. Chính tự Tối-cao mà tất cả xuất-hiện và tại nơi Tối-cao mà tất cả thu về .

" 7./ Cái gọi phần thứ (4) bốn Turya là trạng-thái Ý-thức không có chú ý vào nội-giới chủ-quan, không còn ý-thức về thế-giới khách-quan, không cả ý-thức về hai thế-giới chủ và khách, năng và sở, không phải là một khối bất phân của ý-thức, cũng chẳng phải là cái Biết. Turya không phải là cái để cho người ta tri-giác bằng giác-quan, không có quan-hệ với cái chi hết, không để cho người ta sa đạt tới bằng trí-thức. Cái ấy không thể suy-luận, tư-nghị mô-tả được. Tinh-túy của nó thuộc về Thức-tính thuần-túy mà chỉ một mình là Atman, phủ-nhận tất cả ảo-ảnh, đây là an-hòa vĩnh-viễn, lạc cảnh trường-cửu và bài-trừ tất cả lưỡng-tính đối-đãi. Đây là cái gọi là Turya. Cái ấy sự thực là Atman Tự-Tính mà người ta phải thực-hiện .

" 8./ Atman hay Tự-Tính đồng-nhất với tiếng OM gồm những thành-phần này nhìn ở phương-diện Âm Thanh, song các thành-phần ấy chỉ đồng-nhất với chữ, và chữ đồng-nhất với thành-phần của Tự-Tính. Ở đây những chữ cấu kết ra tiếng OM : AUM .

" 9./ Cái thành-phần trạng-thái Thức (Vaicra nara) lấy địa-bàn là trạng-thái Thức hay Ý-thức lúc thức thì cũng là chữ A đứng đầu tiếng AUM hoặc vì nó có khả-năng thâm-nhập vào tất cả, hoặc là vì nó là chữ bắt đầu. Ai biết sự đồng-nhất ấy, thấy tất cả vật sở-thích, và nó ở đâu cũng được đứng đầu.

" 10./ Taijasa, cái tính sáng và môi-trường hoạt-động là trạng-thái Mộng thì đồng-nhất chữ thứ hai U bởi vì đây là một kết-tinh và nó chứa phẩm-tính của hai chữ kia. Ai biết được như thế thì nhập vào dòng trí-thức và trở nên quân-bình. Ở y không có ai sinh mà không biết về Brahman .

" 11./ Prajna là Người biết mà môi-trường hoạt-động là Ngủ-say. Đây là chữ thứ ba M bởi vì đây là mực-thước và tất cả nhập vào đây. Ai biết nó có thể đo lường tất cả và dự phần vào tất cả .

" 12./ Phần thứ (4) bốn thì hết Thanh-âm, tịch tĩnh không đọc lên tiếng được nữa, yên lặng hết tất cả biểu-hiện phân-hóa, an-hòa hay là sung-sướng, không còn đối đãi lưỡng diện. AUM Thức là Atman : Linh-hồn : Tự-Ngã, ai biết như thế là hòa-hợp Tự-Tính của mình với Tự-Tại, Phải, ai biết như thế ".

Trên đây Kinh Upanisad : Áo Nghĩa Thư đã phân-tích tiếng UM : OM thành yếu-tố thanh-âm A.U.M. biểu-thị cho ý-thức toàn-diện ở các bình-diện kinh-nghiệm của sinh-tồn là :

Ý-thức, Thức, danh-lý lưỡng-nguyên Tâm, Vật, Ngã, Phi-Ngã (Moi, Non- moi) được ví với A, bước đầu phát âm .

Ý-thức, Mộng, ví với U là đang diễn tiếng cửa giác đóng lại, tự trong đối-tượng-hóa ra hình-ảnh tinh-thần .

Ý-thức, Ngủ không Mộng :

" *Chân nhân tâm nhi bất mộng* " _ (*Trang-Tử*).

Trạng-thái của ý-thức ở bình-diện này ví như M là đóng lại của tiếng A.U.M. Toàn-thể nhất-quán của tiếng A.U.M. hay UM là ý-thức vũ-trụ, tức trạng-thái thứ (4) bốn bao-hàm thông-suốt tất cả ba trạng-thái trên và siêu-việt lên trên tất cả. Đây là ý-thức Thời, Không : Vũ-trụ, (bốn phương trên dưới là vũ, xưa đi nay đến là trụ) tức là cái điểm *Thiên Địa chi Tâm* (天地之心) ở Kinh Dịch " *Dung Tam Tế* " (鼎中三際). Nhậm Vận. Thiền-Sư Vạn-Hạnh. Chính cái trạng-thái ý-thức này mà Vạn-Hạnh đã thực-nghiệm là trạng-thái trí-thức hợp-nhất Năng Sở, Tâm Vật, Nội Ngoại, như sách Trung Dung của Nho-giáo đã nói :

(合外内之道, 時措之宜)

" *Hợp ngoại nội chi đạo, thời thố chi nghi* ".

(Hợp-nhất ngoại-giới với nội-giới, lúc nào thì-thố cũng thính đáng)

Đây là cái thực-nghiệm của các nhà tâm-linh-học Âu-Tây, gọi là (Eternel Présent) (Hiện-tại thường-xuyên vĩnh-cửu), mà Thiền lão đời Lý (1038) đã trả lời câu hỏi-thăm của Lý-Thái-Tông .

_ Hòa-Thượng trụ trì ở sơn môn đã bao lâu ?

Sư đáp :

_ " *Đản chi kim nhật nguyệt*
Thủy thức cừu xuân thu . "

_ (Sống ngày nay biết hôm nay
Còn Xuân Thu trước ai hay làm gì ?)

Đây chính là cái ý-thức Không-Hư, chỗ Không ở thực-nghiệm tâm-linh Phật-giáo vậy .

Tác-giả " *Tam Tổ Hành Trạng* " là Đại Thiền-Sư Hải-Lượng, cuối thế-kỷ XVIII gọi cái trạng-thái thực-nghiệm ấy là Không Thanh, trong bản-đồ " Hai mươi bốn thanh ứng phối với núi khí " để mô-tả biểu-tượng cái triết-lý " *Đại Chân Viên Giác Thanh* ". Cái trạng-thái này sao gọi là Không Thanh ? Đây là biểu-tượng cho cái kinh-nghiệm Thiền-định ví như trạng-thái tinh-thần ngủ say, chưa có ý-thức về Ngã và Phi-Ngã, Nội-giới và Ngoại-giới, Tâm và Vật, Năng và Sở. Đây là trạng-thái thuần-túy kinh-nghiệm (Pure expérience) của các nhà Mystique : Tâm-linh Thực-nghiệm Đông Tây xưa nay vậy .

" Khi Pháp-Loa ngộ bệnh, Huyền-Quang đến thăm hỏi. Sư đang ngủ say mà Huyền-Quang nghe có tiếng kêu : Hồng Hồng Hồng, ba tiếng " Sanscrit " như lời chú của Lat-Ma-Giáo Tây-Tạng " Mani Padma Hồng ", Huyền-Quang hỏi thầy :

_ " *Tôn-giả mị ngữ da ?* "

_ (Tôn-giả nói mê đấy chăng ?)

Pháp-Loa đáp :

_ " *Thụy tắc mị ngữ, bất thụy tắc bất mị ngữ !* "

_ (Ngủ thì mới nói mê, không ngủ thì không nói mê !)

Huyền-Quang hỏi :

- _ " *An đắc thụy dữ giác nhất hoàn tha bất bệnh thời ?* "
- _ (Làm sao cho ngủ say với giác tỉnh đều trở lại lúc không có bệnh ?)

Pháp-Loa đáp :

- _ " *Bệnh dã bất can tha, bất bệnh dã bất can tha* "
- _ (Bệnh cũng không phạm đến cái ấy, không bệnh cũng không phạm đến cái ấy) .

Huyền-Quang nói :

- _ " *Tranh nại ký hữu ngữ thanh hà ?* "
- _ (Làm thế nào khi đã có tiếng nói ?)

Pháp-Loa đáp :

- _ *Quản thậm ma phong thụ thanh !* "
- _ (Đề ý làm chi đến tiếng gió thổi cây !)

Huyền-Quang nói :

- _ " *Phong quá thụ thanh nhân tắc bất hoặc, thụy trung mị ngữ tắc năng hoặc nhân* "
- _ (Gió thổi qua cây có tiếng, người ta không nghi-hoặc. Người ta ngủ say nói mê thì có thể làm cho người nghi-hoặc).

Sư Pháp-Loa đáp :

- _ *Si nhân diệc hữu hoặc ư thụ thanh giả* "
- _ (Người ngu-si cũng nghi-hoặc về tiếng cây) .

Huyền-Quang nói :

- _ " *Chỉ thứ nhất tậ chí tử dã bất liêu !* "
- _ (Chỉ có một cái tậ ấy đến chết cũng không khỏi !)

Sư Pháp-Loa bèn đuổi ra. Huyền-Quang liền đi ra .

Đoạn văn trích-dẫn trên đây rút trong bộ (" *Tam Tổ Thực Lục* ", Việt-Nam Phật-Điển Tùng-San, tập 6, bộ 2) đã nói lên cái thực-nghiệm tâm-linh của Thiên-Sư Pháp-Loa trong dòng Trúc-Lâm Yên-Tử. Cái thực-nghiệm ấy là thực-nghiệm cái ý-thức Chân Không (Sunyata), là ý-thức " *Bất Nhị Pháp* " hợp-nhất năng-tri và sở-tri, là cái tâm vô-niệm của Thiên-Sư, ví như trạng-thái

thụy-miên, ngủ-say yên-tĩnh, vắng-lặng, chưa có hình-ảnh phát-hiện ví như nhà Nho nói trong sách Lễ Ký :

" *Nhân sinh nhi tĩnh thiên chi tính dã, cảm ư vật nhi động, tính chi dục dã* "
(Người ta sinh ra yên-tĩnh, hồn-nhiên là tính thiên-nhiên, cảm-xúc với vật ngoài mà tác-động ấy là tính-dục vậy).
Hay là sách Trung Dung viết :

喜怒哀樂之未發謂之中
發而皆中節謂之和

" *Hỷ nộ ai lạc chi vị phát vị chi trung, phát nhi giai trúng tiết vị chi hòa* "
(Những động-tác của Tâm như mừng, giận, đau, vui chưa phát-động thì gọi là trạng-thái bên trong, phát-động ra mà đều trúng tiết-điều thì gọi là quân-bình hòa-điều) .

Trên đây Pháp-Loa đã lấy kinh-nghiệm ngủ-say " *thụy miên* " để ví với cái ý-thức Chân Không, đồng-nhất-hóa với ý-thức giác-ngộ, bởi vì chỉ trong trạng-thái ấy mới ra khỏi cái ý-thức hình-danh sắc-tướng (nama-rupa) trong đó chưa có tác-động thành những ba-động tinh-thần mâu-thuẫn chông-đối, lưỡng-nguyên Có, Không của ý-niệm .

(無名天地之始有名萬物之母)

" *Vô danh thiên địa chi thủy, hữu danh vạn vật chi mẫu* "
(Không có tên gọi là nguyên-lý khởi-thủy của Trời Đất thế-giới hiện-tượng. Có tên gọi là Mẹ đẻ ra vật này vật khác vô cùng của thế-giới hiện-tượng) .
_ (Đạo-Đức Kinh) .

Nhưng "Vô danh" với "Hữu danh" hai phương-diện như Thể (Essence) với Dụng (Existence) có vẻ đối nghịch mâu-thuẫn bài trừ lẫn nhau trên bình-diện ý-thức danh-lý trí-thức " *Hình danh sắc tướng* " . Kỳ thực trong kinh-nghiệm *thụy-miên* thì tuyệt-nhiên không có cả hai, Bất Nhị Pháp (Sunyata) : Không .

" *Thử lưỡng giả đồng xuất nhi dị danh, đồng vị chi huyền, huyền nhi hựu, huyền chúng diệu chi môn* " .

(Hai cái ấy đều phát-xuất ra một lúc đồng thời mà mang tên gọi khác nhau, cùng gọi là huyền-bí, huyền-bí lại huyền-bí, là ngõ cửa của tạo-vật, sáng hóa vô cùng, thiên hình vạn trạng .)

Vậy nên có hai con đường để đi đến Chân-lý là Thực-tại tuyệt-đối hay Tự-do giải-thoát, ấy là không thừa-nhận thế-giới biến-dịch, đổi thay là thật, từ bỏ xã-hội hệ-lụy giả-tạo như thái-độ cực-đoan của Lão-Trang " *Tuyệt Thánh khí trí, tuyệt Nhân khí nghĩa* " bỏ hết các giá-trị ước-lệ của nhân-quần xã-hội để trở về thiên-nhiên, để rồi vượt cả thiên-nhiên mà nhập vào cái ý-thức vũ-trụ, cái " *Thiên địa chi tâm* " (天地之心) tức là cái ý-thức vũ-trụ, hay là khẳng nhận thế-giới này là tương-đối thật, như thái-độ của Khổng Mạnh quan-niệm thế-giới biểu-hiện ví như ánh-năng với bóng râm, tuy tương-đối mà có thật nhưng vượt lên đến tuần-tự từ tương-đối hẹp ra tương-đối rộng cho chí toàn-thể tương-đối đại-đồng tức cũng là tuyệt- đối .

Đây là con đường chính danh, nhập-thế hữu-vi của truyền-thống điển-hình Nho-giáo : Tu (思), Tề (齊), Trị (治), Bình (平) nối tiếp lại ý-thức cá-nhân. Ý-thức đại-đồng qua Gia-đình (家) Quốc-gia (國家) và Thế-giới (世界) cho chí cùng với vũ-trụ tham nhập " *Dữ Thiên Địa tham* " (與天地參).

Hai con đường thực-hiện Đại-học truyền-thống Á-Đông trên đây, con đường Vô-vi và Hữu-vi hay là Xuất-thế và Nhập-thế ở Trung-Hoa hay Ấn-Độ vốn đối-lập tranh-chấp lẫn nhau, một mất một còn như chúng ta đã thấy trong lịch-sử giữa Lão Trang và Khổng Mạnh hay giữa Phật-giáo và Bà-La-Môn-giáo. Nhưng ở Việt-Nam, thời Lý, Trần, hai con đường ấy phổ-thông gọi là Thiên và Tịnh đã được giới lãnh-đạo dân-tộc hợp-nhất để sáng-tạo nên cái ý-thức-hệ Tam-giáo điển-hình Nho - Đạo - Phật, dung thông xã-hội, thiên-nhiên và siêu-nhiên, như chúng ta thấy ở bản-thân kinh-nghiệm của Trần-Thái-Tông, bắt đầu phủ-nhận xã-hội để vào núi tìm Phật, để rồi gặp Thiên-Sư Trúc-Lâm Yên-Tử bảo phải trở về tìm Phật tại Tâm bằng con đường nhập-thế hành-động quên mình cho gia-đình, cho quốc-gia xã-hội đến cái ý-thức lấy " Tâm thiên-hạ làm Tâm , lấy ý-muốn của nhân-dân làm ý muốn ". Con đường thực-hiện ấy là con đường " Hữu Danh ", " Nguyên Thanh " lấy Âm-thanh tổng-quát thế-giới biểu-hiện " hình danh sắc tướng " (Mana - Rupa). Cho nên Ngài bảo những ai hiểu được con đường ấy là " Tri âm " vậy .

" Trầm dĩ vạn cơ chi dư hạ, duyệt Tam tạng chi thậm thâm, ngộ thử pháp môn trực chỉ nhân trung tác Phật, nhiều tha mình nhận, hà phương cảm thượng thiên hoa. Nhược thị " Tri âm " chính hảo tiến bộ "

— (Bình Đăng Lễ Sám Văn Tụ)

(Ta dùng lúc nhàn rồi việc nước, xem Kinh Tam Tạng (Kinh Luật Luận) nhà Phật hết sức thâm sâu, giác-ngộ được pháp-môn này là bảo thẳng cho loài người tu thành Phật, đem thêm con mắt sáng cho họ, có hại gì thêm vào gắm. Nếu thực là " Tri âm " chính nên tiến bước) .

Hai chữ " Tri âm " trên đây là Thái-Tông gọi người cùng theo đạo Chân Không với mình, đáng như Ngài cho thanh-âm mới biểu-diễn được ý-thức uyên-thâm về đạo-lý vừa Vô-vi lẫn Hữu-vi, tức là tổng-hợp được cả phương-diện Có Không mâu-thuẫn .

Thánh-Tông quan-niệm đạo Phật Chân Không (Sunyata) có hai phương-diện Thể và Dụng. Thể là Bản-thể (Essence) thì Tĩnh và Dụng là Động-tác (Existence) thì Động .

*" Động như không cốc phong sao hưởng
Tĩnh như hàn đàm nguyệt lậu minh . "*

(Sự Động của đạo ví như âm-thanh khi gió thổi vào hang rỗng
Sự yên-tĩnh thì như ánh-trăng soi suốt mặt hồ lạnh)

— (Đại Minh Lục)

Thánh-Tông ở đây lấy hình-ảnh thi-vị-hóa âm-thanh của tiếng vang gió thổi vào hang núi trống rỗng với hình-ảnh chẳng kém thi-vị Thiên của ánh-trăng chiếu suốt qua mặt hồ lạnh để mô-tả cái trạng-thái thuần-túy trực-giác về Thực-tại Tự-Tính Chân Không, như động trong tĩnh, tĩnh mà động, ví như ba-động thanh-âm khi nhỏ và chậm hay cực mau thì siêu cảm-giác, khi trung bình thì lại có thể nghe thấy. Ngài còn nói ở bài *" Chân Tâm Chi Dụng "* (Cái dụng của Chân Tâm nó tỉnh-táo, nó lặng-lẽ, không đi không lại, không giảm không tăng, vào lớn được, vào nhỏ được, xoay thuận được, xoay ngược được. Động thì như mây, hạc, Tĩnh thì như tường, vách. Nhẹ như lông, nặng như đá, sạch lâu lâu, đỏ hơn hồng. Không có thể đo lường, không có tông tích) .

— (Theo Hoa-Bằng trong Tạp-chí Trí-Tân, mục Việt-Nam Văn-Học Sử)

Các Tổ Thiền Trúc-Lâm An-Tử Việt đã khéo mô-tả cái thực-nghiệm thuần-túy về nguyên-lý " *Vô cực nhi thái cực* " (無極而太極) của biện-chứng Dịch (易) đem ứng-dụng vào nghệ-thuật Thiền, ngõ hầu được thực-hiện cái ý-thức tổng-hợp khai-phóng của văn-hóa Việt-Nam và Đông-Nam-Á là cái ý-thức " *Đồng qui nhi thù đồ* " (同歸而殊途) (L'Unité dans la Diversité). Các Thiền-Sư Trúc-Lâm Yên-Tử đã biểu-tượng bằng âm-thanh cái đại-hòa-điều ấy đồng thời cũng lấy tín-ngưỡng Âm-thanh làm môn " *Chứng ngộ viên thông* " tốt hơn cả, như Kiều-Trần-Na đáp câu hỏi của Thế-Tôn ở Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm :

" *Ngã tại Lộc Uyển cập ư kế viên, quan kiến Như Lai, tối sơ thành đạo, ư Phật âm thanh ngộ minh tứ đế.*

" *Phật vấn Tỳ Khưu, ngã sơ xưng giải, Như Lai ấn ngã danh A Nhựợc Đa, diệu âm mật viên, ngã ư âm thanh đắc A La Hán, Phật vấn Viên Thông như ngã sở chứng, âm thanh vi thượng* " .

(Nghĩa là Kiều-Trần-Na bạch Phật rằng :

(_ Tôi ở nơi Lộc-Uyển và Kế-Viên xem thấy Đức Như Lai khi mới thành đạo ở đây nghe âm-thanh Phật mà tỏ ngộ nguyên-lý tứ đế.

(Phật hỏi các Tỳ-kheo, thì tôi trước tiên đáng gọi là hiểu. Như Lai ấn-chứng cho tôi tên là A-Nhĩ-Đa. Tôi do nơi âm-thanh vi diệu viên-mãn mà thành vị A La Hán. Nay Phật hỏi phép viên thông, thì như chỗ sở chứng của tôi, âm-thanh là hơn cả) .

Môn ngộ đạo của phái Thiền Trúc-Lâm Yên-Tử, kể từ Trần-Thái-Tông cũng lấy âm-thanh làm hơn cả để thực-hiện cái Tâm Vô-Niệm, không vướng mắc vào đâu mà sinh thành sáng-tạo. Cho nên Trần-Nhân-Tông, vị Tổ chính thức nhất trong ba Tổ của dòng Thiền này mới có bài ca Thiền : " *Đắc Thú Lâm Tuyền Thành Đạo* " ở trong đó có nói tôn-chỉ Thiền quan-hệ với Âm-thanh :

" *Thiền tông chỉ thị
Mục cử đạo tồn*

*Không cốc truyền thanh
Âm hưởng ứng đã "*

(Chỉ bảo dòng Thiền
Dương mắt đạo đầy
Hang trống thanh truyền
Âm vang vọng lại).

Và lời kêu gọi " tri âm " của Nhân-Tông :

" Biết đào hồng, hay liễu lục
Thiên hạ năng mỗ chủ tri âm ? "
_ (Cư Trần Lạc Đạo)

Với Tổ thứ hai là Pháp-Loa, chúng ta thấy như ở trên Sư lấy trạng-thái ngủ-say có tiếng Hum, Hum mà đồng-nhất-hóa với trạng-thái Giác-ngộ Bồ đề, vì tiếng thần-chú UM là Nguyên-Thanh ra vào Động Tĩnh của Tự-Tĩnh Chân-như hay là ý-thức (Samadhi) (Tam-Ma-Địa), là ý-thức tự-tại bên trong ý-thức tác-động của Lục-thức .

" Như người đang ngủ nằm trên giường chõng, trong nhà có người già gạo. Khi đó người ngủ kia mơ, tưởng là tiếng trống hoặc tiếng chuông, đến chừng thức dậy mới nhận rõ đó là tiếng chày giã gạo. A Nan, người ngủ kia, mặc dù đối với cảnh vật hiện tiền không thấy biết mà " tánh nghe " của y cũng không mất .

" Cái " tiếng " đối với cái " nghe " thì cái " tiếng " nó tự sinh tự diệt, chớ cái " nghe " (tâm) của ông không phải vì cái " tiếng " sinh ra mà nó " có " đến khi cái " tiếng " diệt đi thì nó " không có ". Tại ông điên đảo, hôn mê nhận cái " thường còn " (tánh nghe) làm đoạn diệt (cái tiếng) chớ không phải rời Sắc, Thanh, Hương, Vị sáu trần-cảnh mà cảm-giác thấy, nghe hay biết của ông không có " .

_ (Triết-lý Đạo Phật -- Đại-Cương Lăng-Nghiêm _ Thích-Thiện-Hoa, xb. Chợ-Lớn, tr. 152)

Đến vị Tổ thứ ba là Huyền-Quang, như trên đã trình-bày bài thơ Chùa Một Cột của ông do cái Mộng Phật Quan-Âm của Lý-Thánh-Tông đã khởi hứng lên cái hình-ảnh nghệ-thuật độc-đáo. Và Thiền-Sư đời Trần của dòng

Trúc-Lâm Yên-Tử đã nhân âm-thanh của tiếng chuông tàn trong đêm khuya mà lần theo làn ba-âm như làn sóng tri-giác tan chìm vào trong cái biển hiểu-sinh vô-lượng vô-biên của Phật-tính bất nhị vượt lên trên cả thiện ác, thị phi mà Quan-Thế-Âm là tiêu-biểu .

" Bảy giờ Quan-Thế-Âm Bồ-Tát từ chỗ ngồi đứng lên, đánh lễ Phật và bạch rằng :

" _ Bạch Thế-Tôn ! Tôi nhớ vô số kiếp trước có Đức Phật ra đời hiệu là Quan-Thế-Âm từ bởi Đức Phật tôi phát tâm Bồ-Đề, và Ngài dạy tôi từ nghe tiếng, suy tư, tu tập mà vào Samadhi : Tam Ma Địa .

" Tôi vâng lời dạy, ban đầu từ tánh nghe để tôi quán-nhập, xa bỏ mọi trần sở nhập (đối với căn năng nhập) đã yên-tĩnh, thì hai tướng Động, Tĩnh trọn không phát sinh. Như vậy lần lượt tăng tiến, năng văn, sở văn đều hết. Năng văn, sở văn hết mà không trụ nơi đó, nên năng giác, sở giác cũng không. Không giác cùng tột viên mãn nên năng không, sở không toàn diệt, hiện bày, bỗng nhiên vượt khỏi thế, xuất thế-gian soi tỏ mười phương, được hai món thù thắng :

" Một là ở trên hợp với bản diệu giác tâm của mười phương chư Phật, cùng chư Phật đồng một " sứ " (từ cứu độ chúng sinh) .

" Hai là ở dưới hợp với tất cả chúng sinh trong lục đạo, cùng chúng sinh cùng một lòng " bi " (bi ngưỡng Vô thượng Bồ Đề) . "

_ (Kinh Thủ Lăng Nghiêm - Bản dịch của Tâm Minh _ Thừa-Thiên phát-hành, tr. 290)

Quá-trình giác-ngộ trên đây theo Quan-Thế-Âm đã được Tam-Tổ Huyền-Quang thực-nghiệm như đã mô tả trong bài thơ Vịnh Chùa Một Cột dẫn trên, là cả một biện-chứng giác-ngộ Chân Như. Sau này, khi Tổ Chân-Nguyên Chính-Giác thuật lại ở Thiền-Sư Ca :

" *Trần Triều Thiên-Tông Chỉ Nam Truyền Tâm Quốc-Ngữ Hành* " .cũng không quên nhắc lại hai chữ " Tri âm " để gọi đệ-tử Thiền-Tông :

" Chư Phật chỗ bảo căn nguyên
Khẩu thụ tâm truyền, Bát Nhã chính tông

Tứ mục tương cố nhĩn đồng
Thầy tớ trao lòng, dâng chúc giao huy
Bồng đầu, cử nhĩn, ân tri
Cơ quan thấu được, thực thì tri âm ."

Và tác-giả kết-luận :

" Bụt truyền tự cổ chí kim (câm)
Ai tin giá lý, tri âm thực thà ".

Bởi thế cho nên vào cuối thời Lê Mạt, Nguyễn Sơ, có Hải Lượng Đại
Thiền-Sư cùng một số cao tăng đương thời đã dùng " Hai mươi bốn thanh "
để thuyết minh cái triết-lý uyên thâm của dòng Trúc-Lâm Yên-Tử nhan đề là :
" *Đại Chân Viên Giác Thanh* " để làm kết-luận sách " *Tam Tổ Hành Trạng* "
Vây .

%%%%%%%%%